

PHANO

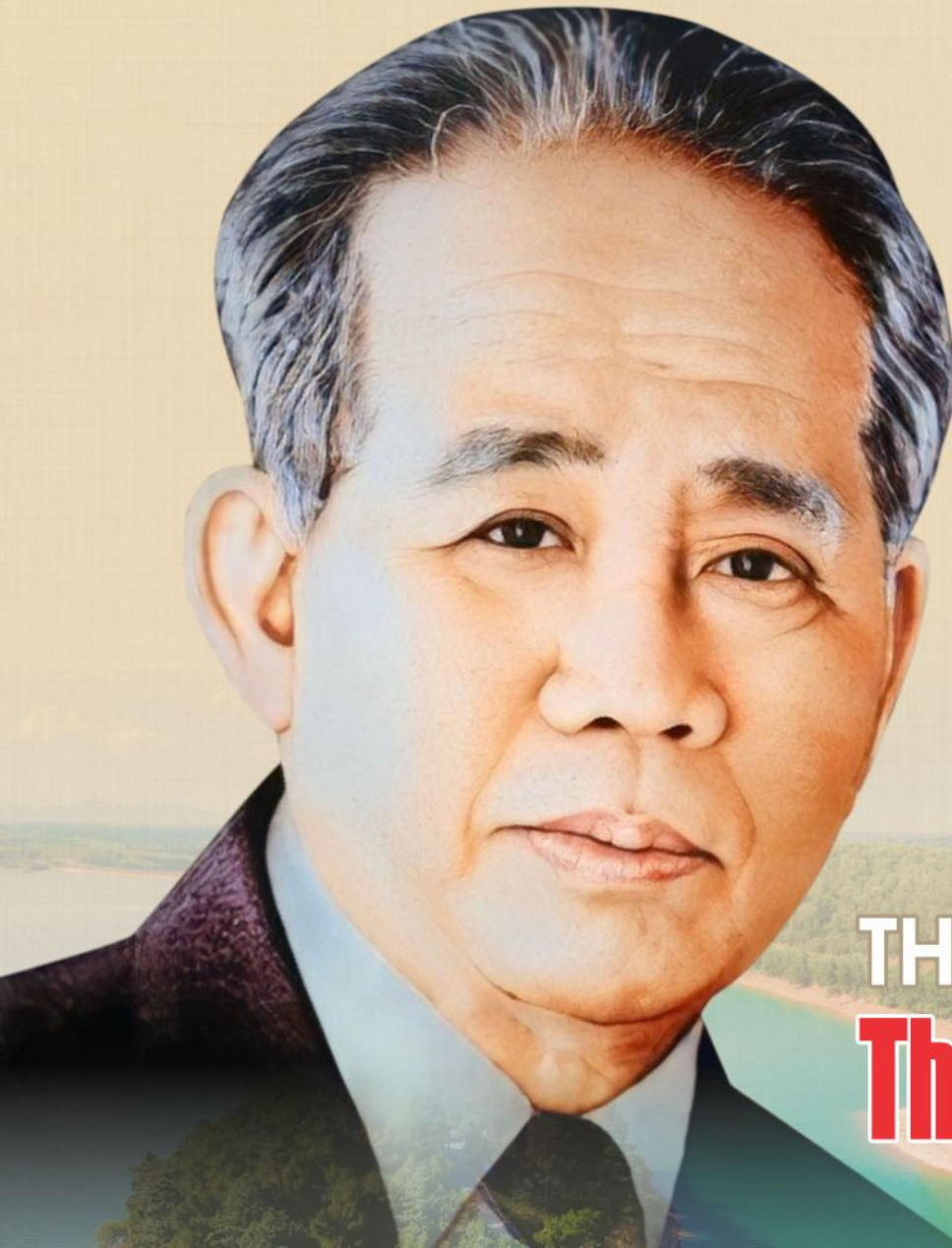


HỘI KHOA HỌC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Tạp chí

KHOA HỌC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

ISSN 1859-4700



THÁNG 7
Tháng tri ân!

**Tưởng nhớ 37 năm ngày mất của Tổng Bí thư Lê Duẩn
(10/7/1986 - 10/7/2023)**

Vietnam Journal of Science For Rural Development

**Số 76
07/2023**

THÁNG 7 Tháng tri ân!

Nhân kỷ niệm 76 năm Ngày Thương binh Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2023), kỷ niệm 37 năm ngày mất của Tổng Bí thư Lê Duẩn (10/7/1986 - 10/7/2023), tối ngày 9/7, tại Nhà hát Thành phố Hồ Chí Minh diễn ra Chương trình Nghệ thuật đặc biệt tưởng nhớ Tổng Bí thư Lê Duẩn, người chiến sĩ cộng sản kiên cường, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng và nhân dân ta, trong suốt cuộc đời mình đã luôn phấn đấu hy sinh vì sự nghiệp cách mạng của dân tộc và sự thống nhất, toàn vẹn non sông.

Với 79 năm tuổi đời, gần 60 năm hoạt động Cách mạng, 26 năm liên tục trên cương vị Bí thư thứ Nhất và Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng chí Lê Duẩn đã cống hiến trọn đời cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng Chủ nghĩa Xã hội.

Tên tuổi và sự nghiệp của Tổng Bí thư Lê Duẩn mãi mãi được ghi vào lịch sử vẻ vang của Đảng, của dân tộc với những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Đặc biệt trong những tháng ngày lịch sử giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Càng đặc biệt với miền Nam thành đồng Tổ quốc. Tổng bí thư Trường Chinh khẳng định: “Đồng chí Lê Duẩn có công đầu trong sự nghiệp giải phóng và thống nhất đất nước”.

Chương trình nghệ thuật đặc biệt quy tụ nhiều nghệ sĩ tên tuổi với những tiết mục ca múa nhạc đặc sắc, tái hiện cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của đồng chí Lê Duẩn, cũng như thể hiện những tình cảm thiết tha của đồng bào nhân dân và các thế hệ cán bộ, đảng viên bày tỏ lòng biết ơn công lao to lớn của Tổng Bí thư Lê Duẩn đối với đất nước, dân tộc, Đảng và nhân dân Việt Nam.

Đây là hoạt động thiết thực để các thế hệ hôm nay tưởng nhớ và tri ân Tổng Bí thư Lê Duẩn là nhà lãnh đạo chính trị kiên định, nhà chiến lược xuất sắc, nhà tổ chức tài năng, nhà tư tưởng chính trị lớn của Cách mạng Việt Nam.





Số Chuyên đề: "Tháng 7 - tháng Tri ân!"

Chủ tịch hội đồng biên tập

PGS. TS. Đào Thế Anh

Tổng Biên tập

GS.TSKH. Trần Duy Quý

Phó tổng Biên tập

TS. Lê Thành Ý

NB. Phí Văn Điển

Các ủy viên Hội đồng Biên tập

GS.TS. Nguyễn Tử Siem

PGS.TS. Khuất Hữu Trung

GS.TS. Đinh Văn Tiến

GS.TS. Nguyễn Văn Song

PGS.TS. Vũ Trọng Khải

TS. Nguyễn Tiến Mạnh

TS. Trịnh Văn Tuấn

TS. Estelle Bienabe

ThS. Lê Đức Thịnh

GS.TS. Đỗ Kim Chung

GS.TS. Trần Khắc Thi

TS. Hoàng Xuân Trường

Tổng thư ký Tòa soạn

Nhà báo Vương Xuân Nguyên

Trụ sở tòa soạn

Nhà số 1 Ngõ 186 phố Trần Duy Hưng,

Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024. 33216162 - 08.4646.0404

Email: toasoan.khcs@gmail.com

Website: <https://nongthonvaphattrien.vn>

Văn phòng giao dịch

Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

(Vinh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội)

Văn phòng đại diện khu vực Bắc Trung Bộ

Số 3/84 đường Tuệ Tĩnh, TP. Vinh, Nghệ An

Văn phòng đại diện miền Trung

Số 173 Nguyễn Văn Linh, P. Nam Dương,

Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Văn phòng đại diện khu vực Tây Nguyên

Số 7/4 phố Nguyễn Du, thị trấn Di Linh,

tỉnh Lâm Đồng

Văn phòng đại diện phía Nam

Số 8, Nguyễn Bá Huân, Thảo Điền

Quận 2, TP Hồ Chí Minh

Giấy phép hoạt động báo chí in và điện tử

số 74/GP-BTTTT ngày 26/01/2022 của

Bộ Thông tin và Truyền thông

in tại Công ty CP Truyền thông Pháp luật và Thời đại

Giá: 50.000 đồng

(Bản pdf 350.000 đồng/12 tháng)

MỤC LỤC

- Mục lục.....**3**
- Tình cảm thiêng liêng của Bác Hồ với thương binh liệt sĩ - Hương Giang - Xuân Nguyên.....**4**
- Tổng Bí thư Lê Duẩn: Một trí tuệ siêu việt, một nhân cách lớn trong thời đại Hồ Chí Minh! - Vương Xuân Nguyên.....**9**
- Chương trình nghệ thuật đặc biệt tưởng nhớ Tổng Bí thư Lê Duẩn: Tiến Cường**16**
- Ca khúc "Khắc ghi tên Người - Bác Ba Lê Duẩn" trong Chương trình nghệ thuật tưởng nhớ Tổng Bí thư Lê Duẩn - Quyết Tuấn.....**18**
- Tổng Bí thư Lê Duẩn - Nhà lãnh đạo kiệt xuất trọn đời vì nước, vì dân - Hương Giang (Tổng hợp).....**21**
- Tổng Bí thư Lê Duẩn - Trọn đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc - Nguồn: vov.vn.....**26**
- Vai trò cao cả của Tổng bí thư Lê Duẩn với cách mạng miền Nam - Phạm Bá Nhiều.....**32**
- Kỷ niệm 37 năm ngày mất của Tổng Bí thư Lê Duẩn (10/7/1986 - 10/7/2023):... - Châu Hồng Thủy.....**37**
- Đại tướng Võ Nguyên Giáp với thương binh liệt sĩ - Xuân Nguyên.....**39**
- Về thăm quê hương huyền thoại Mẹ Việt Nam Anh hùng! - Trần Quyết.....**44**
- Kỷ niệm 92 năm ngày sinh của Giáo sư, Viện sĩ Đào Thế Tuấn - Nguyễn Anh.....**49**
- Tạo ra một sản phẩm thì dễ, thị trường hoá sản phẩm đó mới khó - PV.....**52**
- Định hướng bổ sung, hoàn thiện quy định pháp luật quản lý nhà nước - Nguyễn Văn Tấn.....**56**
- Thách thức của truyền thông trong xu thế chuyển đổi số - ThS. Nguyễn Văn Thủy.....**72**
- Phương pháp thể hiện ca khúc mang âm hưởng dân ca - Thạc sĩ. NSUT Nguyễn Hương Giang.....**78**
- Lai tạo bộ giống cà chua ăn tươi,... - Minh Hậu.....**82**
- Hà Nội thông qua nhiều chính sách đột phá về Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Minh Trí.....**83**
- Xây dựng nông thôn mới đạt hiệu quả cao tại huyện Châu Thành (Bến Tre).....**86**
- Phát huy vai trò của thanh niên... - TS. Thân Trung Dũng.....**89**
- Định hướng chính sách chiến lược nâng cao... - TS. Nguyễn Thị Lan Hương**95**
- NSND An Phúc cả đời cống hiến cho nghệ thuật với những lý tưởng cao đẹp!.....**104**

TẠP CHÍ KHOA HỌC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Số tài khoản: 038 704 060 028 143

Tại Ngân hàng TMCP Quốc tế, CN Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội

TÌNH CẢM THIÊNG LIÊNG CỦA BÁC HỒ VỚI THƯƠNG BINH LIỆT SĨ!

Hương Giang - Xuân Nguyên

Nhân kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2023), chúng ta cùng ôn lại những tư liệu có liên quan để thấy rõ hơn những tình cảm thiêng liêng sâu nặng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Thương binh liệt sĩ và người có công với cách mạng.

Thực hiện Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc lấy một ngày làm “Ngày Thương binh Liệt sĩ”, một hội nghị trù bị diễn ra vào tháng 6 năm 1947 gồm đại biểu các cơ quan, các ngành ở Trung ương, khối và tỉnh đã họp ở Phú Minh (Đại từ, Thái Nguyên) bàn bạc và nhất trí để lấy ngày 27 tháng 07 năm 1947 làm “Ngày Thương binh, liệt sĩ” đầu tiên.

Gần đến ngày tổ chức sự kiện trên, ngày 17/7/1947, Bác đã viết thư thường trực Ban Tổ

chức, Người đã nhấn mạnh đến mục đích cao cả này với những lời thống thiết: “Đang khi Tổ quốc lâm nguy, giang sơn, sự nghiệp, mồ mả, đền chùa, nhà thờ của tổ tiên ta bị uy hiếp, cha mẹ, anh em, vợ con, thân thích, họ hàng ta bị đe dọa. Cửa cải, ruộng nương, nhà cửa, ao vườn, làng mạc ta bị nguy ngập. Ai là người xung phong trước hết để chống cự quân thù, để giữ gìn đất nước cho chúng ta. Đó là những chiến sỹ mà nay một số thành ra thương binh”.



Tình cảm thiêng liêng của Bác Hồ với Thương binh Liệt sĩ!

Người giải thích: “*Thương binh là những người đã hy sinh gia đình, hy sinh xương máu để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ đồng bào. Vì lợi ích của Tổ quốc, của đồng bào, mà các đồng chí chịu ốm yếu, què quặt. Vì vậy Tổ quốc, đồng bào phải biết ơn, phải giúp đỡ những người con anh dũng ấy.*”

Từ đó, Người đề nghị: “*Trong lúc chống nạn đói kém, đồng bào ta đã từng mỗi tuần nhịn ăn một bữa để giúp đồng bào bị đói. Bây giờ chống nạn ngoại xâm, tôi chắc đồng bào sẽ vui lòng ba tháng nhịn một bữa để giúp đỡ thương binh. Ngày 27 tháng 7 là một dịp cho đồng bào ta tỏ lòng hiếu nghĩa bác ái, là tỏ yêu mến thương binh...!*” Lời phát động ấy của Bác vừa thể hiện sự quan tâm đặc biệt mà Bác dành cho những người đang ngày đêm cầm súng chiến đấu nơi chiến trường, vừa thể hiện tinh thần đoàn kết dân tộc của nhân dân Việt Nam, vừa phát động, kêu gọi người dân hãy thể hiện sự biết ơn thương binh liệt sỹ bằng những hành động cụ thể mà ý nghĩa để chia sẻ với những hy sinh và mất mát của họ.

Nhân dịp này, Người cũng đã nêu gương thực hiện nghĩa cử cao đẹp trên bằng việc làm thiết thực để cùng các tầng lớp nhân dân tạo thành phong trào toàn dân quan tâm tới thương bệnh binh và gia đình liệt sỹ: “*Tôi xin xung phong gửi 1 chiếc áo lót lụa của chị em phụ nữ đã biếu tôi, 1 tháng lương của tôi, 1 bữa ăn của tôi và của các nhân viên tại Phủ Chủ tịch, cộng là một nghìn một trăm hai mươi bảy đồng (1.127đ.00).*”

Mỗi khi nghe tin mỗi người con ưu tú của nhân dân đã anh dũng hy sinh vì nghĩa lớn cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc, Bác Hồ cảm thấy đau xót như mất đi một người thân, mất đi một phần máu thịt của chính mình.

Tháng 1 năm 1947, khi con trai bác sỹ Vũ Đình Tụng hy sinh, Bác đã viết thư đề động viên, chia sẻ, đồng cảm với sự mất mát to lớn này: “*Tôi được báo cáo rằng, con giai ngài đã oanh liệt hy sinh cho Tổ Quốc. Ngài biết rằng tôi không có gia đình, cũng không có con cái.*”



Bác Hồ lặng người trước đài tưởng niệm tri ân các anh hùng liệt sỹ (Ảnh tư liệu)

Nước Việt Nam là gia đình của tôi. Tất cả thanh niên Việt Nam là con cháu của tôi. Mất một thanh niên thì hình như tôi đứt một đoạn ruột. Nhưng cháu và anh em thanh niên khác đừng cảm hy sinh để giữ gìn đất nước. Thế là họ đã làm rạng rỡ dân tộc, vẻ vang giống nòi. Họ chết cho Tổ quốc sống mãi; vật chất họ mất nhưng tinh thần họ vẫn luôn luôn sống với non sông Việt Nam... Những thanh niên đó là anh hùng dân tộc. Đồng bào và Tổ quốc sẽ không bao giờ quên ơn họ”.

Thật xúc động trước bức thư Bác gửi đến gia đình bác sỹ Vũ Đình Tụng có con hy sinh vì nền độc lập dân tộc song đó cũng là tình cảm, sự sẻ chia, đồng viên của Bác đối với tất cả các gia đình trên đất nước Việt Nam có người thân

hy sinh trong cuộc kháng chiến còn trường kì và nhiều gian khổ hy sinh.

Ngày 27/7/1948, Bác Hồ đã viết thư gửi đồng bào, thương bệnh binh và các gia đình tử sĩ, một lần nữa Người khẳng định sự hy sinh và đóng góp to lớn của thương binh, liệt sĩ đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Đồng thời, Người cũng khẳng định trách nhiệm của Chính phủ và nhân dân phải báo đáp sự hy sinh đó cho bản thân họ và gia đình của họ.

Trong thư Bác đã nhấn mạnh: “Khi nạn ngoại xâm ào ạt đến, nó đến như một trận lũ to. Nó đe dọa tràn ngập cả non sông Tổ quốc. Nó đe dọa cuốn trôi cả tính mệnh tài sản, chìm đắm cả bố, mẹ, vợ, con, dân ta. Trước cơn nguy hiểm ấy, số đông thanh niên yêu quý của nước ta dũng cảm xông ra mặt trận. Họ quyết đem xương máu của họ đắp thành một bức tường đồng, một con đê vững, để ngăn cản nạn ngoại xâm tràn ngập Tổ quốc, làm hại đồng bào. Họ quyết hy sinh tính mệnh họ, để giữ gìn tính mệnh của đồng bào. Họ hy sinh gia đình và tài sản họ, để bảo vệ gia đình và tài sản của đồng bào. Họ quyết liều chết chống địch, để cho Tổ quốc và đồng bào sống. Họ là những chiến sĩ anh dũng của ta. Trong đó, có người đã bỏ lại một phần thân thể ở trước mặt trận. Có người bỏ mình ở chiến trường. Đó là thương binh, đó là tử sĩ... Để báo đáp công ơn đó, Chính phủ đang tìm mọi cách để giúp đỡ anh em thương binh và gia đình tử sĩ. Tôi cũng mong đồng bào sẵn lòng giúp đỡ họ về vật chất và tinh thần”.

Theo lời kể của ông Cù Văn Chúc, người giúp việc Bác Hồ suốt 14 năm tại Phủ Chủ tịch, vào dịp 27/7 hằng năm, Bác Hồ thường xuyên viết thư thăm hỏi thương binh, gia đình liệt sĩ, nhắc nhở nhân dân thực hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn. Ăn quả nhớ người trồng cây” và động viên, biểu dương các địa phương, các đơn vị và cá nhân đã hết lòng giúp đỡ thương binh, gia đình liệt sĩ. Đồng thời, Người thường gửi một tháng lương của mình, kèm đó, khi thì một bữa ăn, khi thì một món quà (do đồng bào gửi biểu) để tặng anh em thương binh. Người

luôn động viên thương bệnh binh phải sống với tinh thần lạc quan “Thương binh tàn nhưng không phế”. Bác lưu ý: “Khi đã khôi phục sức khoẻ phải hăng hái tham gia công tác sản xuất để trở nên người công dân kiểu mẫu. Bác chúc các gia đình liệt sĩ trở thành những “gia đình cách mạng gương mẫu”.

Tháng 7/1951, Người phát động phong trào “Đón thương binh về làng” với nội dung cụ thể: “Chính quyền, đồng bào và các đoàn thể nhân dân trong mỗi xã phải tùy theo sự cố gắng và khả năng chung của mỗi xã mà đón một số anh em thương binh. Giúp lâu dài chứ không phải chỉ giúp một thời gian”.

Và trong dịp Đảng, Chính phủ về Thủ đô sau 9 năm kháng chiến, năm 1954, Người đã dẫn đầu đoàn đại biểu của Đảng, Chính phủ tới đặt vòng hoa ở Đài liệt sĩ. Trong diễn từ tại buổi lễ, Người viết: “Hỡi các liệt sĩ. Ngày mai là năm mới, là ngày đồng bào và bộ đội mừng Chính phủ về Thủ đô. Trong lúc cả nước vui mừng thì mọi người đều thương tiếc các liệt sĩ đã hy sinh vì Tổ quốc, vì dân tộc. Tôi thay mặt nhân dân, Chính phủ và bộ đội kính cẩn nghiêng mình trước linh hồn bất diệt của các liệt sĩ. ... Một nén hương thanh. Vài lời an ủi”.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm chăm lo, rèn luyện thể hệ trẻ để mỗi cá nhân, mỗi tập thể hình thành nên những phẩm chất tốt đẹp như lòng biết ơn, niềm tự hào dân tộc, những việc làm, những hành động nhỏ mà ý nghĩa để chăm lo thương binh, bệnh binh, liệt sĩ, gia đình liệt sĩ. Bác đã gửi thư cho các cháu thiếu nhi, nhi đồng tổ chức các “Đội Trần Quốc Toản”: “Từ 5 đến 10 cháu tổ chức thành một đội, giúp nhau học hành, khi học rảnh rang, cả đội đem nhau đi giúp đồng bào. Trước thì giúp các nhà chiến sĩ, các thương binh, lần lượt giúp các nhà ít người. Thí dụ: quét nhà, gánh nước, lấy củi, xay lúa, giữ em, dạy chữ quốc ngữ...” (Trích bức thư Bác Hồ gửi thiếu nhi, nhi đồng tổ chức các “Đội Trần Quốc Toản”).

Trước lúc đi xa về với cõi người Hiền, trong

bản Di chúc thiêng liêng để lại muôn vàn tình thương yêu cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, Người vẫn không quên căn dặn: “Ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi, công việc đầu tiên đối với con người là chăm lo cho thương binh và những người có công trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình. Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi

ăn, chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần “tự lực cánh sinh”. Đối với các liệt sĩ ở mỗi địa phương, cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta. Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh, liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì chính quyền địa phương phải giúp đỡ cho họ có công ăn việc làm thích hợp, quyết không để họ bị đói rét”.



Bác Hồ dâng hương, đặt vòng hoa trước Tượng đài liệt sĩ tại Thủ đô Hà Nội ngày 31/12/1954- TL

Qua những tư liệu quý nêu trên, một lần nữa cho chúng ta thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh, người là hiện thân trọn vẹn giữa những giá trị truyền thống và hiện đại, giữa tinh hoa văn hóa Việt Nam hòa quyện cùng tinh hoa văn hóa nhân loại. Người là hình ảnh của một người Việt Nam đẹp nhất, một ngôi sao sáng nhất trong những ngôi sao sáng nhất trên bầu trời. Người vô cùng ấm áp, giản dị, một trái tim bao dung rộng lớn,

ôm trọn và dành tình thương yêu cho tất cả. Nhất là tình thương yêu, quan tâm tới thương binh, liệt sĩ và thân nhân của họ...Đúng như học giả Vũ Khiêu đã thay triệu triệu đồng bào bày tỏ tâm can trước đền thờ của Người:

“ĐẮNG ANH HÙNG ÁI QUỐC ƯU DÂN,
XÂY ĐỘC LẬP TỰ DO CHO VẠN THẾ

NHÀ VĂN HÓA CHÍ NHÂN ĐẠI NGHĨA,
DỰNG HÒA BÌNH HỮU NGHỊ VỚI NĂM CHÂU”

Nhân kỷ niệm 76 năm Ngày Thương binh Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2023), mỗi người Việt Nam chúng ta nguyện nỗ lực phấn đấu hết mình, phát huy tốt truyền thống, đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây” luôn thành kính tri ân và có nhiều việc làm thiết

thực hơn nữa theo di nguyện thiêng liêng của Bác Hồ kính yêu để xứng đáng với sự cống hiến hy sinh quên mình cho Tổ quốc của các anh hùng liệt sĩ, các gia đình thương bệnh binh, các Mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng qua các thời kỳ./.



TỔNG BÍ THƯ LÊ DUẨN: MỘT TRÍ TUỆ SIÊU VIỆT, MỘT NHÂN CÁCH LỚN TRONG THỜI ĐẠI HỒ CHÍ MINH!

Vương Xuân Nguyên

Tên tuổi và sự nghiệp của Tổng Bí thư Lê Duẩn mãi mãi được ghi vào lịch sử vẻ vang của Đảng, của dân tộc với những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam, đặc biệt trong những tháng ngày lịch sử giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đánh giá về công hiến và tư duy sáng tạo của đồng chí Lê Duẩn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười đã viết: “Suốt hai mươi năm chống Mỹ, có thể nói, trong mỗi quyết sách chiến lược đối nội cũng như đối ngoại, trong mỗi thắng lợi của tiền tuyến cũng như ở hậu phương, trên chiến trường cũng như trên bàn đàm phán, trong giai đoạn mở đầu cũng như trong giai đoạn kết thúc chiến tranh, ở đâu cũng có dấu ấn tư duy độc lập, trí tuệ sáng tạo và nghị lực phi thường của anh Ba”.

Suốt đời kiên cường đấu tranh cho lý tưởng cộng sản, cho độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, tự do, hạnh phúc cho Nhân dân, tên tuổi và sự nghiệp của Tổng Bí thư Lê Duẩn mãi mãi được ghi vào lịch sử vẻ vang của Đảng, của dân tộc và là tấm gương sáng, vĩ đại cho các lớp con cháu noi theo.



Đồng chí Lê Duẩn (tên khai sinh là Lê Văn Nhuận) sinh ngày 7/4/1907, ở làng Bích La Đông, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Xuất thân từ một gia đình lao động, có truyền thống yêu nước, đồng chí Lê Duẩn đã sớm giác ngộ cách mạng. Đồng chí thuộc lớp người đầu tiên hưởng ứng lời kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đi theo con đường cách mạng của Chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Đồng chí tham gia phong trào yêu nước từ năm 1925, hoạt động trong Hội Thanh niên cách mạng từ năm 1928. Đến năm 1930, đồng chí trở thành một trong những đảng viên lớp đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Năm 1931, khi đang là Ủy viên Ban Tuyên huấn Xứ ủy Bắc Kỳ, đồng chí bị thực dân Pháp bắt, kết án 20 năm tù và bị giam giữ ở các nhà lao Hòa Lò, Sơn La, Côn Đảo. Tại các nhà tù, đồng chí cùng nhiều đảng viên cộng sản đã lãnh đạo

các cuộc đấu tranh chống chế độ hà khắc của nhà tù và tổ chức học tập, truyền bá Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, giác ngộ lý tưởng cách mạng cho anh em trong lao tù.

Năm 1936, do cuộc đấu tranh của Nhân dân ta có bước phát triển mới và thắng lợi của mặt trận nhân dân ở Pháp, chính quyền thực dân ở Đông Dương buộc phải trả lại tự do cho nhiều chiến sĩ cách mạng Việt Nam, trong đó có đồng chí Lê Duẩn. Ra tù, đồng chí tham gia hoạt động xây dựng phong trào cách mạng ở các tỉnh miền Trung, có công lao to lớn chỉ đạo xây dựng lại đảng bộ các tỉnh miền Trung bị tan rã; khôi phục Xứ ủy Trung Kỳ; phát động mạnh mẽ phong trào cách mạng của quần chúng thành cao trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ; xúc tiến thành lập mặt trận dân chủ hầu khắp các tỉnh Trung Bộ. Năm 1937, đồng chí được cử giữ chức Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ.



Tổng Bí thư Lê Duẩn đã để lại những dấu ấn quan trọng trong công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất Đất nước.

Năm 1939, đồng chí Lê Duẩn được cử vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng và đã cùng đồng chí Nguyễn Văn Cừ - Tổng Bí thư của Đảng chủ trì Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương (11/1939), chuẩn bị những điều kiện cần thiết tiến tới giành chính quyền về tay Nhân dân. Năm 1940, đồng chí bị địch bắt ở Sài Gòn, kết án 10 năm tù và đày đi Côn Đảo lần thứ hai. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, đồng chí được Đảng và Chính phủ đón về đất liền và tham gia cuộc kháng chiến Nam Bộ.

Từ năm 1946, đồng chí được ra Hà Nội làm việc bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cuối năm đó, đồng chí được Bác Hồ và Trung ương Đảng cử vào lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Tại Đại hội lần thứ II của Đảng năm 1951, đồng chí được bầu vào BCH Trung ương và Bộ Chính trị. Từ năm 1946-1954, với cương vị là Bí thư Xứ ủy Nam Bộ, rồi Bí thư Trung ương Cục miền Nam, đồng chí đã trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ.

Để chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, từ năm 1948 đến đầu năm 1950, đồng chí dồn tâm huyết viết “Một số ý kiến về kiểm điểm chính sách của Đảng và về các dự án, chủ trương của Trung ương” để gửi Đại hội. Tài liệu này đề cập nhiều vấn đề về lý luận từ thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Sau gần hai năm làm việc bên cạnh Bác Hồ ở Việt Bắc, cùng Tổng Bí thư Trường Chinh và Bộ Chính trị chỉ đạo mọi mặt cho Chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, Chiến dịch Điện Biên Phủ, đồng chí Lê Duẩn trở lại miền nam. Chiến thắng Điện Biên Phủ, tiếp theo là Hội nghị Geneva họp bàn biện pháp giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương, chia cắt Việt Nam thành hai miền, đồng chí Lê Duẩn nhận chỉ thị đi gấp vào Nam Bộ, tổ chức công tác chuyên quân, xây dựng lực lượng cách mạng. Gặp đồng chí Nguyễn Chánh, Bí thư Khu ủy Khu V, đồng chí dặn lại: “Phải chôn giấu vũ khí, đưa người và vũ khí lên xây dựng một số căn cứ ở Tây Nguyên, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc chiến đấu mới”.

Nhận rõ khó khăn của nhân dân miền nam trước kẻ thù mới, đồng chí Lê Duẩn xin Bác Hồ

được ở lại sát cánh cùng đồng bào, đồng chí miền nam. Trên chuyến tàu cuối cùng ra Bắc, đồng chí ôm hôn đồng chí Lê Đức Thọ và nói: “Anh ra thưa với Bác là tất cả đồng bào, đồng chí ở trong này đều mong Bác sống lâu, mạnh khỏe. Cho tôi gửi lời chào Bác, anh Trường Chinh và tất cả các anh ngoài đó. Tình thế này thì dễ đến mười tám, hai mươi năm nữa anh em ta mới lại gặp nhau”.

Đúng như đồng chí Lê Duẩn dự báo, sau hai năm thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Geneva, cách mạng miền nam bị tổn thất vô cùng to lớn. Đắm mình trong thực tiễn đau thương, mất mát, cách mạng như không có đường ra. Tháng 8/1956, đồng chí Lê Duẩn hoàn thành “Đề cương cách mạng miền nam” gửi ra Trung ương. Từ sự phân tích sâu sắc về bản chất của kẻ thù và qua những năm tháng trực tiếp chỉ đạo phong trào quần chúng, đồng chí khẳng định: nhân dân ta ở miền Nam chỉ có một con đường là vùng lên chống lại Mỹ-Diệm để cứu nước và tự cứu mình. Đó là con đường cách mạng. Ngoài con đường đó, không có con đường nào khác.

Trong bối cảnh quốc tế không thuận lợi cho cách mạng Việt Nam, hòa hoãn giữa các nước lớn, “thi đua hòa bình”, “trường kỳ mai phục”, “sợ đóm lửa nhỏ gây ra cháy lớn” ảnh hưởng không ít đến nội bộ Đảng. Giữa năm 1957, Bác Hồ quyết định điều đồng chí Lê Duẩn ra bắc, cùng Bác và Bộ Chính trị chuẩn bị Hội nghị Trung ương 15 và Đại hội Đảng toàn quốc. “Đề cương cách mạng miền Nam” trở thành cơ sở cho Nghị quyết 15 và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.

Từ năm 1954-1957, sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, đồng chí Lê Duẩn được Trung ương phân công ở lại miền Nam để lãnh đạo phong trào cách mạng. Năm 1960, tại Đại hội lần thứ III, đồng chí tiếp tục được bầu vào BCH Trung ương, Bộ Chính trị, giữ chức Bí thư Thứ nhất. Trong suốt 15 năm trên cương vị này, những tư tưởng chỉ đạo của đồng chí đã góp phần quan trọng để Đảng ta giành thắng lợi hoàn toàn trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, đưa cả nước tiến lên xây dựng CNXH.



Một chương trình nghệ thuật tưởng nhớ Tổng Bí thư Lê Duẩn

Trên cương vị Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Lê Duẩn cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân bước vào cuộc trường chinh thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược trên cả nước. Nhưng là người được Bác Hồ và Bộ Chính trị phân công giữ vai trò chủ chốt, “có trách nhiệm đề đạt ý kiến” về cách mạng miền nam, Bí thư thứ nhất Lê Duẩn dồn tâm sức cho sự nghiệp giải phóng miền nam, thống nhất đất nước. Trong quá trình diễn biến của cuộc kháng chiến, cùng các đồng chí khác trong Bộ Chính trị, đồng chí Lê Duẩn đã góp phần to lớn vào việc bổ sung, phát triển, cụ thể hóa và hoàn thiện dần đường lối cách mạng và chiến tranh cách mạng Việt Nam; đặc biệt là phương pháp cách mạng và tư duy độc lập tự chủ, nhìn xa trông rộng.

Trong thư đầu tiên, ngày 7/2/1961, gửi đồng chí Mười Cúc (Nguyễn Văn Linh) và các đồng chí Nam Bộ, Lê Duẩn viết: “Khi còn ở miền Nam, trong những lần thảo luận về đường lối cách mạng miền Nam với các đồng chí, tôi đã nhận

định rằng cách mạng miền Nam không tiến hành bằng cách trường kỳ đấu tranh vũ trang, lấy nông thôn bao vây thành thị, tiến lên dùng lực lượng quân sự giải phóng toàn bộ đất nước như Trung Quốc đã làm, mà đi con đường của Việt Nam”.

Trong thư gửi đồng chí Mười Cúc và Trung ương Cục miền nam, tháng 7/1962, Lê Duẩn viết: “Hiện nay, cách mạng miền Nam đang ở giai đoạn đầu. Mặc dù vậy, cuộc đấu tranh đã trở nên rất quyết liệt. Vì nó phản ánh cuộc đối đầu giữa hai thế lực, cách mạng và phản cách mạng của thời đại, phản ánh cuộc tranh chấp gay go nhất, phức tạp nhất trên thế giới hiện nay”. Từ thực tiễn thắng lợi của cách mạng Lào, cũng trong thư này, đồng chí khẳng định: “Để quốc Mỹ phải thua nhưng có thể thua đến mức nào, ta phải thắng nhưng có thể thắng đến mức nào; đó là điều phải tính toán, đo lường cho chuẩn xác... Nhiệm vụ cách mạng trên thế giới là phải giữ gìn hòa bình, ngăn ngừa đế quốc gây chiến tranh, bảo đảm an ninh cho nhân dân các nước, đồng thời

phải đẩy mạnh đấu tranh, đánh lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc. Hai mặt đó quan hệ khăng khít với nhau”.

Biết thắng từng bước là cách nhìn khoa học về so sánh lực lượng và mục tiêu cách mạng, nhưng trong thư gửi đồng chí Xuân (Nguyễn Chí Thanh), tháng 2/1965, Lê Duẩn lại nhấn mạnh: “Trước sau phương châm chiến lược của ta vẫn là: Chiến đấu lâu dài và ra sức tranh thủ thời cơ”. Để đón thời cơ, phải nỗ lực chủ quan, chuẩn bị lực lượng, cả ở hậu phương và tiền tuyến. Thắng lợi của cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968, làm lung lay ý chí xâm lược, đã buộc Mỹ phải xuống thang, ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Paris.

Tiếp đến, thắng lợi của Chiến dịch Đường 9 Nam Lào năm 1971, cuộc tiến công chiến lược năm 1972 cùng trận “Điện Biên Phủ trên không” ở miền bắc đã buộc Mỹ phải ký Hiệp định Paris tháng 1/1973.

Đầu xuân 1973, đồng chí Lê Duẩn trực tiếp vào thăm và kiểm tra Đoàn 559, đang xây dựng đường xuyên Việt, đông Trường Sơn, chủ động đón thời cơ. Với tầm nhìn xa cho con đường chiến lược này, đồng chí Lê Duẩn ghi trong Sổ vàng của bộ đội Trường Sơn: “Đường Trường Sơn là con đường của ý chí quyết thắng, của lòng dũng cảm, của khí phách anh hùng. Đó là con đường nối liền nam-bắc, thống nhất nước nhà, là con đường tương lai giàu có của Tổ quốc ta... Chúng ta nhất định tiếp tục đi con đường này để tiến đến thắng lợi hoàn toàn”.

Giữ trọn lời thề của toàn Đảng, toàn dân trước anh linh Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Lễ truy điệu, “quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền nam, bảo vệ miền bắc, thống nhất đất nước để thỏa lòng mong ước của Người”, đồng chí Lê Duẩn sáng suốt chọn đúng thời cơ kết thúc chiến tranh sớm, không để kéo dài cuộc chiến tranh chống xâm lược thành cuộc nội chiến trong lòng dân tộc.

Trong bức điện ngày 10/10/1974 gửi đồng chí Bảy Cường (Phạm Hùng) về Kết luận đợt một Hội nghị Bộ Chính trị, đồng chí Lê Duẩn viết: “Đối với ta, điều quan trọng của hiệp định Pa-ri

không phải là ở chỗ thừa nhận hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát, tiến tới thành lập chính phủ ba thành phần, mà mấu chốt là ở chỗ quân Mỹ phải ra còn quân ta thì ở lại, hành lang Nam Bắc vẫn nối liền, hậu phương gắn với tiền phương thành một dải liên hoàn thống nhất; thế trận tiến công của ta vẫn vững. Ý định của ta là giữ nguyên thế và lực của mình ở miền Nam để tiến lên tiếp tục tiến công địch... Lúc này, chúng ta đang có thời cơ. Hai mươi năm chiến đấu mới tạo được thời cơ này, chúng ta phải biết nắm lấy để đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đến thắng lợi hoàn toàn”.

Trong Kết luận đợt hai Hội nghị Bộ Chính trị, ngày 7/1/1975 về nhiệm vụ, kế hoạch tác chiến trên từng chiến trường, đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ: “Chiến trường Khu 5, Tây Nguyên, dùng 3 sư đoàn quân chủ lực đánh Tây Nguyên, mở thông hành lang nối liền nam Tây Nguyên với đông Nam Bộ, tạo điều kiện để bộ đội chủ lực cơ động nhanh vào miền đông, phối hợp với quân chủ lực Miền để tiến đánh Sài Gòn. Mở trận đầu đánh chiếm Buôn Ma Thuột, thọc thẳng xuống Tuy Hòa, Phú Yên, cắt đồng bằng Khu 5 ra làm đôi, tạo thêm một hướng nữa để tiến nhanh vào phía nam vây ép Sài Gòn”.

Khi lực lượng cách mạng áp đảo, địch đứng trước nguy cơ sụp đổ, Mỹ hoàn toàn bất lực, trong thư gửi anh Bảy Cường (Phạm Hùng), anh Sáu (Lê Đức Thọ), anh Tuấn (Văn Tiến Dũng) ngày 1/4/1975, Lê Duẩn viết: “Chúng ta phải nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm nay, không để chậm. Phải hành động “thần tốc, táo bạo, bất ngờ”. Phải tiến công ngay lúc địch hoang mang, suy sụp”. Không chỉ sáng suốt nhìn xa trông rộng và nhạy bén chính trị trong lãnh đạo và chỉ đạo, mà ở những tình huống phức tạp, phải vừa thiết kế vừa thi công, đồng chí Lê Duẩn thể hiện bản lĩnh quyết đoán của người đứng đầu, chịu trách nhiệm cao nhất.

Trước một ngày Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, phát hiện ý đồ sâu xa của một số thế lực nước ngoài thỏa hiệp với nhau tìm cách

thương lượng với ta dưới ngọn cờ hòa giải, hòa hợp nhằm ngăn chặn ta giành thắng lợi hoàn toàn, ngày 29/4/1975, đồng chí Lê Duẩn trực tiếp điện cho các đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng, Trần Văn Trà và Lê Trọng Tấn: “Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đang họp thì được tin Dương Văn Minh ra lệnh ngừng bắn. Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương chỉ thị: Các anh ra lệnh cho quân ta tiếp tục tiến công vào Sài Gòn theo kế hoạch; tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân đội địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của chúng.

Và ngay trưa 30/4/1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, đồng chí Lê Duẩn thay mặt Bộ Chính trị Trung ương Đảng gửi điện khen toàn thể cán bộ, chiến sĩ tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh cùng đồng bào Sài Gòn-Gia Định.

Là người gần gũi giúp việc cung cấp thông tin chiến lược cho công tác chỉ đạo của nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước trong những năm tháng kháng chiến chống Mỹ, trong đó có đồng chí Lê Duẩn, Nhà báo Đỗ Phượng - nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng giám đốc TTXVN từng tâm sự về quyết tâm sắt đá của Tổng Bí thư Lê Duẩn về nhiệm vụ Giải phóng miền Nam, thống nhất Đất nước theo di nguyện thiêng liêng của Bác Hồ vĩ đại.

Đó là vào khoảng tháng 1.1973, Nhà báo Đỗ Phượng được giao viết bài dự thảo chỉ đạo của đồng chí Lê Duẩn. Khi ông đang hý húi viết thì ông Ba vào. Ông bất ngờ hỏi nhà báo Đỗ Phượng: Sai lầm lớn nhất của Nguyễn Huệ là gì? Rồi Tổng Bí thư Lê Duẩn tự trả lời: Cả ba lần ra Bắc, kể cả lần đại phá quân Thanh, Nguyễn Huệ đều trở về quê cũ. Từ những gợi ý đó, ông Phượng hiểu tinh thần chỉ đạo của Tổng Bí thư Lê Duẩn khi đó là phải quyết tâm thống nhất đất nước là nhiệm vụ xuyên suốt và quan trọng nhất.

Tương tự ông kể, năm 1975, đang ngồi viết bài cho Tổng Bí thư Lê Duẩn lần đầu tiên phát biểu ở miền Nam, sau giải phóng. Ông Ba hỏi Nhà báo Đỗ Phượng: Sai lầm thứ hai của Nguyễn Huệ là gì? Rồi ông Ba lại tự trả lời: Sau khi giải

phóng thành Gia Định, Nguyễn Huệ để thắng em bắt tài, bắt lực là Nguyễn Lữ giữ thành. Khi mất thành Gia Định, nhanh chóng để rơi đất nước vào tay Gia Long. Theo tinh thần đó, nhà báo Đỗ Phượng đã tiếp nhận từ bài nói của ông Ba: Không phải Giải phóng miền Nam, thống nhất Đất nước rồi mà quên việc không ngừng tăng cường lực lượng củng cố và xây dựng vùng mới giải phóng.



Tổng Bí thư Lê Duẩn cũng để lại nhiều dấu ấn quan trọng trong xây dựng đất nước sau chiến tranh

Tại Đại hội lần thứ IV (1976) và lần thứ V (1982) của Đảng, đồng chí được bầu vào BCH Trung ương, Bộ Chính trị và giữ chức Tổng Bí thư của Đảng. Đồng chí là đại biểu Quốc hội từ khóa II đến khóa VII, từ năm 1978 là Bí thư Quân ủy Trung ương. Hơn 10 năm từ khi đất nước thống nhất, với cương vị là Tổng Bí thư, đồng chí đã cùng BCH Trung ương lãnh đạo Nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ mà Đại hội IV và Đại hội V của Đảng đề ra, thực hiện được những thành tựu quan trọng trong công cuộc khôi phục, cải tạo, phát triển KT-XH, phát triển văn hóa theo CNXH và tiến hành thắng lợi các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Là một người giản dị, khiêm tốn, giàu lòng nhân ái, suốt đời hết lòng vì Đảng, vì dân; cả

cuộc đời hoạt động gần 60 năm của đồng chí Lê Duẩn gắn liền với quá trình cách mạng nước ta từ những năm 20 đến những năm 80 của thế kỷ XX. Đồng chí đã tham gia hoạt động cả ba miền: Bắc, Trung, Nam, từng trải qua mọi thử thách, gian nan, luôn gần gũi cán bộ, chiến sĩ và nhân dân lao động. Từ cuối những năm 30 cho đến khi qua đời, đồng chí đã trải qua nhiều cương vị lãnh đạo quan trọng của Đảng, đặc biệt từ năm 1960 đến năm 1986, trên cương vị là Bí thư thứ nhất, rồi Tổng Bí thư BCHTW Đảng, đồng chí đã có những đóng góp to lớn vào sự lãnh đạo của Đảng, đưa sự nghiệp cách mạng nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đúng như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã viết: “Đồng chí Lê Duẩn là một chiến sĩ cộng

sản kiên cường, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng và nhân dân ta, người học trò lỗi lạc, tuyệt đối trung thành, kế tục xuất sắc lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Gần 60 năm hoạt động cách mạng, Đồng chí đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cho tự do, hạnh phúc của nhân dân và cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Đảng ta, nhân dân ta mãi mãi tự hào và biết ơn sâu sắc công lao to lớn và cống hiến xuất sắc của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn...”

** Bài viết có sử dụng một số tư liệu của đồng nghiệp!*



CHƯƠNG TRÌNH NGHỆ THUẬT ĐẶC BIỆT TƯỢNG NHỚ TỔNG BÍ THƯ LÊ DUẨN

TIỀN CƯỜNG

Chương trình nghệ thuật đặc biệt tưởng nhớ Tổng Bí thư Lê Duẩn sẽ được tổ chức tối 9/7 tại Nhà hát Thành phố Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 37 năm Ngày mất của đồng chí (10/7/1986-10/7/2023). Chương trình quy tụ các nghệ sĩ nổi tiếng với nhiều tiết mục ca múa nhạc đặc sắc, tái hiện cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của đồng chí Lê Duẩn cùng tình cảm của đông đảo nhân dân và các thế hệ cán bộ, đảng viên.



Tổng Bí thư Lê Duẩn với các đại biểu dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V tại Hà Nội (ngày 29/3/1982). (Ảnh TTXVN)

Tổng Bí thư Lê Duẩn, người chiến sĩ cộng sản kiên cường, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng và nhân dân ta, trong suốt cuộc đời mình đã luôn phấn đấu hy sinh vì sự nghiệp cách mạng của dân tộc và sự thống nhất, toàn vẹn non sông. 60 năm hoạt động

cách mạng, 26 năm liên tục trên cương vị Bí thư Thứ nhất và Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã cống hiến trọn đời cho Đảng, cho dân tộc, vì lý tưởng cao đẹp: Tổ quốc Việt Nam độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội, nhân dân Việt Nam có cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc. Tên tuổi và sự nghiệp của

Tổng Bí thư Lê Duẩn mãi được ghi vào lịch sử vẻ vang của Đảng, của dân tộc với những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam.

Chương trình nghệ thuật đặc biệt kỷ niệm 37 năm Ngày Tổng Bí thư Lê Duẩn đi xa là dịp để các thế hệ hôm nay tưởng nhớ và tri ân một nhà lãnh đạo Đảng kiệt xuất, giúp

chúng ta thêm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của đồng chí Lê Duẩn, nhất là tình cảm của nhân dân miền nam, của quê hương Quảng Trị với đồng chí. Chương trình bao gồm 14 tiết mục ca múa nhạc, hài hòa giữa phong cách hiện đại và dân tộc, do các nghệ sĩ nổi tiếng trên cả nước cùng các nghệ sĩ, diễn viên của hai đơn vị nghệ thuật là Đoàn Văn công Quân khu 7 và Đoàn nghệ thuật ca múa nhạc dân tộc Bông Sen trình diễn.

Âm nhạc và thơ ca giúp tái hiện phần nào cuộc đời và sự nghiệp vô cùng sôi động của Tổng Bí thư Lê Duẩn. Đó là những năm tháng hoạt động cách mạng gian khổ, bị thực dân Pháp bắt tù đày và sau này trở về lãnh đạo quân dân Nam Bộ trên cương vị Bí thư Xứ ủy Nam Bộ trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược cho đến sau này trở thành người lãnh đạo cao nhất của Đảng, lãnh đạo quân và dân ta trong chiến tranh chống Mỹ cứu nước đi đến ngày toàn thắng, giải phóng hoàn toàn miền nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hình ảnh người chiến sĩ cộng sản kiên cường, nhà lãnh đạo Đảng kiệt xuất luôn đi sâu, đi sát với thực tế, gần bó với đời sống chiến đấu, lao động của quân và dân ta hiện lên vô cùng cao đẹp và thiêng liêng. Bên cạnh đó là những tình cảm thương yêu của nhân dân Nam Bộ và nhân dân cả nước với đồng chí Lê Duẩn qua những tác phẩm thơ ca và âm nhạc của các tác giả: Lê Đức Thọ, Tố Hữu, Nguyễn Bình, Nguyễn Khôi, Lê Khánh Hưng,

Châu La Việt...; và các nhạc sĩ: Nguyễn Hữu Trí, Nguyễn Văn Tý, Hoàng Hà, Ngọc Khuê, Trần Hữu Bích, Võ Thế Hùng, Quỳnh Hợp, Đức Tân...

Chương trình nghệ thuật được dẫn dắt từ những hồi ức của Đại tá Lê Hãn - con trai trưởng của Tổng Bí thư Lê Duẩn - kể về người cha thân yêu của mình ra đi hoạt động cách mạng từ những ngày đất nước còn rên xiết dưới ách cai trị của thực dân Pháp. Những hồi ức, kỷ niệm trong ông là những đêm đen giá buốt khi người cha thoát lao tù thực dân trở về ôm con trong vòng tay, dạy cho con bài học đầu tiên về lòng yêu nước, dạy cho con bài ca của những người cộng sản "vùng lên hỡi các nô lệ ở thế gian"...

Bài hát ấy đã thúc giục ông Lê Hãn nối tiếp con đường của người cha để sau này trở thành một chiến sĩ suốt đời đi theo con đường cách mạng và lý tưởng cộng sản cao đẹp như ca từ trong bài hát "Người chiến binh mang tên dòng Thạch Hãn" do Nghệ sĩ Nhân dân Quốc Hưng thể hiện: Cha dạy con tình thương, lẽ phải/ Cha cho con phía trước con đường/ Con mang trái tim cha ra trận/ Và ánh sáng của một vầng dương... (thơ Châu La Việt, nhạc sĩ Ngọc Khuê phổ nhạc).

Đặc biệt xúc động trong chương trình là ca khúc "Ba Đình một sớm thu xa" (thơ Lê Khánh Hưng, nhạc sĩ Quỳnh Hợp phổ nhạc), gợi nhớ những ngày tháng 9 năm 1969 khi Bác Hồ mất. Còn đó, ngân vang lời thề của Bí thư Thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) Lê

Duẩn và quân dân cả nước nguyện mãi mãi đi theo con đường của Người, quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền nam, thống nhất đất nước: Giơ tay thề chúng ta cùng tiếp bước/ Anh Ba khóc, triệu trái tim cùng khóc/ Triệu trái tim chung nhịp đập tim Anh...

Cũng trong chương trình, qua giọng ca của Nghệ sĩ Ưu tú Hương Giang, người xem sẽ được sống lại không khí của mùa Xuân đại thắng năm 1975. Trong khí thế hào hùng cùng các cánh quân tiến về giải phóng miền nam, đồng chí Lê Đức Thọ đã có bài thơ "Lời Anh dặn" tặng đồng chí Lê Duẩn như lời ước hẹn, động viên quân và dân cả nước bước vào chiến dịch cuối cùng, thực hiện trọn vẹn lời thề thống nhất non sông trước anh linh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại: Ngày vui toàn thắng đón Anh vào/ Đất nước tung bừng hết khổ đau/ Anh gặp đồng bào, thăm chốn cũ/ Tình dân, nghĩa nước vẹn ơn sâu... Bài thơ sau đó được nhạc sĩ Trần Hữu Bích phổ nhạc, truyền qua sóng phát thanh và được đông đảo các tầng lớp nhân dân, cán bộ, chiến sĩ yêu thích đón nhận.

Với sự đầu tư kỹ càng và tâm huyết của các nghệ sĩ, chương trình nghệ thuật đặc biệt tưởng nhớ Tổng Bí thư Lê Duẩn phần nào đáp ứng tình cảm sâu đậm của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Hình ảnh và những ký ức về một nhà lãnh đạo gần dân, thương dân, sâu đậm nghĩa tình luôn rạng ngời, thân thương, không thể phai mờ theo năm tháng.

CA KHÚC

"KHẮC GHI TÊN NGƯỜI - BÁC BA LÊ DUẨN" TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGHỆ THUẬT TƯỢNG NHỚ TỔNG BÍ THƯ LÊ DUẨN

Quyết Tuấn

Ca khúc 'Khắc ghi tên Người - Bác Ba Lê Duẩn' nhạc Ngọc Khuê, Thơ: Lê Khánh Hưng là một trong những tác phẩm đặc sắc được giới thiệu trong Chương trình Nghệ thuật đặc biệt tưởng nhớ Tổng Bí thư Lê Duẩn diễn ra vào tối ngày 9/7 tới đây tại TP. Hồ Chí Minh.

Tổng Bí thư Lê Duẩn (1907 - 1986), một trong những học trò xuất sắc nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh – nhà chiến lược cách mạng, thao lược quân sự với những phẩm chất và tài năng kiệt xuất của dân tộc ta. Tưởng nhớ 37 năm ngày mất của Tổng Bí thư Lê Duẩn cũng là dịp chúng ta khơi dậy, tôn vinh và noi gương một nhân cách lớn để suy ngẫm, xác định trách nhiệm, nghĩa vụ đối với đất nước trong hiện tại và tương lai. Trong dịp này, thể theo nguyện vọng của đông đảo các tầng lớp nhân dân, các văn nghệ sĩ, con cháu trong gia đình và được sự ủng hộ của nhiều đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Đoàn Văn công quân khu VII phối hợp cùng Nhà hát ca múa nhạc Dân tộc Bông Sen tổ chức Chương trình Nghệ thuật tưởng nhớ Tổng Bí thư Lê Duẩn vào tối ngày 9/7 tại Nhà hát TP. Hồ Chí Minh.



Khắc ghi tên Người - Bác Ba Lê Duẩn

Theo đó, Chương trình nghệ thuật đặc biệt xuyên suốt chương trình, bằng tiếng nói nghệ thuật, quá trình hoạt động cách mạng của Tổng Bí thư Lê Duẩn hiện lên thật hào hùng, bi tráng và cao đẹp. Từ những năm tháng ông ở quê hương đến những năm tháng hoạt động trên mảnh đất Nam bộ mà ông là Bí thư Khu ủy, rồi đến chiến dịch Hồ Chí Minh

lịch sử... được tái hiện một cách sinh động nhất. Đặc biệt, tình cảm yêu thương vô bờ bến của người dân Nam bộ và nhân dân ta với đồng chí Lê Duẩn - Bác Ba yêu quý - được thể hiện đầy xúc động qua mỗi lời ca, tiếng hát. Sen Đồng Tháp như càng tươi thắm hơn, tên tuổi Bác Ba Lê Duẩn như càng lung linh hơn trên miền sông nước Cửu Long.

Trong đó, ca khúc "Khắc ghi trên Người - Bác Ba Lê Duẩn", nhạc Ngọc Khuê, thơ Lê Khánh Hưng do Thượng tá, NSUT Hương Giang - Giảng viên Khoa Thanh nhạc Trường Văn hóa Nghệ thuật Quân đội trình bày được đánh giá là một trong những tác phẩm ấn tượng của đêm diễn.

Nhạc sĩ Ngọc Khuê xúc động khi nghĩ về cố Tổng Bí thư Lê Duẩn, người đã cống hiến cả đời mình cho sự nghiệp Cách mạng của Đảng, của đất nước Việt Nam ta. Ông đã chủ động đặt vấn đề với tác giả bài thơ anh Lê Khánh Hưng (cháu nội Tổng Bí thư) để phổ nhạc bài thơ này.

không chỉ là những người trong gia đình, dòng tộc của Tổng Bí thư Lê Duẩn, mà là cho tất cả mọi người – những người chiến sĩ Cộng sản, những người Đảng viên và những người dân yêu nước thương nòi.

"Đối với cố Tổng Bí thư Lê Duẩn thì có thể nói là cả nước đều trân quý ông, thấy được công lao to lớn của ông đối với sự nghiệp Cách mạng của dân tộc. Còn trong bài ca, tôi thấy cần phải nhấn mạnh vào mấy chi tiết như: Đối với Cách mạng miền Nam ta, trong những năm cực kỳ gian lao và anh dũng, cũng chính vì thế mà đồng bào đồng chí miền Nam đã gọi đồng chí Lê Duẩn với một cái tên thân thuộc là Anh Ba, là Bác Ba Lê Duẩn...", Nhạc sĩ Ngọc Khuê tâm sự.

Ca khúc dựa trên chất liệu dân ca Nghệ Tĩnh, lấy hơi hướng của dòng dân ca đã bao đời thấm trong tim bao người ấy để phổ nhạc cho bài thơ, tạo được dấu ấn nhất định trong lòng người nghe nhạc. Bài hát được viết theo thể 2 đoạn đơn, đoạn B là phát triển của A, nhưng cũng không xa rời với A để tạo sự nhất quán.

Đặc biệt là đoạn CODA để kết của ca khúc đã cho giai điệu dâng lên, tạo thành những nốt cao sở trường của NSUT Hương Giang - Thượng tá, Giảng viên trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội.

Sở hữu chất giọng nữ

Khắc ghi tên Người - Bác Ba Lê Duẩn

Vita phải (Hơi chậm) - phong cách dân ca

Nhạc: NGOC KHUÊ
Lời thơ: LÊ KHÁNH HƯNG

7 Từng bước chân ra đi Theo con đường Cách mạng. Một trái tim nhiệt huyết

14 Vì đất nước, vì dân. Như "Hai trăm ngọn nến" vẫn toả sáng trong lòng dân.

Ngon nết soi trăm năm Soi con đường Cách mạng. Miền Nam bao thương nhớ. Bà con có bác thánh tình gọi là Bác Ba, Bác Ba Lê Duẩn. O... Hôm nay tôi về Kê Tôi đưa bạn về Thạch

Gỗ, Đền thờ tưởng niệm Bác Ba. Người con trung thành của đất nước, người Hân, dòng sông chở nặng yêu thương. Đã sinh ra người tắm vốc lờn, một con yêu của Tháp Mười. Tên ông ghi vào sử sách, đời lòng theo Đảng suốt đời. Đa mang trong mình dòng máu, vì

sau còn mãi nhờ ơn. Tượng đài bác Ba Lê Duẩn sáng mãi trong lòng nước non... Tôi... dân vì nước thiết tha. Người là bác Ba Lê Duẩn, tấm...

46 1. 2. ...gương cho nước, cho dân, ...dân. Quê hương muốn đời tình nghĩa. Nước non ngàn dặm yêu thương Khắc ghi công ơn của Bác. Non sông ngàn năm trời sáng

Rall. *Đế kết*



Đền thờ Cố Tổng Bí thư Lê Duẩn
Giữa lòng Hồ Kê Gỗ, xã Cẩm Mỹ,
Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh

Với nhạc sĩ Ngọc Khuê, ca khúc "Khắc ghi trên Người - Bác Ba Lê Duẩn" là tiếng nói thể hệ cháu con chúng tôi với Tổng Bí thư Lê Duẩn yêu

quý, nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng ta. Chính vì vậy, về phần âm nhạc phải đặt ra yêu cầu làm sao đem lại sự xúc động lớn cho người nghe. Khán thính giả

cao trữ tình (Soprano); cách hát tinh tế; giọng ca linh hoạt khi xử lý các tác phẩm như dòng chính ca, ca khúc mang âm hưởng dân ca hay các Aria, Romane đều được

Hương Giang xử lý ấn tượng. Chính vì vậy, với ca khúc "Khắc ghi trên Người - Bác Ba Lê Duẩn", NSUT Hương Giang thể hiện ngọt ngào, sâu lắng, sáng tạo trong cách

luyện láy ca khúc đặc biệt này, một ca khúc xuất sắc về một lãnh tụ của Đảng là đồng chí Lê Duẩn, đã thổi hồn cho ca khúc làm lay động lòng người!



Tổng Bí thư Lê Duẩn NHÀ LÃNH ĐẠO KIỆT XUẤT TRỌN ĐỜI VÌ NƯỚC, VÌ DÂN

Hương Giang (Tổng hợp)

Với 79 năm tuổi đời, 56 năm tuổi Đảng và gần 60 năm hoạt động cách mạng sôi nổi, đồng chí Lê Duẩn đã có nhiều đóng góp to lớn đối với cách mạng Việt Nam, thể hiện ở những quyết sách mang tính đột phá và tầm nhìn xa trong tư duy lãnh đạo của mình.

Tưởng nhớ 37 năm ngày mất của đồng chí Lê Duẩn là dịp để chúng ta bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc về những công lao to lớn và cống hiến xuất sắc của đồng chí với cách mạng Việt Nam và nguyện noi theo tấm gương sáng ngời của người cộng sản kiên trung, nhà lãnh đạo kiệt xuất, người học trò lỗi lạc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đồng chí Lê Duẩn (1907-1986) tên thật là Lê Văn Nhuận, sinh ngày 7/4/1907 ở làng Bích La, xã Triệu Đông (nay là xã Triệu Thành), huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Xuất thân từ

một gia đình lao động có truyền thống yêu nước, đồng chí sớm giác ngộ cách mạng, hưởng ứng lời kêu gọi của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đi theo con đường cách mạng vô sản. Năm 1925, Lê Văn Nhuận rời gia đình đi tìm việc làm và chính thức tham gia hoạt động cách mạng.

Từ một thanh niên yêu nước nhiệt thành đến với “đường cách mệnh” của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, tham gia Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên năm 1928, đến giữa năm 1930, đồng chí đã trở thành đảng viên lớp đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.



Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Duẩn và Chủ tịch Ủy ban thường vụ Quốc hội Trường Chinh cùng các cháu thiếu nhi tại Phủ Chủ tịch, Hà Nội 1968

(Ảnh tư liệu)

Người học trò lỗi lạc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam

Do được hoạt động, gần gũi với Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí nhận được sự dìu dắt và chỉ đạo trực tiếp của Người. Đó là điều kiện thuận lợi để đồng chí tiếp thu và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực công tác do tổ chức phân công. Với tư duy mẫn tiệp, ý chí kiên cường, nhiệt tình cách mạng cháy bỏng và tâm lòng cộng sản trong sáng, đồng chí được nhân dân và cách mạng tin tưởng giao phó nhiều trọng trách quan trọng của Đảng và Nhà nước ta: Bí thư Xứ uỷ Trung Kỳ; Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ, Bí thư Trung ương Cục miền Nam; Bí thư thứ nhất Đảng Lao động Việt Nam; Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 1939, khi được giao trọng trách Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã cùng với đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Tổng Bí thư của Đảng, chủ trì Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11/1939. Hội nghị đã mở ra thời kỳ mới cho cách mạng Việt Nam; từ đấu tranh đòi các quyền dân chủ, dân sinh chuyển sang đấu tranh nhằm mục tiêu trực tiếp đánh đổ chính quyền đế quốc, thực dân và phong kiến tay sai, chuẩn bị những điều kiện cần thiết tiến tới giành chính quyền về tay nhân dân. Nghị quyết Hội nghị đã khẳng định những

tư tưởng chiến lược của cách mạng Việt Nam mà Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định từ Hội nghị thành lập Đảng (1930). Đây là bước mở đầu của cao trào cách mạng mới, tiến tới thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Trong thời kỳ chống thực dân Pháp, trên cương vị là Phó Bí thư, rồi Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ và từ sau Đại hội II của Đảng (1951) là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Cục miền Nam, đồng chí đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh giao phó là trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ. Đồng chí Lê Duẩn đã vận dụng sáng tạo đường lối, phương châm kháng chiến do Trung ương Đảng đề ra, cùng với Xứ uỷ Nam Bộ, Trung ương Cục miền Nam, giải quyết một loạt vấn đề quan trọng: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, thống nhất các lực lượng vũ trang, chia cấp ruộng đất cho người nông dân nghèo, củng cố liên minh công nông, phát huy sức mạnh tuyên truyền lớn của Mặt trận dân tộc thống nhất, động viên mọi tầng lớp nhân dân đứng lên chống giặc cứu nước, làm thất bại hoàn toàn âm mưu địch đánh chiếm Nam Bộ, tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam, lấy đó làm bàn đạp để thôn tính cả nước ta. Từ thành công của kháng chiến ở Nam Bộ, Đảng ta đã rút ra những kinh nghiệm quý báu cho cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp và

cho cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước sau này.

Trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, trên cương vị Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ở vào một thời điểm lịch sử đầy thử thách cam go và nặng nề, cùng một lúc phải thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của dân tộc là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, đương đầu với một đế quốc có tiềm lực quân sự và bộ máy chiến tranh khổng lồ, đồng chí Lê Duẩn là người chịu trách nhiệm chủ yếu trước Trung ương Đảng về phong trào cách mạng miền Nam. Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng chí đã cùng tập thể Bộ Chính trị và Trung ương Đảng hoạch định, phát triển và từng bước hoàn chỉnh đường lối chiến lược, phương pháp cách mạng và phương thức tiến hành chiến tranh cách mạng.

Bằng kinh nghiệm thực tiễn nhiều năm bám sát cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam, đồng chí đã soạn thảo văn kiện nổi tiếng Đề cương cách mạng miền Nam, góp phần hướng dẫn cán bộ, nhân dân tìm ra phương thức đấu tranh chống lại kẻ thù tàn bạo, làm dấy lên không khí phấn chấn, tràn đầy niềm tin tưởng, tạo ra phong trào đồng khởi mạnh mẽ của nhân dân miền Nam. Những tư tưởng đúng đắn và sáng tạo mà Đề cương cách mạng miền Nam nêu lên là cơ sở để ra Nghị quyết Trung ương 15 (khóa II), tiếp

đó là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, góp phần vào việc hoạch định chiến lược cách mạng hai miền Nam - Bắc trong suốt thời kỳ chống Mỹ cứu nước.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần, là người lãnh đạo cao nhất của Đảng, cùng với Bộ Chính trị và BCHTW Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta giữ vững quyết tâm chiến đấu, biến đau thương thành hành động cách mạng, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, thực hiện xuất sắc

Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên CNXH.

Đất nước thống nhất, cả nước đi lên CNXH, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (1976), lần thứ V (1982) của Đảng và nhiều Hội nghị Trung ương, đồng chí Lê Duẩn đã cùng với BCHTW từng bước xây dựng một hệ thống quan điểm về chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và đã lãnh đạo thực hiện đạt được những thành tựu quan trọng, đó là:

việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu của CNXH; là sự đảm bảo vững chắc về chính trị và an ninh quốc phòng của Tổ quốc; là những thành tựu về văn hóa, đạo đức, cùng quan hệ tốt đẹp giữa người với người do chế độ XHCN đem lại. Với những thành tựu đó, đất nước ta đã đứng vững trước những thử thách khắc nghiệt trong những năm sau chiến tranh với bao biến động chính trị quốc tế to lớn để tiếp tục tiến lên con đường cách mạng mà Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn lựa.



Tổng Bí thư Lê Duẩn nói chuyện với cán bộ, công nhân Nông trường Tây Hiếu, tỉnh Nghệ Tĩnh, ngày 22/4/1979. (Ảnh: Văn Bảo/TTXVN)

***Nhà lý luận xuất sắc,
một tư duy sáng tạo lớn của
cách mạng Việt Nam***

Có mặt trong đội ngũ những người cộng sản ngay từ khi Đảng mới ra đời, với gần 60 năm hoạt động cách mạng, trong đó có 26 năm trên cương vị Bí thư thứ nhất và Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Lê Duẩn thể hiện rõ là một nhà lãnh đạo kiệt xuất, một nhà lý luận xuất sắc, có tầm cỡ chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Trưởng thành trong thực tiễn cách mạng, dạn dày kinh nghiệm đấu tranh, đồng chí Lê Duẩn rất coi trọng nghiên cứu lý luận, học tập lý luận, rèn luyện tư duy lý luận của cách mạng Việt Nam. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trên cơ sở tổng kết thực tiễn, đồng chí đã góp phần quan trọng cùng với Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban Chấp hành Trung ương hoạch định đường lối và phương sách cách mạng đúng đắn, sáng tạo đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành nhiều thắng lợi huy hoàng, giải phóng miền Nam, đưa cả nước thống nhất tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh. Đồng chí đã đề lại cho chúng ta di sản tư tưởng lý luận phong phú trên nhiều lĩnh vực: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, ngoại giao, xây dựng Đảng...

Trong đó, nổi bật là tư duy lý luận về xây dựng Đảng. Đồng chí Lê Duẩn đã dành nhiều công sức cho xây dựng đường lối chính trị đúng đắn, kết hợp công tác tư tưởng với

công tác tổ chức, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng ngang tầm yêu cầu của sự nghiệp cách mạng. Đồng chí chỉ rõ: Phải đặc biệt chú trọng tới chất lượng đảng viên, tổ chức cơ sở của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ và sự đoàn kết trong Đảng, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Đảng - chính quyền - đoàn thể, mối quan hệ giữa Đảng - Nhà nước với nhân dân. Không ngừng nâng cao tính tiên phong gương mẫu của đảng viên, sức chiến đấu của Đảng, chăm lo củng cố khối đoàn kết dân tộc và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động bằng cách đem lại lợi ích thiết thân hàng ngày cho họ, thấu hiểu tâm tư nguyện vọng của họ, thuyết phục và thúc đẩy họ bằng việc làm, bằng hành động thực tế, lời nói đi đôi với việc làm, tất cả vì hạnh phúc của nhân dân. Muốn vậy phải kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, xa dân, vi phạm quyền làm chủ của dân, ra sức học tập và thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư theo gương sáng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Về chiến tranh nhân dân Việt Nam, đồng chí đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề về đường lối chiến lược và phương pháp cách mạng, về đường lối kháng chiến và phương thức tiến hành chiến tranh trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đồng chí Lê Duẩn đã đúc kết rằng, chiến tranh nhân dân Việt Nam bao gồm 2 lực lượng: lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị, đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị, kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của

quần chúng giành chính quyền, làm chủ ngay trong chiến tranh. Đường lối chính trị của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân là dựa vào sức mạnh đoàn kết rộng rãi toàn dân tộc, lấy công - nông liên minh làm nền tảng, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Những quan điểm đó được đồng chí đúc rút và vận dụng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Đặc biệt, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đồng chí đã có những cống hiến quan trọng vào quá trình chỉ đạo cách mạng và chiến tranh cách mạng, nổi bật lên một số tư duy chiến lược như: tư tưởng dám đánh, dám thắng để quốc Mỹ xâm lược; nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công và nghệ thuật đánh thắng từng bước; sử dụng bạo lực cách mạng với hai lực lượng chính trị và vũ trang, với hai hình thức đấu tranh cơ bản chính trị và quân sự; đánh địch và thắng địch bằng sức mạnh tổng hợp. Một đặc trưng nổi bật trong tư duy chiến lược của đồng chí Lê Duẩn là tinh thần độc lập, tự chủ. Đồng chí thường nhắc nhở: ta đứng vì ta độc lập, tự chủ và có độc lập, tự chủ thì mới có sáng tạo. Trước những tác động khách quan của tình hình quốc tế, Đảng ta vẫn giữ vững đường lối, cách làm của mình đồng thời thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế đúng đắn. Do đó cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta đã giành thắng lợi, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên CNXH.



Tổng Bí thư Lê Duẩn với các đại biểu dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V tại Hà Nội (29.3.1982).

(Ảnh: Thê Trung/TTXVN)

Về cách mạng XHCN ở Việt Nam, đồng chí Lê Duẩn đã có những đóng góp quan trọng trong việc tìm ra con đường phù hợp để đưa nước ta từ nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Sau khi đất nước thống nhất, cả nước cùng tiến lên CNXH, đồng chí đã góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn nhằm xác định và hoàn chỉnh đường lối cách mạng XHCN ở nước ta. Đường lối ấy thể hiện những tư tưởng lớn của đồng chí về gương cao ngạo cờ độc lập dân tộc và CNXH, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại; về nắm vững chuyên chính vô sản và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; về tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa

học - kỹ thuật là then chốt, coi công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ; về nền văn hóa mới và con người mới XHCN; về cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý...

Là một nhà lãnh đạo kiệt xuất, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam, nhiều vấn đề đã được đồng chí Lê Duẩn làm sáng tỏ về mặt lý luận, được thực tiễn kiểm nghiệm là đúng đắn và sáng tạo. Đồng chí để lại cho chúng ta hàng loạt những tác phẩm lý luận có giá trị, tiêu biểu như: Đề cương cách mạng miền Nam, Thư vào Nam, Cách mạng XHCN, Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng...

Công lao và cống hiến của đồng chí Lê Duẩn cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam, đặc biệt những tư tưởng sáng

tạo của đồng chí về lý luận và đường lối cách mạng trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đã nâng trình độ tư duy lý luận của Đảng ta, dân tộc ta lên một tầm cao mới, góp phần làm phong phú kho tàng lý luận của cách mạng thế giới.

Tưởng nhớ 37 năm ngày mất Tổng Bí thư Lê Duẩn (10/7/1986 - 10/7/2023) là dịp để chúng ta bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc về những công lao to lớn và cống hiến xuất sắc của đồng chí với cách mạng Việt Nam và nguyện noi theo tấm gương sáng ngời của người cộng sản kiên trung, nhà lãnh đạo kiệt xuất, người học trò lỗi lạc của Chủ tịch Hồ Chí Minh./

Theo: dangcongsan.vn

TỔNG BÍ THƯ LÊ DUẨN - TRỌN ĐỜI CHO SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng gần 60 năm của đồng chí Lê Duẩn là tấm gương sáng ngời về lòng trung thành vô hạn với lý tưởng cách mạng, với sự nghiệp giải phóng dân tộc



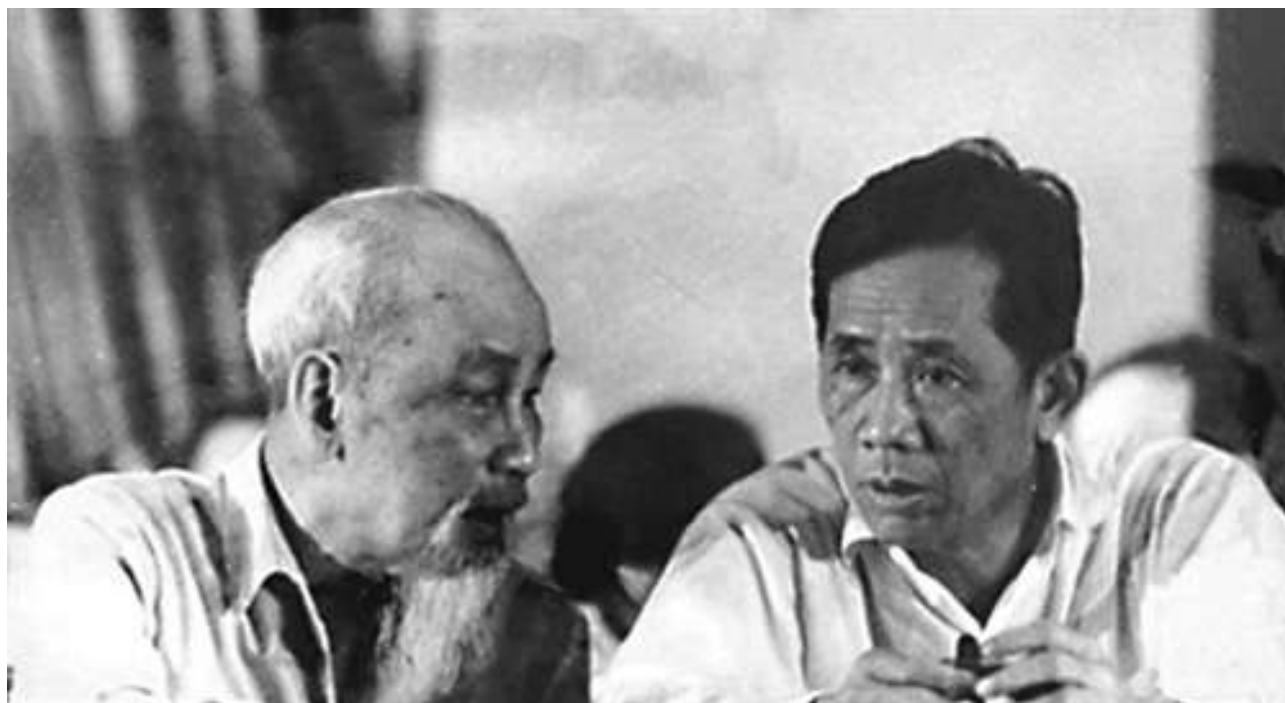
Đồng chí Lê Duẩn, tên thật là Lê Văn Nhuận, sinh ngày 7/4/1907, trong một gia đình lao động có truyền thống yêu nước tại làng Bích La, xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

(Ảnh: TTXVN)



Lê Duẩn tham gia phong trào yêu nước từ năm 1926, tham gia và hoạt động trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên từ năm 1928 và đến năm 1930 trở thành một trong những đảng viên lớp đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong ảnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí Trường Chinh, Lê Duẩn, Phạm Hùng tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa II (4/1962).

Ảnh: TTXVN



Năm 1931, đồng chí là Ủy viên Ban Tuyên huấn Xứ ủy Bắc Kỳ và cũng năm đó, đồng chí bị thực dân Pháp bắt tại Hải Phòng, chúng kết án 20 năm tù cầm cố và giam đồng chí ở các nhà lao Hỏa Lò, Sơn La và Côn Đảo. Tại các nhà tù, đồng chí cùng nhiều đảng viên cộng sản lãnh đạo các cuộc đấu tranh chống chế độ hà khắc của nhà tù và tổ chức học tập, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, giác ngộ lý tưởng cách mạng cho anh em trong lao tù.

(Ảnh: Báo Nhân Dân)



Tháng 10/1936, trước phong trào đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân ta và thắng lợi của Mặt trận Bình dân Pháp, thực dân Pháp buộc phải trả tự do cho đồng chí Lê Duẩn và nhiều chiến sĩ cách mạng khác. Vừa ra khỏi nhà tù, đồng chí tham gia ngay vào các hoạt động cách mạng sôi nổi ở các tỉnh miền Trung. Năm 1937, đồng chí Lê Duẩn được cử giữ chức Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ. Tại đây đồng chí đã cùng với tập thể Xứ ủy lãnh đạo phong trào Mặt trận Dân chủ ở miền Trung với nhiều chủ trương và phương pháp sáng tạo. Trong ảnh, từ trái qua: Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Tổng Bí thư Trường Chinh, Tổng Bí thư Lê Duẩn.

(Ảnh tư liệu)



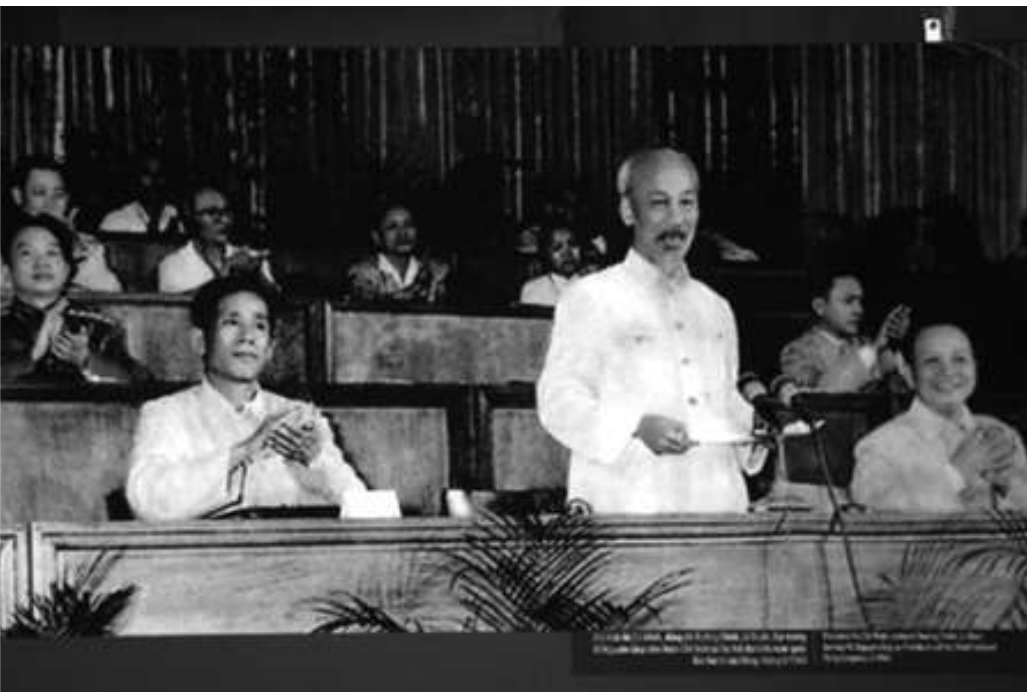
Năm 1939, đồng chí Lê Duẩn được cử vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng và cuối năm đó đã cùng đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Tổng Bí thư của Đảng, chủ trì Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (viết tắt là BCHTW), quyết định thành lập Mặt trận Phản đế Đông Dương thay Mặt trận Dân chủ, chuyển hướng cuộc đấu tranh cách mạng sang một thời kỳ mới. Năm 1940, đồng chí lại bị địch bắt tại Sài Gòn, kết án 10 năm tù và đày đi Côn Đảo lần thứ hai. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, đồng chí được Đảng và Chính phủ đón về đất liền. Trong ảnh, Tổng Bí thư Lê Duẩn thăm Việt Nam Thông tấn xã (nay là Thông tấn xã Việt Nam), ngày 14/2/1967.

Ảnh: Tư liệu TTXVN

Từ năm 1946, đồng chí được ra Hà Nội làm việc bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, góp phần cùng Trung ương Đảng chuẩn bị cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuối năm đó, đồng chí được Bác Hồ và Trung ương Đảng cử vào lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Tại Đại hội lần thứ II của Đảng năm 1951, đồng chí được bầu vào BCHTW và Bộ Chính trị. Từ năm 1946 đến năm 1954, với cương vị là Bí thư Xứ ủy, rồi Bí thư Trung ương Cục miền Nam, đồng chí đã lãnh đạo Đảng bộ miền Nam tổ chức cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Trong ảnh, Tổng Bí thư Lê Duẩn nói chuyện với các diễn viên tỉnh Hòa Bình, năm 1969

(Ảnh: baotanglichsu.vn)





Có mặt trong đội ngũ những người cộng sản ngay từ khi Đảng mới ra đời, với gần 60 năm hoạt động cách mạng, trong đó có 26 năm trên cương vị Bí thư thứ nhất và Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Lê Duẩn thể hiện rõ là một nhà lãnh đạo kiệt xuất, một nhà lý luận xuất sắc, có tầm cỡ chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Từ năm 1954 đến năm 1957, sau khi Hiệp định Geneve được ký kết, đồng chí Lê Duẩn ở lại miền Nam để lãnh đạo phong trào cách mạng. Trong những năm tháng vô cùng khó khăn này, đồng chí đã kiên trì bám trụ ở những vùng nông thôn hẻo lánh miền Tây, miền Trung Nam Bộ đến trung tâm thành phố lớn Sài Gòn, Đà Lạt... để củng cố các cơ sở cách mạng, chuẩn bị cuộc chiến đấu chống Mỹ cứu nước. Trong ảnh, ngày 24/4/1980, Tổng Bí thư Lê Duẩn thăm Lữ đoàn xe tăng 202, đơn vị đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu Ngụy Sài Gòn ngày 30/4/1975.

Ảnh: TTXVN





Năm 1957, Trung ương cử đồng chí lãnh đạo công việc chung của Đảng bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tháng 9/1960, tại Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng, đồng chí được bầu vào BCHTW và Bộ Chính trị, đảm nhận trọng trách Bí thư thứ nhất BCHTW Đảng. Trong ảnh, Tổng Bí thư Lê Duẩn thăm đảo Cô Tô (năm 1977). (Ảnh: Tư liệu)

Suốt 15 năm trên cương vị này, trong hoàn cảnh đất nước trải qua nhiều khó khăn, thử thách cực kỳ nghiêm trọng và tình hình quốc tế diễn biến phức tạp, đồng chí Lê Duẩn đã cùng Bộ Chính trị và BCHTW Đảng kiên trì đường lối độc lập, tự chủ, tranh thủ sự viện trợ, giúp đỡ và đoàn kết quốc tế, sáng suốt lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang cách mạng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong ảnh, Tổng Bí thư Lê Duẩn thăm nhà máy đóng tàu Ba Son, Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19/3/1980.

(Ảnh: Tư liệu TTXVN)





Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (năm 1976) và lần thứ V (1982) của Đảng, đồng chí Lê Duẩn được bầu lại vào BCHTW, Bộ Chính trị, giữ chức Tổng Bí thư BCHTW Đảng; từ năm 1978 đồng chí là Bí thư Quân uỷ Trung ương. Trong ảnh, Tổng Bí thư Lê Duẩn về thăm huyện Triệu Hải (tỉnh Bình Trị Thiên, năm 1982, nay thuộc tỉnh Quảng Trị).

Do những cống hiến to lớn của đồng chí Lê Duẩn, Đảng và Nhà nước ta đã tặng đồng chí Huân chương Sao Vàng. Các nước Liên Xô, Lào, Campuchia, Ba Lan, Bungari, Cu Ba, Cộng hòa Dân chủ Đức, Hunggari, Mông Cổ, Tiệp Khắc đã tặng đồng chí nhiều huân chương cao quý. Ủy ban giải thưởng quốc tế Lênin tặng đồng chí giải thưởng “Vì sự nghiệp củng cố hoà bình giữa các dân tộc”. Trong ảnh, đồng chí Lê Duẩn là đại biểu Quốc hội từ khoá II đến khoá VII. Trong ảnh, Tổng Bí thư Lê Duẩn đến thăm Cam Ranh ngày 24/1/1984



Nguồn: vov.vn

Vai trò cao cả của Tổng bí thư Lê Duẩn với cách mạng miền Nam

Phạm Bá Nhiều

Tháng 4-2017, cùng nhân dân cả nước, nhân dân Quảng Trị, quê hương của đồng chí Lê Duẩn đã vinh dự tổ chức kỷ niệm trọng thể 110 năm, Ngày sinh người con quê hương đầy tài năng, kiến trúc sư chiến lược của cách mạng Việt Nam, người có vai trò to lớn đối với công cuộc kháng chiến vĩ đại của cả nước & với cách mạng miền Nam.

Một cuộc đời sáng ngời tính cách con người Cộng sản

Sinh ngày 07-4-1907 ở làng Bích La, xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, đồng chí xuất thân từ một gia đình lao động, có truyền thống yêu nước, đồng chí sớm giác ngộ cách mạng, hưởng ứng lời kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đi theo con đường cách mạng vô sản từ rất sớm.

Khi còn trẻ, từ năm 1926 đồng chí Lê Duẩn đã tham gia phong trào yêu nước, tham gia và hoạt động trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên từ năm 1928 và đến năm 1930 trở thành một trong những đảng viên lớp đầu tiên Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1931, đồng chí là ủy viên Ban Tuyên huấn Xứ ủy Bắc Kỳ và cũng năm đó, đồng chí bị thực dân Pháp bắt tại Hải Phòng, kết án 20 năm tù cấm cố và giam ở các nhà lao Hòa Lò, Sơn La và Côn Đảo. Tại các nhà tù, đồng chí cùng nhiều đảng viên cộng sản lãnh đạo các cuộc đấu tranh chống chế độ hà khắc nhà tù và tổ chức học tập, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, giác ngộ lý tưởng cách mạng cho anh em trong lao tù.

Tháng 10 năm 1936, trước phong

trào đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân ta và thắng lợi của Mặt trận Bình dân Pháp, thực dân Pháp buộc phải trả tự do cho đồng chí Lê Duẩn và nhiều chiến sĩ cách mạng khác, ra khỏi nhà tù, đồng chí tham gia ngay vào các hoạt động cách mạng sôi nổi ở các tỉnh miền Trung. Năm 1937, đồng chí Lê Duẩn được cử giữ chức Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ. Tại đây đồng chí đã cùng với tập thể Xứ ủy lãnh đạo phong trào Mặt trận Dân chủ ở miền Trung với nhiều chủ trương và phương pháp sáng tạo. Năm 1939, đồng chí được cử vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng và cuối năm đó đã cùng đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Tổng Bí thư của Đảng, chủ trì Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương, quyết định thành lập Mặt trận Phản đế Đông Dương thay Mặt trận Dân chủ, chuyển hướng cuộc đấu tranh cách mạng sang một thời kỳ mới. Năm 1940, đồng chí lại bị địch bắt tại Sài Gòn, kết án đầy đi Côn Đảo 10 năm tù vào lần thứ hai. Tại lao tù Côn Đảo, ông cùng những người cộng sản trung kiên tiếp tục mở các lớp lý luận, rèn luyện ý chí cho những người tù để tiếp tục bước đi những chặng đường chông gai mới của cách mạng.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945

thành công, đồng chí được Đảng và Chính phủ đón về đất liền. Cuối năm đó, đồng chí được Bác Hồ và Trung ương Đảng cử vào lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Tại Đại hội lần thứ II của Đảng năm 1951, đồng chí được bầu vào BCHTW và Bộ Chính trị. Từ năm 1946 đến 1954, với cương vị Bí thư Xứ ủy, Bí thư Trung ương Cục miền Nam, đồng chí đã lãnh đạo Đảng bộ miền Nam tổ chức cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

Năm 1957, Trung ương Đảng cử đồng chí lãnh đạo công việc chung của Đảng bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tháng 9-1960, tại Đại hội lần thứ III, đồng chí được bầu vào BCHTW và Bộ Chính trị, giữ trọng trách Bí thư thứ nhất BCHTW Đảng.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV và lần thứ V của Đảng, đồng chí được bầu lại vào BCHTW, Bộ Chính trị, giữ chức Tổng Bí thư; từ năm 1978 đồng chí là Bí thư Quân ủy Trung ương. Hơn 10 năm từ khi đất nước thống nhất, trên cương vị là Tổng Bí thư, đồng chí đã cùng với Trung ương, Bộ Chính trị lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ mà Đại hội IV và Đại hội V của Đảng đề ra, giành được những thành tựu quan trọng trong công cuộc khôi phục, cải tạo, phát triển kinh tế, văn hóa theo đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành thắng lợi các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Đồng chí Lê Duẩn - học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam. Từ một thanh niên giàu lòng yêu nước, say mê với lý tưởng cách mạng, đồng chí sớm trở thành một chiến sĩ thuộc lớp cận vệ đầu tiên của Đảng. Vừa hoạt động cách mạng, vừa học tập, đồng chí say mê đọc "Đường cách mệnh" của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, báo Thanh niên, các tác phẩm của Mác, Ăng-ghen, Lênin... từng bước bồi đắp cho mình những tri thức mới, nâng cao tinh thần yêu nước

và ý chí cách mạng. Do được hoạt động, gần gũi với Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí luôn nhận được sự điều dắt và chỉ đạo trực tiếp của Người. Đó là điều kiện thuận lợi để tiếp thu và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực công tác do tổ chức phân công.

Là một người giản dị, khiêm tốn, giàu lòng nhân ái, suốt đời hết lòng vì Đảng, vì dân; cả cuộc đời hoạt động gần 60 năm của đồng chí Lê Duẩn gắn liền với quá trình cách mạng nước ta từ những năm 20 đến những năm 80 của thế kỷ XX. Đồng chí đã tham gia hoạt động cả ba miền: Bắc, Trung, Nam, từng trải qua mọi thử thách, gian nan, luôn gần gũi cán bộ, chiến sĩ và nhân dân lao động. Từ cuối những năm 30 cho đến khi qua đời, đồng chí đã trải qua nhiều cương vị lãnh đạo quan trọng của Đảng, đặc biệt từ năm 1960 đến năm 1986, trên cương vị là Bí thư thứ nhất, rồi Tổng Bí thư BCHTW Đảng, đồng chí đã có những đóng góp to lớn vào sự lãnh đạo của Đảng, đưa sự nghiệp cách mạng nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Nhà thao lược quân sự nổi tiếng qua chiến tranh

Tổng Bí thư Lê Duẩn suốt nhiều năm liền hoạt động trên chiến trường Nam bộ và tại rất nhiều tỉnh, thành, nên ông am hiểu sâu sắc con người miền Nam và sức mạnh của chiến tranh nhân dân - mà ông đã cùng Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Bác Hồ là những người kiến tạo, những bậc thầy về sử dụng sức mạnh tổng hợp trong chiến tranh Nhân dân ở miền Nam.

Tư tưởng của ông đã phản ánh đúng đắn mối quan hệ giữa các lực lượng cách mạng của thời đại làm cơ sở cho đường lối đối nội và đối ngoại của Đảng ta. Ông đã nổi lên với tầm tư duy chiến lược trong nhận biết, phân tích về khoét sâu vào mâu thuẫn nội bộ

của địch, phân hóa kẻ thù và quy tập lực lượng qua từng giai đoạn cụ thể để góp phần tạo dựng sức mạnh tổng hợp trong chiến tranh cách mạng, nhằm đánh thắng từng bước, tiến đến đánh thắng hoàn toàn, đi đến thắng lợi vẻ vang.

Năm 1955-1959 khi miền Nam còn bao khó khăn, Chính quyền Ngô Đình Diệm lê máy chém đi khắp nơi nhằm tìm và lùng bắt những người cộng sản, tình thế nhiều vùng rất căng thẳng. Vào lúc đó, trên cương vị Bí thư Xứ ủy Nam bộ, ông đã nắm bắt kịp thời, chính xác xu thế, sức mạnh thời đại với sức mạnh của dân tộc và kết hợp một cách nhuần nhuyễn các sức mạnh ấy trong tính chỉnh thể tạo sức mạnh tổng hợp để đánh và thắng Mỹ. Trên cơ sở xác định chính xác chiến tranh cách mạng ở Việt Nam là "cuộc đụng đầu lịch sử" giữa các lực lượng phản cách mạng, đứng đầu là Mỹ với các lực lượng thuộc ba dòng thác cách mạng và sức mạnh của dân tộc ta ở chiến trường miền Nam với tính chất quyết liệt, ác liệt rất cao.

Lúc này, đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ: "Chúng ta nhận rõ tính chất khó khăn, phức tạp của cuộc chiến tranh để biết đánh và biết thắng. Đã biết mở đầu đúng, biết đánh lâu dài, thì chúng ta phải biết kết thúc đúng" (Thu vào Nam, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986, tr. 255). Theo các nhà sử học, Tổng Bí thư Lê Duẩn đã có đóng góp hết sức quan trọng đối với cách mạng miền Nam. Sau hiệp định Giơnevơ được ký kết (năm 1954), nhận định trước tình hình, năm 1956, với vai trò là Bí thư xứ ủy Nam bộ, đồng chí Lê Duẩn đã viết "Đề cương cách mạng miền Nam" đề cập vấn đề bạo lực cách mạng và đấu tranh vũ trang. Trong thời điểm cách mạng miền Nam bị địch ra sức đàn áp, cần phải có một lực lượng vũ trang mạnh mới có thể đảm bảo cho cuộc đấu tranh chính trị thành công, ông

đã chủ trương và đề xuất với Trung ương ra Nghị quyết 15 BCH TW.

Nghị quyết này ra đời nhằm đáp ứng đúng đòi hỏi của tình hình và nguyện vọng của đông đảo cán bộ, đảng viên, nhân dân, giải quyết kịp thời yêu cầu phát triển đi lên của cách mạng Miền Nam là phải dùng bạo lực cách mạng, phải chuyển hướng sang đấu tranh vũ trang, để đưa phong trào thoát khỏi tình thế hiểm nghèo.

Chính Nghị quyết 15 đã mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, xoay chuyển tình thế, dẫn đến các cuộc "đồng khởi" oanh liệt của toàn miền Nam năm 1960, làm tan rã hàng loạt bộ máy kìm kẹp của chính quyền địch ở vùng nông thôn, lực lượng cách mạng từng bước giành quyền làm chủ, tạo tiền đề cho những bước phát triển tiếp theo của cách mạng miền Nam. Tư tưởng này đã thể hiện rõ trong chiến tranh Nhân dân, những biểu hiện tập trung nhất ở tư tưởng về sức mạnh tổng hợp, về bạo lực cách mạng với những lực lượng tạo thành như: lực lượng chính trị của quần chúng, lực lượng vũ trang nhân dân; đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang; xây dựng ba thứ quân; tiến công địch cả ba vùng chiến lược; kết hợp giữa đánh lâu dài đồng thời với chủ động tiến công chiến lược; biện chứng giữa thế và lực... để làm thay đổi cục diện chiến tranh từng giai đoạn, tiến tới tổng tiến công và nổi dậy đê bẹp quân địch, giành thắng lợi hoàn toàn. Với đồng chí Lê Duẩn, trong khi còn bao gian khó, kẻ địch phong tỏa cách mạng miền Nam, do đó từ năm 1956 khi là Bí thư Xứ ủy miền Nam, đồng chí đã chỉ đạo phải chủ động vững bước nắm và giành những vùng đất làm địa bàn chiến lược từ nông thôn, thành thị để mà làm chủ thế trận, bắt đầu từ những năm gian khổ của cách mạng miền Nam.

Tư tưởng của Tổng Bí thư Lê Duẩn đã chứa đựng trong "Thu vào Nam". Cùng

với chủ trương dùng bạo lực cách mạng, lúc đó đồng chí Lê Duẩn đã chỉ rõ: Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, không chỉ đấu tranh vũ trang đơn thuần mà chúng ta phải kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang thì mới chiến thắng kẻ địch.

Thực hiện phương châm này, xuyên suốt trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, sự tham gia của người dân trong đấu tranh chính trị đã khiến cho chế độ Việt Nam cộng hòa lúc bấy giờ tại miền Nam bị rối loạn và nhiều lúc phải thay đổi chiến thuật. Đặc biệt, trong đấu tranh cách mạng tại miền Nam, Tổng Bí thư Lê Duẩn phân tích cụ thể sâu sắc về phương thức giành đất, giành dân.

Xuyên suốt trong chỉ đạo cách mạng miền Nam, đồng chí nhấn mạnh: Chúng ta hoạt động vũ trang, thực hiện các trận đánh, các chiến dịch để tiêu diệt đối phương, đó chỉ là một mục tiêu, còn mục tiêu thứ hai là giành đất, giành dân. Nếu không giành đất, giành dân thì không có chỗ đứng, không có sự ủng hộ của dân thì không có sự cung cấp về hậu cần và lực lượng bổ sung trong cuộc đấu tranh. Chính nhờ những quan điểm này mà các lực lượng của chúng ta bám trụ tại các vùng ở miền Nam, từ nông thôn rồi dần tiến về thành phố, để từ đó tận dụng thời cơ đánh vào sào huyệt của địch, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước vào ngày 30/4/1975.

Nay khi cả nước nhớ ơn, nhắc đến Tổng Bí thư Lê Duẩn là nhắc đến một nhà thao lược quân sự nổi tiếng. Ông đã kết hợp giữa lý luận chủ nghĩa Mác Lênin về cách mạng, về chiến tranh cách mạng, quân đội với nghệ thuật chiến tranh nhân dân thuộc truyền thống dân tộc một cách hoàn hảo nhất.

Là nhà lý luận xuất sắc, một tư duy sáng tạo lớn của Việt Nam

Đất nước thống nhất, cả nước

đi lên CNXH, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (1976), lần thứ V (1982) của Đảng và nhiều Hội nghị Trung ương, đồng chí Lê Duẩn đã cùng với BCHTW Đảng từng bước xây dựng một hệ thống quan điểm lý luận và thực tiễn về chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN ở Việt Nam và đã lãnh đạo thực hiện đạt được những thành tựu quan trọng, đó là: việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu của CNXH; là sự đảm bảo vững chắc về chính trị và an ninh quốc phòng của Tổ quốc; là những thành tựu về văn hóa, đạo đức, cùng quan hệ tốt đẹp giữa người với người do chế độ XHCN đem lại. Với những thành tựu đó, đất nước ta đã đứng vững trước những thử thách khắc nghiệt trong những năm sau chiến tranh với bao biến động chính trị quốc tế to lớn để tiếp tục tiến lên con đường cách mạng mà Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn lựa.

Là những người Cộng sản từ đầu khi Đảng ta ra đời, gần 60 năm hoạt động, trong đó 26 năm là người đứng đầu Đảng ta, Tổng Bí thư Lê Duẩn đã thể hiện rõ là nhà lãnh đạo kiệt xuất, nhà lý luận xuất sắc, mang tầm chiến lược của CM Việt Nam.

Trải qua gần 60 năm hoạt động, lãnh đạo của Đảng ta suốt cả ba miền: Bắc-Trung-Nam, Tổng Bí thư Lê Duẩn đã nổi lên những tư duy lý luận nổi bật về các vấn đề sau:

- *Một là*: về xây dựng Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã dành nhiều công sức cho xây dựng đường lối chính trị đúng đắn, kết hợp tu tưởng với công tác tổ chức, nâng cao sức hiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng ngang tầm yêu cầu của sự nghiệp CM.

- *Hai là*: Về chiến tranh nhân dân Việt Nam, là người đã vào cùng Đảng bộ miền Nam từ sớm, đồng chí Lê Duẩn đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề về đường

lối chiến lược và phương pháp CM, về đường lối kháng chiến và phương thức tiến hành chiến tranh trong CM DT DC nhân dân. Những khám phá sáng tạo mà Đề cương cách mạng miền Nam nêu lên, trong nhiều năm đồng chí Lê Duẩn cùng đứng chân trên nhiều địa bàn miền Nam, chính là cơ sở Đảng ta đề ra Nghị quyết Trung ương 15 (khóa II), tiến tới nắm quyền làm chủ thế trận tiến lên đánh bại chủ nghĩa thực dân mới hoàn toàn.

- *Ba là*; những đóng góp quan trọng của đồng chí Lê Duẩn về CM XHCN ở Việt Nam đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề quan trọng, khi tìm ra con đường phù hợp để đưa đất nước ta từ nước Nông nghiệp lạc hậu, tiến lên CNXH.

Tác phẩm: *"Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì CNXH, tiến lên giành những thắng lợi mới"* (NXB Tổng hợp TPHCM 2013)-tác phẩm mà đồng chí đã nêu nhiều quan điểm lý luận trên con đường phát triển CM XHCN ở Việt Nam.

Nhận định về con đường đi lên của CM Việt Nam, đồng chí Lê Duẩn viết: "Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đến với nhân dân Việt nam khác nào như đến "người đi đường" đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn" ((1)). "Nó lôi cuốn những người yêu nước Việt nam đi vào con đường cách mạng vô sản và làm dậy lên khắp trong nước một làn sóng dân tộc và dân chủ mạnh mẽ, trong đó giai cấp công nhân đã trở thành một lực lượng chính trị độc lập. Sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng cách mạng nhất của thời đại, với phong trào đấu tranh quyết liệt của giai cấp công nhân, giai cấp cách mạng nhất, liên minh chặt chẽ với giai cấp nông dân, và với phong trào yêu nước của một dân tộc đang sục sôi cách mạng đã dẫn tới việc thành lập

Đảng ta ngày 3 tháng 2 năm 1930. Sự kiện đó đánh dấu một bước ngoặt căn bản trong lịch sử CM Việt nam".

Khi nói về những thắng lợi vĩ đại của Đảng và dân tộc ta, đồng chí kết luận: "Bốn mươi năm lãnh đạo cách mạng Việt-nam, Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã đưa nhân dân ta bước lên vũ đài thế giới như là một trong những người đầu tiên ở các nước thuộc địa và phụ thuộc thực hiện thắng lợi cách mạng giải phóng dân tộc, giành chính quyền trong cả nước; là một trong những người đầu tiên đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ, mở đầu quá trình sụp đổ từng mảng của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc; là một chiến sĩ xung kích đang đánh bại chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ và tên sen đầm quốc tế. Bằng những chiến thắng huy hoàng chống đế quốc, chống phong kiến và bằng sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa đang tiến hành ở miền bắc, giai cấp công nhân và dân tộc ta, do Đảng ta lãnh đạo, đang cùng với nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em góp phần tích cực nhất vào quá trình biến đổi của lịch sử thế giới trong thời đại ngày nay". (Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì CNXH, tiến lên giành những thắng lợi mới).

Với những cống hiến to lớn đó, Đảng, Nhà nước ta đã tặng đồng chí Lê Duẩn Huân chương Sao Vàng. Các nước Liên Xô, Lào, Campuchia, Ba Lan, Bungari, Cu Ba, Cộng hòa Dân chủ Đức, Hunggari, Mông cổ, Tiệp Khắc... đã tặng đồng chí nhiều huân chương cao quý và Ủy ban giải thưởng quốc tế Lênin đã tặng đồng chí Lê Duẩn giải thưởng "Vì sự nghiệp củng cố hoà bình giữa các dân tộc"./.

* (Bài viết có căn cứ vào những tư liệu của Ban Tuyên giáo Trung ương và "Thu vào Nam")

1- Hồ Chí Minh: Tuyển tập, NXB Sự thật, HN 1960, trang 162.

Kỷ niệm 37 năm ngày mất của Tổng Bí thư Lê Duẩn (10/7/1986 - 10/7/2023)

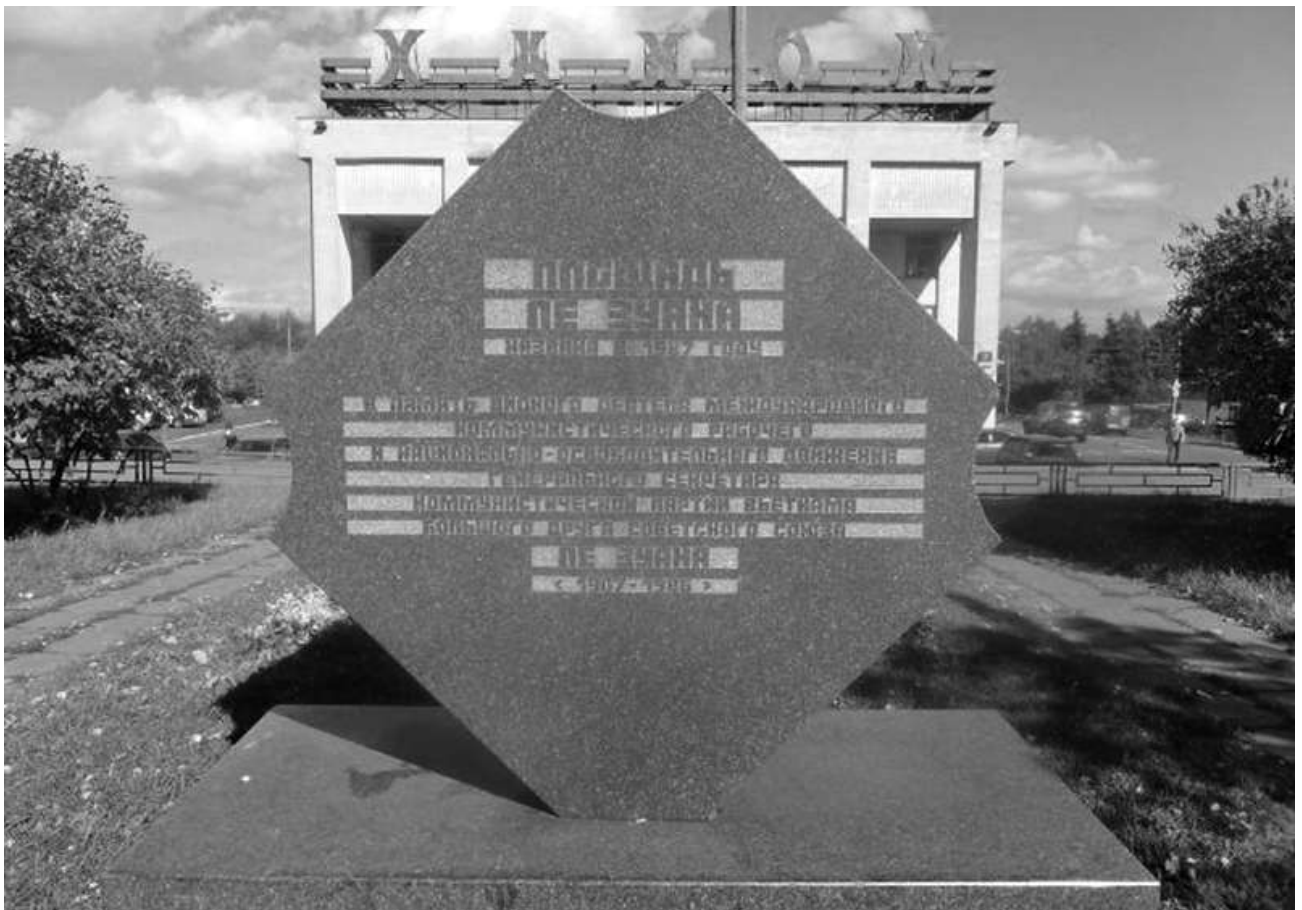
Có một Quảng trường Lê Duẩn giữa lòng nước Nga

Châu Hồng Thủy

Ở Thủ đô Matxcơva, Liên bang Nga, có 2 Quảng trường mang tên các nhà lãnh đạo cao nhất của dân tộc Việt Nam là Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng Bí thư Lê Duẩn.

Quảng trường Hồ Chí Minh ở gần trung tâm thành phố, trở thành điểm thăm viếng, đặt hoa thường xuyên của cộng đồng người Việt tại Nga trong các ngày Lễ lớn và của các đoàn đại

biểu Việt Nam trong nước sang công tác, du lịch. Đã thành tục lệ đẹp, nhiều cặp cô dâu chú rể đến đặt hoa dưới tượng Bác và chụp ảnh quay phim trong ngày cưới của mình.



Bia Tưởng niệm tại Quảng trường Lê Duẩn. Sau lưng là Rạp Hà Nội cũ với những chữ Nga cách điệu.

Trong khi đó, Quảng trường Lê Duẩn cứ đến dịp mừng 3 tháng 2 (kỷ niệm ngày thành lập Đảng), Đại Sứ quán Việt Nam tại Liên bang Nga

và đại diện các đoàn thể cộng đồng của người Việt đến đặt hoa trước Bia tưởng niệm vị Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, người bạn lớn

của nhân dân Liên Xô.

Ngày 10 tháng 7 năm 1986, Tổng Bí thư Lê Duẩn từ trần. Ngay sau đó Đảng Cộng sản và nhà nước Liên Xô đã quyết định đặt tên Tổng Bí thư Lê Duẩn cho một Quảng trường tại Matxcova,

vì công lao đóng góp to lớn của đồng chí đối với phong trào cộng sản và giải phóng các dân tộc trên thế giới. Ngay khi còn sống, năm 1980, Tổng Bí thư Lê Duẩn cũng đã được nhà nước Liên Xô tặng Giải thưởng quốc tế Lênin “Vì sự củng cố bền chặt hòa bình giữa các dân tộc”.



Ông Phan Văn Vinh - Phó Bí thư Đảng ủy Nước, cùng Công sứ Lại Ngọc Đoàn và các đại diện cộng đồng đặt hoa viếng TBT Lê Duẩn, ngày 3/2/2018.

Quảng trường Lê Duẩn thuộc quận Yasnevo của Khu hành chính Tây Nam TP Matxcova, nằm cạnh ngã tư của 4 đường phố Aivazovskaia, Litovski Bulvar, Taruskaia, Yasnogorodskaja, không xa Metro (bến tàu điện ngầm) Yasnevo. Sau lưng Quảng trường Lê Duẩn là rạp chiếu phim mang tên Hà Nội, thành phố kết nghĩa của Matxcova. Rạp Hà Nội thuộc nhà số 7, đường Litovski Bulvar. Có giai đoạn, sau khi Liên Xô tan rã, Rạp Hà Nội biến thành trung tâm buôn bán, nhà hàng. Từ năm 2008, Rạp chiếu phim Hà Nội đã chuyển thành Trung tâm Văn hóa - Giải trí, đổi tên là “Trung tâm Văn hóa Cảm hứng”, nhưng người dân khu vực vẫn gọi theo tên cũ là Rạp Hà Nội.

Tám Bia tưởng niệm đồng chí Lê Duẩn nằm giữa Quảng trường, được đặt vào ngày 14

tháng 7 năm 1987. Rạp Hà Nội ở phía sau lưng. Trên bia đá ghi dòng chữ:

Dòng thứ nhất: “Quảng trường Lê Duẩn - Đặt tên năm 1987”

Các dòng tiếp theo ghi: “Tưởng nhớ Nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế và giải phóng dân tộc, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, người bạn lớn của nhân dân Liên Xô - Lê Duẩn (1907 - 1986)”.

Mặc dù nhà nước Liên Xô không còn, nhưng nhân dân Nga hiện nay vẫn dành những tình cảm tốt đẹp cho Tổng Bí thư Lê Duẩn. Quảng trường và tám bia vẫn được giữ gìn và dọn vệ sinh sạch sẽ hàng ngày. Mùa hè cây xanh phủ bóng. Mùa Đông tuyết được dọn không cho che lấp mất bia đá.

ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP VỚI THƯƠNG BINH LIỆT SĨ

Xuân Nguyên

Đại tướng Võ Nguyên Giáp là thiên tài quân sự lỗi lạc, bách chiến bách thắng, nhưng với chiến sĩ giữa ông và họ là tình đồng chí anh em, tình cha con ruột thịt gần gũi yêu thương. Nhân ngày Thương binh liệt sĩ, chúng ta bồi hồi nhớ lại những câu chuyện cảm động về tình cảm của Đại tướng với thương binh, liệt sĩ và thân nhân của họ.

Cho đến tận bây giờ, người viết bài này vẫn ấn tượng và nhớ như in câu chuyện cảm động Đại tướng từ chối làm sách riêng về mình. Vào một ngày cuối tháng 4 năm 2004, tôi theo nhà báo Đỗ Phượng đến thăm Đại tướng và trao đổi ý tưởng làm một cuốn sách ảnh về Đại tướng nhân dịp kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954 - 7/5/2004).

Hôm ấy, nhà báo Đỗ Phượng cầm một bản thảo cuốn sách ảnh về Đại tướng do một số phóng viên, nhiếp ảnh gần gũi ông nhiều năm thực hiện đến để xin ý kiến Đại tướng trước khi xuất bản. Cầm cuốn sách trên tay, Đại tướng trân trọng lật mở từng trang. Khi đọc đến những trang cuối, ánh mắt Đại tướng buồn và những

giọt lệ rơi trên má gầy gò. Đại tướng cảm ơn ý tưởng tốt đẹp của những phóng viên, nhà báo và những người đồng chí thân thiết đã dành cho ông. Nhưng Đại tướng đã từ chối việc làm sách ảnh riêng về ông bởi một lý do vô cùng xúc động: "Đừng làm sách ảnh riêng về tôi khi còn hàng vạn đồng bào chiến sĩ hy sinh ngoài mặt trận chưa tìm thấy hài cốt, không có một tấm ảnh nhỏ để thờ".

Nghe Đại tướng nói vậy, không ai dám trình bày thêm dù việc chuẩn bị xuất bản đã hoàn thành. Phải đến năm 2010, những bức ảnh trong cuốn sách dự định xuất bản trên mới được nhà báo Trần Tuấn (TTXVN)

triển lãm tại Hà Nội để giới thiệu 100 khoảnh khắc đời thường về Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Cuốn sách ảnh Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong lòng dân phải đến năm 2019 mới được hoàn chỉnh xuất bản.

Tương tự, Nhà thơ Trần Đăng Khoa cũng từng ngỏ ý muốn được đọc một cuốn hồi ký do chính Đại tướng viết về mình và những năm tháng cống hiến cho quân đội, cho Đất nước, Đại tướng cũng đã từ chối: "Đời mình có gì đâu mà viết. So với Bác, với đồng bào, chiến sĩ, mình chỉ là một giọt nước rất nhỏ giữa đại dương mênh mông...",



Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm hỏi thương binh.

Cả một quãng thời gian dài sau đó, tôi vinh dự được gần gũi giúp việc nhiều vị lão thành cách mạng, nhân sĩ trí thức, phóng viên gần gũi, từng đồng hành với Đại tướng nhiều năm nên được nghe, được đọc nhiều câu chuyện cảm động về tình cảm và sự quan tâm của Đại tướng với đồng bào chiến sĩ cũng như thân nhân những gia đình thương binh liệt sĩ. Đại tướng luôn sẵn lòng tiếp đón thăm hỏi ân cần những cựu chiến binh mỗi khi có điều kiện.

Năm 2003, tôi đến thăm Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng Đại tá Nguyễn Ngọc Châu vốn là lớp học sinh đầu tiên của Đại tướng Võ Nguyên Giáp tại trường Thăng Long (Hà Nội). Hôm đó, ông và Đại tướng ôn lại những kỷ niệm của thầy trò ở trường Thăng Long những năm 30 của thế kỷ trước. Ông kể lại những kỷ niệm tham gia phát hành tờ báo Hồn Trẻ do thầy Võ Nguyên Giáp làm chủ bút.

Ngưng những câu chuyện về quá khứ, Đại tá Nguyễn Ngọc Châu và Đại tướng lại nói về mối quan hệ hài hòa giữa con người với thiên nhiên và Sinh Vật Cảnh. Đại tướng căn dặn Đại tá Nguyễn Ngọc Châu và những người làm Sinh Vật Cảnh cả nước cần phải hướng đến là một ngành kinh tế làm giàu cho đất nước chứ không phải là phát triển thú chơi cho nhà giàu, phải phát huy tư tưởng của Bác Hồ thể hiện qua phong trào Tết Trồng cây. Đó là một cuộc cách mạng cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái, "làm cho phong cảnh nước ta ngày càng tươi đẹp", "làm cho đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ta ngày càng được cải thiện". Khi ra về, Đại tướng cũng không quên nhắc nhở, Hội và các đồng chí phải tạo điều kiện hướng dẫn giúp đỡ các cựu chiến binh làm giàu từ Sinh Vật Cảnh để cải thiện đời sống.

Còn thiếu tướng Nguyễn Chu Phác kể lại chuyện Đại tướng rơi nước mắt khi nói với các cán bộ chỉ huy khi đánh đồi A1 gặp khó khăn trong chiến dịch Điện Biên Phủ: "Nhân dân giao con em cho chúng ta mà các đồng chí để họ hy sinh như thế thì thử nghĩ xem trách nhiệm của các đồng chí như thế nào".

Sau khi nghỉ hưu, Thiếu tướng Chu Phác cùng nhiều đồng đội tích cực tìm kiếm hài cốt các liệt sĩ và thường xuyên báo cáo kết quả với Đại tướng. Cho đến tận bây giờ, những người làm công tác tìm kiếm hài cốt liệt sĩ mãi ghi nhớ trong lòng lời dặn của Đại tướng lúc sinh thời: "Chúng ta được sống như ngày nay là nhờ cán bộ, chiến sĩ đã ngã xuống nên phải cố gắng đưa anh em về với gia đình".

Là những trợ lý giúp việc gần gũi Đại tướng nhiều năm, Đại tá Nguyễn Huyền, Đại tá Trịnh Nguyên Huân, Thượng tá Lê Văn Hải đã nhiều lần chia sẻ về những ấn tượng không thể nào quên trong mỗi dịp Người đi công tác ở địa phương. Đó là Đại tướng hầu như bao giờ cũng tới thắp hương tại các nghĩa trang liệt sĩ và những lần như vậy, Đại tướng không bao giờ cầm được nước mắt.

Trong cuộc gặp đầu tiên với đối thủ người Mỹ, cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ McNamara năm 1995, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói: Vị tướng dù có công lao lớn đến đâu cũng chỉ là giọt nước trong biển cả. Chỉ có nhân dân Việt Nam là người đánh thắng Mỹ... Các ngài gọi tôi là vị tướng



Đại tướng không cầm được nước mắt trong một lần nghe báo cáo về tình hình tìm kiếm hài cốt liệt sĩ

Thần thoại, nhưng tôi nghĩ tôi bình đẳng với người lính của mình. Tôi hoàn thành nhiệm vụ cũng như những người lính hoàn thành nhiệm vụ. Trên bình diện nhiệm vụ, thì tôi cũng như người lính là bình đẳng, cho nên tôi rất tôn trọng người lính.

Trước khi trút hơi thở cuối cùng về với cõi Bác Hồ, nhà báo Đỗ Phượng vẫn trong dòng cảm xúc về hai con người vĩ đại mà ông và nhiều đồng chí thân thiết của mình vẫn quen gọi triu mến trân trọng là "Ông Cụ" và "Anh Văn". Trong những cảm xúc về Đại tướng, ông Phượng đã nhiều lần kể về những câu chuyện cảm động của Đại tướng với chiến sĩ

trong mỗi trận đánh, mỗi chiến dịch dù lớn dù nhỏ.

"Trên cương vị Tổng Tư lệnh, Đại tướng có nhiều đêm mất ngủ, nhiều lần không cảm được nước mắt khi nghe báo cáo số lượng cán bộ, chiến sĩ thương vong trong các trận đánh. Trong những tình huống như vậy, Đại tướng đã suy nghĩ đến phát ốm như trong chiến dịch Điện Biên Phủ để tìm ra những phương án tốt nhất nhằm giảm thương vong cho bộ đội ta. Đại tướng luôn đau với mỗi vết thương của mỗi người lính, biết tiếc từng giọt máu của đồng bào...", nhà báo Đỗ Phượng một lần kể lại.

người nơi tiền tuyến phải đổi mặt. Sự thấu hiểu, cảm thông ấy đã thể hiện rõ ở nhiều văn bản, thư động viên, cảm ơn nhân dân đã giúp đỡ bộ đội. Trong kháng chiến chống Pháp, Đại tướng nhiều lần trực tiếp đến chiến hào nói chuyện với cán bộ chiến sĩ. Tết Nguyên đán năm 1954, Đại tướng đã đến chiến hào nói chuyện với bộ đội pháo binh, bộ đội pháo cao xạ. Tại đây, một lần nữa ông yêu cầu cán bộ chỉ huy, cán bộ chính trị phải quan tâm hơn nữa vấn đề ăn uống, nghỉ ngơi của anh em. Phải cải thiện cấp dưỡng, bố trí giờ giấc sinh hoạt và làm việc cho gọn, bảo đảm anh em được ngủ. Phải tổ chức lại lán, tránh ẩm ướt, gió lạnh.

Không chỉ quan tâm đến bộ đội, dân công từng miếng ăn, giấc ngủ, mà khi họ lập được chiến công, trên cương vị người đứng đầu Quân đội, Đại tướng luôn kịp thời khen thưởng, động viên. Và sau những lời biểu dương khen ngợi, hầu như cuối thư nào Đại tướng cũng nhắc nhở cán bộ, chiến sĩ "đề phòng chủ quan khinh địch" để giữ vững tính chất người lính cách mạng thắng không kiêu, bại không nản.

Sau những trận thắng lớn, Đại tướng cũng không quên cảm ơn các tầng lớp nhân dân đã chia ngọt sẻ bùi với quân đội. Một tuần sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Đại tướng có thư gửi đồng bào khu Tây Bắc. Trong thư Đại tướng viết: "Cảm ơn toàn thể đồng bào đã hết sức giúp đỡ cung cấp lương thực cho bộ đội, hăng hái đi dân



Nhà báo Vương Xuân Nguyên (bên trái) trao đổi tư liệu với đại tá Trịnh Nguyên Huân, Thư ký riêng của Đại tướng

Nhà báo Đỗ Phượng cho biết thêm, trong những giai đoạn ác liệt của bốn cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại trong thế kỷ XX của dân tộc Việt Nam là: Chống Pháp, Chống Mỹ,

Chiến tranh biên giới Tây Nam, Chiến tranh biên giới phía Bắc, Đại tướng đã bao đêm mất ăn mất ngủ trước khi tổ chức các trận đánh lớn. Đại tướng đã thấu hiểu vất vả, hiểm nguy mà

công, đã gửi thư, quà ủy lạo bộ đội, hết lòng chăm sóc giúp đỡ thương binh”. Đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ từng nghĩ Quân đội ta không có khả năng đánh vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, bởi chúng chủ quan rằng ta không có khả năng tiếp viện. Thế mà 21 tiểu đoàn chủ lực của chúng đã bị tiêu diệt, tên Tướng Đờ Cát-xơ-ri bị bắt sống. Dưới khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”, hàng chục vạn người đã tham gia các đội dân công đi

hàng ngàn cây số, bảo đảm vận chuyển lương thực, đạn dược, sửa đường, săn sóc thương binh... Bà con tự nguyện góp hàng vạn tấn lúa gạo, hàng ngàn tấn thực phẩm cho bộ đội, huy động xe cộ, thuyền bè để phục vụ tiền tuyến...”

Trong ký ức của các cựu chiến binh, các tầng lớp nhân dân, cũng như bạn bè yêu chuộng hòa bình trên thế giới, tình cảm của Đại tướng Võ Nguyên Giáp dành cho cán bộ,

chiến sĩ, nhân dân trong chiến dịch Điện Biên Phủ, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử và trong các giai đoạn khác nhau của chiến tranh và hòa bình thật khó diễn đạt hết, nhưng dễ dàng cảm nhận được. Sự chia sẻ, đồng cảm, lời tuyên dương, khích lệ và trân quý cống hiến, hy sinh của vị Tổng Tư lệnh Quân đội đã thúc đẩy tạo nên nguồn sức mạnh to lớn, ý chí quyết chiến quyết thắng vô song trong bộ đội và quần chúng.



Nhà báo Vương Xuân Nguyên dâng cuốn sách ảnh về Đại tướng theo tâm nguyện của Nhà báo Đỗ Phượng trước hương án Đại tướng tại nhà riêng năm 2019

Là người nhiều lần theo Đại tướng thăm lại chiến trường xưa, anh Võ Điện Biên, con trai cả của Đại tướng nhận thấy sự day dứt khôn nguôi

của Đại tướng khi đứng trước những ngôi mộ không tên. Bình thường mọi người vẫn ghi mộ đó là liệt sĩ vô danh, nhưng Đại tướng khuyên nên thay là "chưa

tìm được tên". Bởi theo Đại tướng, họ đều là những người có danh đã anh dũng hy sinh cho Tổ Quốc trường tồn.

Khắc cốt ghi tâm tâm

nguyện của cha với việc tri ân những người đã khuất, năm 2014, anh Võ Điện Biên bày tỏ mong muốn được sư đoàn 356 mang nắm đất Vị Xuyên (Hà Giang) về đặt bên bàn thờ Đại tướng, cạnh đất lấy từ Trường Sa, những nơi máu xương nhiều chiến sĩ đổ xuống để giữ vững chủ quyền biên giới, hải đảo Việt Nam. Ở mảnh đất Vị Xuyên, năm 1984 đã diễn ra trận đánh khốc liệt giữa quân đội ta và quân xâm lược Trung

Quốc. Để bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc, hơn 1.700 cán bộ chiến sĩ quân Việt Nam đã anh dũng hi sinh.

Là một học trò xuất sắc nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là vị tướng của nhân dân, danh tướng vì hòa bình, một nhân cách lớn luôn thấu cảm nghĩa tình với đồng bào chiến sĩ, cuộc đời và sự nghiệp lẫy lừng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp sử sách mãi lưu truyền, nhân tâm

còn ghi mãi. Chỉ riêng trong quan hệ với người lính và tình yêu thương với thương binh, liệt sĩ và thân nhân của họ đã khắc họa nên chân dung Đại tướng Võ Nguyên Giáp, một con người bình dị mà vĩ đại, một huyền thoại khi tại thế, một thánh nhân còn sống mãi trong ngôi đền linh thiêng của lòng dân Đất Việt:

**"Võ công truyền Quốc sử
Văn đức quán nhân tâm".**



VỀ THĂM QUÊ HƯƠNG HUYỀN THOẠI MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG!

Trần Quyết

Nghề báo giúp tôi có điều kiện đi khắp các vùng miền của Tổ quốc, nhất là nơi in dấu những trang sử hào hùng của dân tộc. Nhưng chuyến đi về Gò Nổi (Điện Bàn, Quảng Nam) quê hương của Mẹ Việt Nam Anh hùng Nguyễn Thị Thứ vào năm 2017 đã để lại trong tôi nhiều ấn tượng không thể phai mờ.

Vùng đất địa linh nhân kiệt

Gò Nổi được các tư liệu khẳng định có quá trình hình thành từ cuối thế kỷ XIV do người Việt từ các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An vào khai cơ, lập nghiệp. Họ theo lệnh triều đình trong quá trình Nam tiến đã vào nam bằng đường biển. Khi đến Cửa Đại (Hội An) họ nhận thấy đây là một cửa biển rộng lớn, nhìn về hướng tây là dòng sông Thu Bồn hiền hòa trải dài trên vùng đồng bằng phì nhiêu vào loại bậc nhất của miền Trung. Những cư dân này đã ngược chèo dòng Thu Bồn thì bắt gặp vùng Gò Nổi vùng đất được bao bọc bởi 3 con sông Thu Bồn, Chiêm Sơn và Bến Giá; cũng là nơi bắt đầu của sông Vĩnh Điện và sông Bà Rén với tứ bề sông nước bao quanh một cù lao phù sa màu mỡ. Do vậy, họ quyết định dừng lại ở đây để khai cơ lập nghiệp. Từ vùng đất này đã sinh ra nhiều bậc hiền tài cho đất nước.



Tượng đài Mẹ Việt Nam Anh hùng tại Quảng Nam

Từ Hoàng Diệu, vị phó bảng học rộng tài cao, vị Tổng đốc thành Hà Nội nêu gương trung liệt thề quyết sống chết giữ thành; Phạm Phú Thứ thông minh hiểu học, mới 23 tuổi đã đỗ Tiến sỹ; Chí sĩ Trần Cao Vân (1866 - 1916), một là tấm gương sáng về tinh thần yêu nước, đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc ngay từ những năm đầu kháng Pháp. Cùng với thuyết Trung Thiên Dịch nổi tiếng, Chí sĩ Trần Cao Vân một trong những lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa Duy Tân vang động trong cả nước đã đi vào sử sách, là niềm tự hào của quê hương Điện Bàn về một bậc tiền nhân làm rạng rỡ cho non sông đất nước. Danh thần triều Nguyễn - Lê Đình Đình, nhà ngoại giao tài ba và là thân sinh của y sỹ, liệt sỹ Lê Đình Dương cùng bác sỹ, cư sỹ Lê Đình Thám; Lê Đình Dương (1884 - 1916) là đảng viên Việt Nam Quang phục hội. Ông bị thực dân Pháp bắt, lưu đày ở Khánh Hòa rồi Buôn Mê Thuột và mất tại đây.

Phạm Thâm là người đã nhen nhóm ngọn lửa cách mạng ở Điện Quang vào những năm trước 1930, Bí thư tỉnh ủy Quảng Nam năm 1930; Trần Công Chương là người học cao, hiểu rộng, người có tinh thần yêu nước, yêu dân, được nhân dân kính trọng; Phan Thành Tài là một

trong những nhân vật quan trọng của phong trào cải cách Duy Tân vào những năm đầu thế kỷ XX, đồng thời là một nhân vật trọng yếu trong cuộc khởi nghĩa Duy Tân ở Huế năm 1916...

Nhà giáo, nhà báo, nhà truyền bá quốc ngữ, nhà hoạt động cách mạng lỗi lạc Phan Thanh. Ông là đại biểu lỗi lạc của Mặt trận Dân chủ Đông Dương ở Viện Dân biểu Trung kỳ khóa III (1938-1939); Phan Bôi (Hoàng Hữu Nam) - Thứ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công An) đầu tiên của Việt Nam; Nguyễn Thị Bình - nữ Phó Chủ tịch nước đầu tiên của Việt Nam (1992 - 2002); Nữ Anh hùng Trần Thị Lý - người con gái Việt Nam; Anh hùng Lực lượng Vũ Trang Nhân dân; Nguyễn Trọng Nghĩa - một Phan Đình Giót của miền Nam; Anh hùng liệt sỹ Nguyễn Văn Trỗi (1940 - 1964) tấm gương cách mạng sáng ngời; Hay Giáo sư, Nhà giáo nhân dân, nhà phê bình văn học nổi tiếng Lê Đình Ky; Giáo sư ngôn ngữ học Hoàng Phê; các nhà toán học Hoàng Tụy, Hoàng Chúng suốt đời tận tụy vì sự nghiệp trồng người; Huyền thoại Mẹ Việt Nam Anh hùng Nguyễn Thị Thứ cũng sinh ra từ quê hương Gò Nổi anh hùng.



Người viết bài (ngoài cùng bên phải) cùng vợ chồng Doanh nhân Trần Công Cảnh hậu duệ của nhà Chí sĩ cách mạng yêu nước Trần Cao Vân lưu niệm trong những ngày ở Gò Nổi, Điện Bàn, Quảng Nam

Là chiến trường xưa, Gò Nổi còn ghi bao chiến công của quân và dân Quảng Nam thắng giặc xâm lăng; là hành lang và là chiếc nôi của cách mạng Khu V, nơi in bao dấu tích bi hùng của những vụ thảm sát: Kho Muối, Lò Gạch Trùng Giang mà giờ đây đã được công nhận di tích lịch sử - văn hóa. Người dân đất Quảng vẫn truyền tụng câu ca: “Nhất Củ Chi - Nhì Gò Nổi” để nói lên mức độ ác liệt của chiến tranh và phẩm chất anh hùng của những người con quyết “một tác không đi, một li không rời”.

Sáng mãi huyền thoại Mẹ Việt Nam Anh hùng

Chiến tranh đã lùi xa gần nửa thế kỷ nhưng sự khốc liệt của nó vẫn còn hằn trên khắp những nghĩa trang và vẫn còn là nỗi ám ảnh của bao người ở lại. Vào những dịp kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ hàng năm, dòng người từ các địa phương đổ về các nghĩa trang tại Thị xã Điện Bàn để thành kính tri ân thấp nén nhang tưởng nhớ người đã khuất hy sinh xương máu cho Tổ quốc trường tồn.

Qua những tư liệu lịch sử và chia sẻ của chính quyền địa phương cho biết, trong hai cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại của dân tộc Việt Nam, cả nước có hơn 41 vạn người con ưu tú đã anh dũng hy sinh, thì mảnh đất Điện Bàn có 18.773 con em anh dũng hy sinh trên khắp các chiến trường, có khoảng 8.000 bộ đội còn sống, nhưng vẫn mang trên mình những vết thương trên thịt da. Và hơn 1.600 người mẹ, người vợ đã mãi mãi không bao giờ gặp lại chồng, con thân yêu. Họ đã trở thành Mẹ Việt Nam Anh Hùng.

Tiêu biểu cho những người Mẹ Việt Nam Anh hùng như thế trên khắp dải đất hình chữ S thiêng liêng này phải kể đến Mẹ Việt Nam Anh hùng Nguyễn Thị Thứ. Mẹ là hình tượng tiêu biểu của Bà mẹ Việt Nam anh hùng với sự cống hiến, hy sinh vô bờ bến; là biểu tượng của người phụ nữ Việt Nam “Anh hùng, Bất khuất, Trung hậu, Đảm đang”.

Mẹ Nguyễn Thị Thứ sinh năm 1904 tại xóm Rừng, thôn Thanh Quýt, xã Điện Thắng Trung, huyện Điện Bàn, Quảng Nam.

Người dân xã Điện Thắng, nhiều người

cao tuổi vẫn nhớ về truyền thống cách mạng của gia đình mẹ Thứ. Vợ chồng mẹ cùng con gái đầu bám trụ xóm làng, vừa sản xuất, vừa đào hầm nuôi giấu cán bộ. Hằng đêm, mẹ để ngọn đèn sáng bên bàn thờ làm ám hiệu an toàn cho cán bộ, du kích đi về hoạt động.

Vườn nhà mẹ rộng, có 5 căn hầm bí mật. Quanh vườn có nhiều cây xanh và cỏ, nuôi nhiều bò để ngụy trang. Lúc an toàn, mẹ Thứ và các con mở hé cửa hầm để mọi người dễ thở và khi có động thì lại giả vờ trông coi bò để chỉnh sửa, ngụy trang lại miệng hầm. Hàng trăm cán bộ, bộ đội, du kích được gia đình mẹ Thứ chở che, chăm sóc...

Nuôi con cháu trong cảnh lặn lội, đói nghèo nhưng khi Tổ quốc cần, mẹ Thứ động viên, tiễn tất cả các con ra chiến trường. Mẹ có 12 người con (11 trai và 1 gái) thì 9 con trai hy sinh. Con đầu và cũng là con gái duy nhất - bà Lê Thị Trị là thương binh, cũng được trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng khi có chồng và 2 con gái là liệt sĩ. Tổng cộng gia đình mẹ Thứ có 12 liệt sĩ anh dũng hy sinh ngoài mặt trận. Thử hỏi trên thế gian này, làm gì có người mẹ thứ hai phải trải qua những nỗi đau tột cùng khi phải tiễn biệt tất cả những đứa con thân yêu nhất của mình ra đi và không có ngày trở lại.



Đồng chí Lê Thân, Bí thư Thị ủy Điện Bàn chia sẻ với PV về truyền thống của quê hương

Đồng chí Lê Thân, Bí thư Thị ủy Điện Bàn cho biết, trong ký ức của người dân Điện Bàn và trong những trang sử của quê hương vẫn còn ghi mãi những dòng bi hùng không thể nào quên của quê hương và gia đình Mẹ Thứ. Ngày 18-6-1948, anh Lê Tự Xuyên - chiến sĩ giao liên bị Pháp bắn tại đầu làng. Nửa tháng sau, ngày 5-10-1948, con trai Lê Tự Hàn Anh hy sinh khi làm nhiệm vụ tải thương. 10 ngày sau, con trai Lê Tự Hàn Em ngã xuống trong trận chống càn. Con trai Lê Tự Lem tròn 20 tuổi hy sinh trong lúc chiến đấu ở huyện nhà vào tháng 4-1954. Trong vòng 6 năm, mẹ Thứ mất 5 người con, đau thương dồn dập nhưng cứ khi con trưởng thành, mẹ lại động viên, tiễn con ra chiến trường.

Tháng 9-1966, con trai Lê Tự Nự hy sinh. Năm 1972, anh Lê Tự Mười và anh Lê Tự Trịnh hy sinh. Năm 1974, anh Lê Tự Thịnh - Đại đội trưởng bộ đội ở huyện Duy Xuyên hy sinh trong lần chỉ huy đơn vị đánh đồn giặc. Con trai cả Lê Tự Chuyên - chiến sĩ biệt động Sài Gòn hy sinh vào 9 giờ ngày 30-4-1975 ngay trên cầu Rạch Chiếc ở cửa ngõ vào Sài Gòn, chỉ trước vài giờ đất nước thống nhất.

Con rể của mẹ là Ngô Tường (chồng của mẹ VNAH Lê Thị Trị) tham cách mạng từ thời chống Pháp, bị giặc Mỹ bắt năm 1956, bị tra tấn cho đến lúc tử vong, được công nhận là liệt sĩ. Mẹ Thứ còn 2 cháu ngoại (con gái của mẹ Trị) là Ngô Thị Điều bị giặc Mỹ bắt tra hỏi, hy sinh tháng 8-1970 và Ngô Thị Cúc hy sinh trong lần công tác vào vùng địch hậu năm 1973.

Mẹ Việt Nam Anh hùng Nguyễn Thị Thứ sau 12 lần tiễn các con đi mà không có ngày trở lại, mẹ mỗi mòn chờ mong, nước mắt khô cạn dần và đôi mắt mờ không nhìn thấy gì ở tuổi 80. Những năm cuối đời mẹ chuyển ra Đà Nẵng sống cùng con út Lê Tự Tân cho đến ngày 10/12/2010, mẹ đã về với các con thân yêu của mẹ, hưởng thọ 106 tuổi.

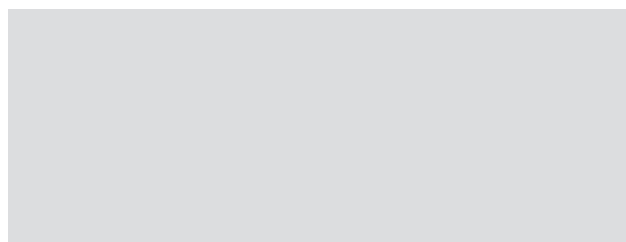
Nam 1998 khi một đoàn khách nước ngoài về thăm mẹ Thứ, một nhà báo, cựu chiến binh người Hàn Quốc đã hỏi mẹ: “Thưa bà, với quan niệm người Á Đông, con cái là phúc lộc, là tài sản. Khi người con thứ tư, thứ năm tử trận, tại sao

bà vẫn tiếp tục động viên những người con khác ra mặt trận”?

Mẹ Thứ điềm tĩnh trả lời: “Ở nước tôi, Cụ Hồ đã dạy là “Không có gì quý hơn độc lập tự do” nên cứ là người Việt Nam, trong đó có các con, các cháu tôi đều sẵn sàng chiến đấu, hy sinh để giành lấy độc lập, tự do. Nếu còn chiến tranh, các con tôi, rồi cháu tôi vẫn sẽ tiếp tục ra trận để giành độc lập, tự do, bình yên mà hôm nay chúng tôi đang hưởng”.



Mẹ Thứ bên mâm có chín cái bát, chín đôi đũa dành cho 9 người con của mẹ đã hy sinh. Bức ảnh do Đại tá, nhà báo Trần Hồng chụp gây xúc động đối với bất cứ ai nhìn thấy



Ngày 17/12/1994, Chủ tịch nước Lê Đức Anh ký quyết định tặng và truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng đợt đầu tiên cho 19.879 bà mẹ, trong đó có mẹ Nguyễn Thị Thứ. Trân trọng với những gì các Mẹ Việt Nam Anh hùng đã cống hiến cho Tổ quốc, cho nhân dân, năm 2004, Đảng và Nhà nước đồng ý xây dựng quần thể tượng đài Mẹ Việt Nam Anh hùng tại núi Cẩm (thôn Phú Thạnh, xã Tam Phú, TP.Tam Kỳ, Quảng Nam) rộng 150.000m² (15ha); hoàn thành ngày 24/3/2015.

Tượng đài Mẹ Việt Nam Anh hùng lấy nguyên mẫu từ mẹ Nguyễn Thị Thứ với ý tưởng: Mẹ là suối nguồn bao la vô tận, là linh hồn đất nước. Mẹ sinh ra từ mảnh đất anh hùng, rồi sinh ra những người con anh hùng và sẽ lại hoá thân vào đất, vào non nước Việt Nam. Mẹ sẽ sống mãi ngàn đời, vẫn tiếp thêm nguồn sức mạnh mẽ cho các thế hệ trẻ trong công cuộc xây dựng và

bảo vệ Tổ quốc. Công trình có chiều cao 18,5m, rộng 84,7m, bên trong tượng đài là Nhà tưởng niệm Mẹ Việt Nam Anh hùng, có bia ghi danh gần 50.000 Mẹ Việt Nam Anh hùng cả nước; giới thiệu hình ảnh, cuộc đời và sự cống hiến của các Mẹ Việt Nam Anh hùng...

Điện Bàn hôm nay, đang trên đà đổi mới ngày một khang trang, hiện đại hơn, nhưng những dấu tích hào quang chói sáng về vùng đất giàu truyền thống gắn với những trang hào kiệt vẫn hiện hữu trên từng ngả đường lối xóm in đậm trong tâm trí và sâu thẳm tâm hồn những người con Xứ Quảng. Ở đó tên tuổi của những người con quê hương ưu tú, những danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, những lương tướng năng thần, Mẹ Việt Nam Anh hùng gắn với tên đất tên làng mãi tỏa sáng góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, tinh thần yêu nước cho hôm nay và mãi mãi mai sau./.

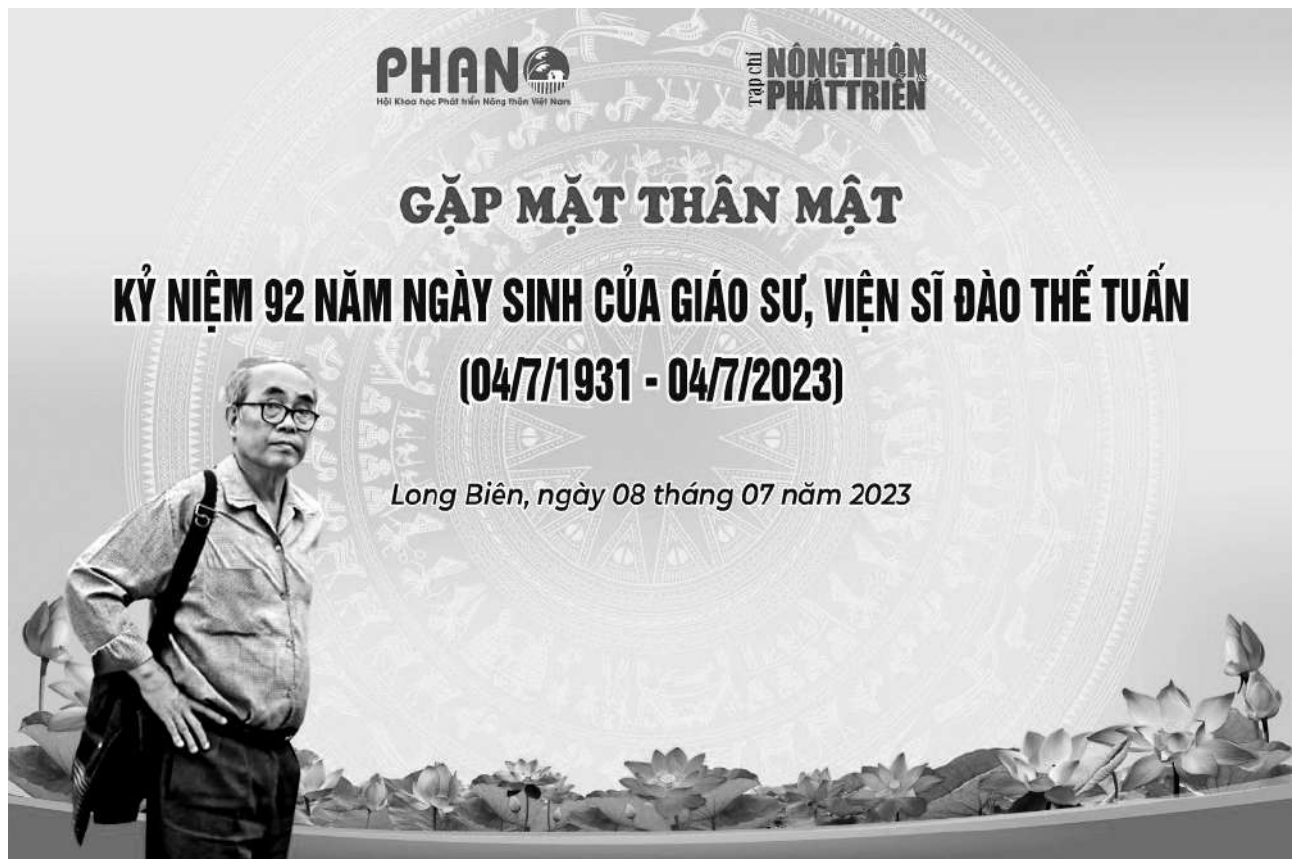
** Bài viết có sử dụng một số tư liệu trong cuốn Danh Nhân Điện Bàn*



Kỷ niệm 92 năm ngày sinh của Giáo sư, Viện sĩ Đào Thế Tuấn

Nguyễn Anh

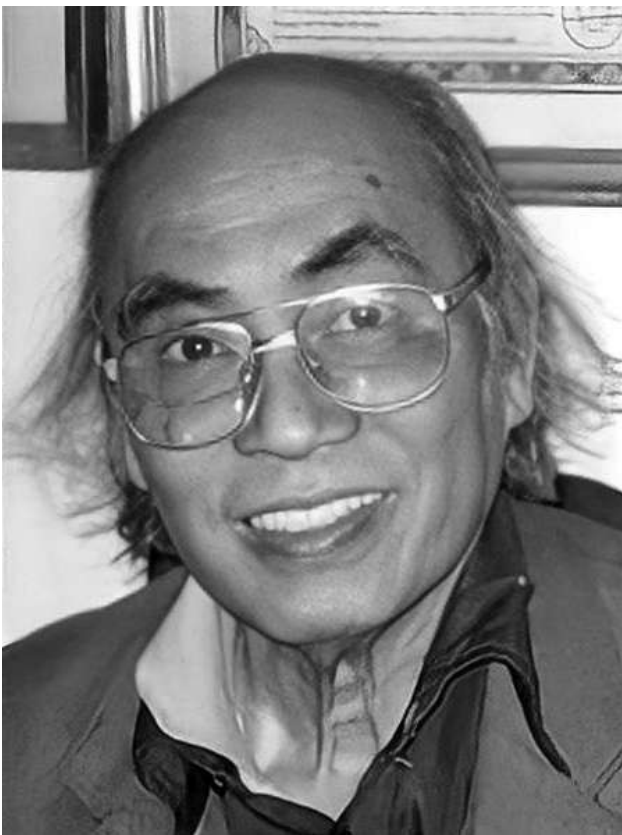
Ngày 04/07/2023, kỷ niệm 92 năm ngày sinh của Giáo sư, Viện sĩ, Anh hùng Lao động Đào Thế Tuấn (04/7/1931 - 04/7/2023). Nhân dịp này, Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam (PHANO), Tạp chí PHANO cùng gia đình PGS.TS Đào Thế Tuấn tổ chức cuộc gặp thân mật (vào 9h00 ngày 08/7/2023) với các đồng nghiệp và các thế hệ học trò của Ông để tri ân tưởng nhớ, ôn lại những truyền thống tốt đẹp của Hội và Tạp chí gắn với những cống hiến của Giáo sư, Viện sĩ Đào Thế Tuấn.



Giáo sư, Viện sĩ Đào Thế Tuấn sinh ngày 4 tháng 7 năm 1931 tại Thành phố Huế, nguyên quán ở Khúc Thủy, Thanh Oai, Hà Tây cũ (nay là Hà Nội); sinh ra và lớn lên trong một gia đình trí thức nổi tiếng cả về trí tuệ và tinh thần yêu nước; Mẹ là cụ bà Trần

Như Mân một nhà giáo và hoạt động xã hội, Cha là cụ Đào Duy Anh, nhà sử học, địa lý, nhà từ điển học, nhà nghiên cứu văn hóa, tôn giáo, văn học dân gian nổi tiếng của Việt Nam được từ điển Larousse gọi là nhà bách khoa toàn thư của thời hiện đại.

Giáo sư, Viện sĩ Đào Thế Tuấn tham gia Việt Minh từ rất sớm, vào Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 6 tháng 5 năm 1949 và chuyển chính thức ngày 9 tháng 10 năm 1949. Năm 1953, học đại học tại Trường Đại học Nông nghiệp Tasken, Liên Xô. Cuối năm 1958 báo cáo tốt nghiệp của ông được trình bày thẳng để lấy bằng tiến sĩ nông học. Từ năm 1958 đến năm 1995, công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Học viện Nông Lâm; tiếp đến là Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, được phân công làm Phó Viện trưởng rồi Viện trưởng Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam. Tham gia và là Chủ tịch Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam - PHANO; Ông là người sáng lập bộ môn Hệ thống nông nghiệp (1989). Ông là tác giả của nhiều công trình nghiên cứu khoa học có giá trị, nhiều bài viết được các báo, tạp chí trong và ngoài nước xuất bản. Ông qua đời lúc 11h 30 ngày 19 tháng 1 năm 2011 tại Bệnh viện Hữu nghị Hà Nội.



Giáo sư, Viện sĩ Đào Thế Tuấn

Suốt cuộc đời nghiên cứu khoa học và tận tụy cống hiến cho ngành Nông nghiệp và PTNT cho thấy, Giáo sư, Viện sĩ Đào Thế Tuấn không chỉ là một "Nhà khoa học Nông nghiệp uyên bác" với bề dày các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trong và ngoài nước, mà Ông còn là người có những đóng góp lớn cho công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học tập trung nghiên cứu về Hệ thống Nông nghiệp, đề xuất chính sách về nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

Với những cống hiến to lớn trong kháng chiến và nền khoa học nước nhà, Giáo sư, Viện sĩ Đào Thế Tuấn đã được tặng thưởng Huân chương Chiến thắng Hạng Ba, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước Hạng Nhất, Huân chương Lao động Hạng Hai, Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới năm 2000, Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học Công nghệ năm 2005. Ngoài ra, ông cũng nhận được nhiều phần thưởng của Cộng hòa Pháp như: Huân chương Công trạng Nông nghiệp Hạng Nhất, Hạng Hai, Hạng Ba; Huân chương cảnh Cọ Hàn Lâm Hạng Hai và Giải thưởng René Dumont.

Đặc biệt, ngày 8/12/2022, tại kỳ họp thứ 10, các đại biểu HĐND TP Hà Nội nhất trí thông qua Nghị quyết về việc đặt tên phố Đào Thế Tuấn (đoạn từ ngã ba giao phố Vũ Đức Thận tại khu đất C12 đến ngã ba giao ngõ 137 phố Việt Hưng - quận Long Biên, tổ 8 phường Việt Hưng).

Đánh giá về cuộc đời và sự nghiệp của Giáo sư, Viện sĩ Đào Thế Tuấn, đồng chí Lê Minh Hoan, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT trong lời giới thiệu sách "Đào Thế Tuấn - Nhà khoa học Nông nghiệp Uyên bác" đã nêu rõ: "Giáo sư, Viện sĩ Đào Thế Tuấn là một trong những nhà khoa học nông nghiệp hàng đầu nước ta. Với những đóng góp cho sự phát triển của ngành Nông nghiệp Việt Nam, Ông đã được Đảng và Nhà nước phong tặng nhiều danh hiệu cao quý. Suốt sự nghiệp nghiên

cứu khoa học Nông nghiệp, Ông đã viết khoảng 300 bài báo cho các tạp chí tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Anh và tiếng Việt, xuất bản 19 cuốn sách công bố các công trình nghiên cứu khoa học

tạo tiếng vang lớn, có giá trị lý luận và thực tiễn cao....”.

Cuộc gặp thân mật nhân kỷ niệm 92 năm ngày sinh của Giáo sư, Viện sĩ Đào Thế Tuấn (04/7/1931 - 04/7/2023) là dịp để ôn lại

và phát huy những truyền thống tốt đẹp của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam, Tạp chí PHANO gắn với những cống hiến to lớn của Giáo sư, Viện sĩ Đào Thế Tuấn!



Tạo ra một sản phẩm thì dễ, thị trường hoá sản phẩm đó mới khó

PV

Chương trình Quốc gia “Mỗi xã một sản phẩm” được triển khai thực hiện từ năm 2018. Sau 5 năm triển khai, diện mạo nông nghiệp của Việt Nam được định hình rõ hơn bằng hàng ngàn sản phẩm được cấp chứng nhận OCOP. Thị trường nội địa Việt Nam cũng đã quen dần với các đặc sản vùng miền trong nước thông qua thương hiệu OCOP. Mặc dù vậy, bên cạnh sự đa dạng, phong phú về sản phẩm, thì vẫn còn không ít băn khoăn về chất lượng, giá trị kinh tế mang lại và đặc biệt là tính bền vững của sản phẩm OCOP.



Lê Minh Hoan - Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT

Làm sao để thị trường hóa sản phẩm OCOP, làm sao để tạo sự hấp dẫn và khác biệt giữa sản phẩm OCOP với những nông sản thông thường khác trên thị trường, làm sao để sản phẩm OCOP không bị nhạt nhòa và mai một giữa rừng sản phẩm nông nghiệp hiện nay. Đó là trăn trở không chỉ của nông dân, các cấp chính quyền hay các đơn vị dịch vụ thương mại. Với tư cách là tư lệnh ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, một vài cảm nhận và chia sẻ của Bộ trưởng Lê Minh

Hoan sau đây sẽ phần nào giúp bà con và các địa phương có cách nhìn, định hướng rõ hơn trong phát triển sản phẩm nông nghiệp nói chung và OCOP nói riêng.

Phóng viên: Xin kính chào Bộ trưởng! Bộ trưởng có thể cho một vài đánh giá và cảm nhận của mình về kết quả thực hiện Chương trình Quốc gia “Mỗi xã một sản phẩm” mà ngành nông nghiệp triển khai trong thời gian qua?

Bộ trưởng Lê Minh Hoan: Đây là một chương trình lớn của ngành Nông nghiệp và được triển khai sâu rộng đến từng thôn xã trong cả nước. Chúng ta đều biết Việt Nam không thiếu những sản vật nông nghiệp. Mỗi vùng miền, mỗi mùa vụ đều có những đặc sản khác nhau, rất đa dạng, phong phú. Không chỉ diện tích mà năng suất sản lượng cũng rất lớn. Tuy nhiên để chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế hàng hóa lại cần có chiến lược và một định hướng cụ thể. Sản phẩm gì cũng vậy, không riêng gì nông nghiệp, muốn tạo sự chú ý, muốn có vị trí chỗ đứng trên thị trường thì trước hết phải xây dựng được thương hiệu và nhãn hiệu. Và khi đã mang thương hiệu, nhãn hiệu thì phải có gì đó khác biệt với những sản phẩm cùng loại. Đó chính là chất lượng, là mẫu mã, là quy trình sản xuất... Với nông sản thì sản xuất sạch, an toàn vô cùng quan trọng. Và cuối cùng anh muốn người ta nhớ, người ta để tâm thì phải có một cái tên để định danh, để gọi. Và trong nông nghiệp, OCOP chính là như thế.

Thời gian qua tất cả các địa phương đều đã rất quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện chương trình này. Chúng ta cũng phải đánh giá mặt tích cực, sự sáng tạo và năng động của các địa phương để tạo ra những dòng sản phẩm OCOP. Đó cũng là niềm tự hào của nông dân Việt, nông nghiệp Việt. Chúng ta có hàng ngàn sản phẩm được cấp chứng nhận OCOP, 3 sao, 4 sao. Ngay như Nghệ An, tôi nhớ hình như là đã có đến gần 500 sản phẩm được công nhận. Tuy nhiên, tôi nghĩ tạo ra một sản phẩm thì dễ nhưng thị trường hóa được sản phẩm đó mới là khó. Bởi vì có quá nhiều sản phẩm tương đồng ở khắp đất nước mình. Tôi lấy ví dụ, Sen thì đâu chỉ có Nghệ An, mà Đồng Tháp, Huế, Bắc Ninh, thậm chí Hồ Tây - Hà Nội cũng có, đúng không. Rồi lạc, cá, lúa gạo cũng vậy. Ngay như Cam đâu chỉ có cam Vinh, cam Hòa Bình, Bắc Giang, hay Đồng Tháp Cam cũng nhiều lắm chứ. Thành ra quan trọng là chúng ta hiểu được giá trị của nông sản để chúng ta chăm chút sản phẩm đó và thước đo của OCOP không phải là bao nhiêu sản phẩm, mà giá trị cuối cùng chính là chúng ta dẫn dắt được cái dòng sản phẩm đó

đến được thị trường như thế nào, được người tiêu dùng cảm nhận bằng cảm xúc thực sự chứ không đơn thuần là mua một sản phẩm nông nghiệp.

Phóng viên: Theo tôi được biết, đến thời điểm này Nghệ An là một trong những địa phương trong nước có nhiều sản phẩm OCOP được công nhận nhất. Tuy nhiên, nhìn ra thị trường thì các sản phẩm OCOP của Nghệ An vẫn khá nhạt nhòa. Theo Bộ trưởng thì có phải là do chúng ta chạy theo số lượng hay là do tự thân của các sản phẩm chưa đạt được chất lượng để thị trường chấp nhận?

Bộ trưởng Lê Minh Hoan: Tôi cũng chưa có một sự so sánh nào để xác định xem là địa phương hay ngành có chạy theo số lượng hay không, nhưng tôi luôn mong rằng: chúng ta làm thì phải làm hết tâm thế của mình, làm bằng sự trăn trở và suy nghĩ cho người nông dân, cho sự phát triển bền vững của nền nông nghiệp Việt Nam. Có bao giờ chúng ta tự đặt câu hỏi là tại sao mình có nhiều sản phẩm OCOP như thế nhưng trong các siêu thị, hệ thống phân phối trong cả nước rất hiếm gặp các sản phẩm OCOP của Nghệ An. Ngay cả ở thành phố Vinh cũng rất ít. Trong khi nhiều sản phẩm của các địa phương khác lại xuất hiện trong hệ thống phân phối của mình. Chẳng hạn khi ra Hà Nội, vào siêu thị hay vào bất cứ nơi nào có bày sản phẩm OCOP, không thấy sản phẩm của Nghệ An thì phải đặt câu hỏi là tại sao? Rồi từ những trăn trở đó mới tìm ra nguyên nhân. Có phải do chúng ta chạy theo số lượng mà không biết chăm chút chất lượng sản phẩm, hay là do bao bì mẫu mã, do truyền thông, quảng bá, do chúng ta không biết kết nối thị trường.vv.vv... Đó chính là những cái gạch đầu dòng để cùng suy ngẫm và tìm ra lời giải. Mỗi cái đầu dòng đó sẽ giúp chúng ta định vị lại. Tôi vẫn muốn nhấn mạnh thêm lần nữa: tạo ra sản phẩm nó dễ, nhưng để thương mại hóa được sản phẩm và mang tính bền vững nó lại là câu chuyện khác. Quy luật của thị trường là khi sản phẩm lên kệ siêu thị, sản phẩm nào mang lại doanh thu nhiều nhất cho siêu thị tính trên một đơn vị diện tích thì người ta sẽ ưu tiên bán sản phẩm đó. Chứ anh đưa hàng lên đó để cả tháng mà không ai mua thì người ta sẽ đẩy anh ra thôi.

Tạo ra sản phẩm nó dễ, nhưng để thương mại hóa được sản phẩm và mang tính bền vững nó lại là câu chuyện khác

”

BỘ TRƯỞNG

LÊ MINH HOAN



Nhiều lãnh đạo địa phương cứ đếm số đầu sản phẩm OCOP mà không lượng hóa được có bao nhiêu sản phẩm được thị trường hóa thì chưa hiểu hết giá trị của kinh tế nông nghiệp. Quan trọng nó phải nằm ở trên cái kệ hàng, và cũng không phải nó chỉ nằm một lần, mà phải nhân giá trị sản phẩm lên. Hôm nay chúng ta thấy nó đã tốt rồi nhưng mà ngày mai chưa chắc nó còn tốt, bởi ngày mai sẽ có những sản phẩm ở phía sau tốt hơn, chiếm ưu thế và lấn át thị trường. Vì thế, yêu cầu của kinh tế hàng hóa chính là phải luôn cải tiến, cải tiến, cải tiến. Có như thế thì người tiêu dùng mới thấy được cái mới, cái hấp dẫn của sản phẩm và không rời bỏ nó.

Ở đây tôi muốn nhấn mạnh một vấn đề trong tiếp thị, giới thiệu quảng bá sản phẩm, đó là: làm sao lãnh đạo địa phương phải trở thành người đi tiếp thị sản phẩm cho bà con mình chứ không phải chỉ đóng vai trò phát động để bà con sản xuất, rồi bà con tự đi tìm kiếm thị trường. Chúng ta nên biết rằng, thị trường là chuyện rất khó đối với người tạo ra sản phẩm OCOP. Bởi người tạo sản phẩm OCOP là nông dân, mà nông dân thì đâu có dịp để đi đây đi đó, chỉ có lãnh đạo hay doanh nghiệp mới có thể mở rộng các mối quan hệ tiếp xúc, quảng bá giới thiệu sản phẩm. Tôi lấy ví dụ, tháng vừa rồi, 7 ông Thống đốc của Nhật Bản đến Việt Nam, vào Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, mỗi

ông đem theo một đặc sản của quê hương mình để giới thiệu cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Tại sao ông Thống đốc phải đi bán hàng, chẳng có lí do gì cả, đúng không? Nhưng các ông nghĩ, đó chính là hình ảnh quê hương, hình ảnh đất nước, và hơn hết, họ nghĩ làm sao để cho người nông dân sản xuất ra sản phẩm tự tin hơn khi có lãnh đạo hiểu, chia sẻ và đồng hành với họ.

Phóng viên: *Tôi muốn quay trở lại một vấn đề, đó là có phải do chủ trương, chính sách kiểm soát, thẩm định tiêu chí đặt ra cho sản phẩm OCOP quá dễ dàng, lỏng lẻo hay không? Bởi vì cũng chính sự quá dễ dãi, lỏng lẻo nên người dân cảm thấy dễ đạt được thương hiệu, không quá chú trọng chăm chút cho sản phẩm của mình, thưa Bộ trưởng?*

Bộ trưởng Lê Minh Hoan: Thực ra, có những địa phương người ta dành những vị trí đẹp nhất trong đô thị để mở các quầy giới thiệu sản phẩm OCOP, hoặc tất cả những khu du lịch người ta đều ưu tiên dành không gian để giới thiệu các sản phẩm OCOP. Tôi nghĩ đó cũng chính là sự hỗ trợ kết nối thị trường, tạo ra thị trường, là sự hỗ trợ bền vững nhất... Quan điểm, tư duy và suy nghĩ giá trị của sản phẩm OCOP nằm ở đâu thì lãnh đạo địa phương sẽ hành động tới đó. Thấy nó là niềm tự hào thì chúng ta sẽ tìm những chỗ nào đẹp để trưng bày và giới thiệu, và đi đâu

cũng mang theo niềm tự hào đó. Còn nếu chúng ta không tự hào và cho rằng nó có tạo ra được bao nhiêu GDP cho tỉnh đâu, vậy thì đương nhiên sẽ không có sự đầu tư chăm chút cho nó. Nhiều khi chúng ta đi theo dòng cảm xúc đó nên chúng ta bỏ quên giá trị văn hóa, giá trị bền vững của sản vật quê hương. Mà văn hóa bây giờ cũng là sản phẩm có thể bán và tạo ra giá trị kinh tế bền vững. Tôi muốn khẳng định lại một điều là: cái mà chúng ta hướng đến không phải là tạo ra một sản phẩm OCOP, mà là tạo ra một sự tự tin, tạo ra một sự thay đổi, một tư duy mới cho người nông dân, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp. Khi chúng ta chuyển từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế là chúng ta đã tạo ra được những giá trị cao hơn từ trong chuỗi ngành hàng chế biến, bao bì thương mại điện tử.

Phóng viên: *Vâng, chúng ta lại nhắc tới một vấn đề khác đó là muốn có kinh tế thì phải trân trọng các giá trị văn hóa và sự tử tế, đúng không thưa Bộ trưởng?*

Bộ trưởng Lê Minh Hoan: Đúng vậy, sự tử tế trong sản xuất hay bất cứ hoạt động nào cũng chính là văn hóa. Nếu lãnh đạo địa phương làm được như thế thì bắt đầu xem tín hiệu thị trường phản ứng với các sản phẩm OCOP của địa phương mình như thế nào, để rồi từ đó chúng ta sẽ định vị giúp người nông dân tạo ra sản phẩm OCOP. Quảng bá, giới thiệu sản phẩm chính là tiếp cận thị trường, lắng nghe tiếng nói thị trường, sau đó phản hồi lại cho người sản xuất. Chẳng hạn thị hiếu, nhu cầu thị trường Thành phố Hà Nội sẽ khác thị trường Thành phố Hồ Chí Minh ở chỗ nào, mỗi thị trường một khác, thị trường này sản phẩm mình có nhưng tỉnh A, tỉnh B kia cũng có, người ta làm thế này, thế kia, mình muốn vượt qua người ta thì mình phải làm thế này. Đó chính là lắng nghe tín hiệu thị trường, từ đó bà con sẽ có sự điều chỉnh về mẫu mã, chất lượng sản phẩm phù hợp. Sản phẩm không hề đứng yên, vì thế đừng bao giờ để những người tạo ra sản phẩm OCOP tự bằng lòng với sản phẩm của mình.



“

Cái mà chúng ta hướng đến không phải là tạo ra một sản phẩm OCOP, mà là tạo ra một sự tự tin, tạo ra một sự thay đổi, một tư duy mới cho người nông dân, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp

Bộ trưởng Bộ NN-PTNT
Lê Minh Hoan

Phóng viên: *Xin trân trọng cảm ơn Bộ trưởng đã có những chia sẻ hết sức tâm huyết về những vấn đề liên quan đến phát triển nông nghiệp hàng hóa.*

Định hướng bổ sung, hoàn thiện quy định pháp luật quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn thịt ở nước ta hiện nay

NGUYỄN VĂN TỐN

Vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Kinh tế Trung ương

TÓM TẮT:

An toàn thực phẩm (ATTP) ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm của toàn xã hội, trong đó thực phẩm từ chăn nuôi (CN) lợn thịt được quan tâm đặc biệt. Bởi ở Việt Nam, thịt lợn hiện chiếm tới 70-72 % tổng sản lượng thịt gia súc, gia cầm; được sử dụng phổ biến; là món ăn yêu thích trong bữa ăn hàng ngày của người dân.

Khoa học đã chứng minh, trong CN lợn thịt các nguy cơ gây mất ATTP thực phẩm được gây ra bởi nhiều tác nhân và tác động ở nhiều khâu, từ cung ứng vật tư đầu vào, chăm sóc, nuôi dưỡng, vận chuyển tiêu thụ lợn và thịt lợn. Thực tế cho thấy, các hành vi vi phạm các quy định về ATTP, như tiêu thụ lợn bệnh, lợn chết, lợn có tồn dư thuốc kháng sinh, chất tăng trọng, lợn không rõ nguồn gốc, tiêm thuốc ngủ trong quá trình vận chuyển, tiêu thụ... bị phát hiện ngày càng tăng cả về số lượng và tần suất. Điều này đến từ nhiều nguyên nhân khác nhau cả chủ quan và khách quan, cần được các cơ quan chức năng nghiên cứu, tăng cường hơn nữa các biện pháp quản lý nhà nước (QLNN) về ATTP (ATTP) trong CN lợn.

Đảng và Nhà nước đã quan tâm tới quản lý ATTP các loại nông sản hàng hóa, trong đó có lợn nuôi thịt. Những nỗ lực QLNN về ATTP ở ngành CN lợn thịt đã đạt được nhiều tiến bộ. Việc ban hành hệ thống pháp luật gồm: Luật ATTP, Luật Thú y, Luật Chăn nuôi cùng các Luật khác và hệ thống văn bản quản lý về ATTP của Chính phủ, các bộ, ngành đã tạo khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách giúp tăng cường công tác QLNN về ATTP có nhiều tiến bộ trong thời gian qua ở Việt Nam.

Trước yêu cầu quản lý về ATTP trong bối cảnh mới và tình trạng một bộ phận người CN, vận chuyển lợn thịt chưa thực hiện tốt các biện pháp ATTP theo quy định của pháp luật, gây bức xúc trong nhân dân, ảnh hưởng tiêu cực tới CN (sản phẩm làm ra không tiêu thụ được do người tiêu dùng giảm mua). Việc phải phải bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm tăng cường QLNN về ATTP là yêu cầu cấp thiết của thực tiễn quản lý đang đặt ra với các cơ quan chức năng.

Bài viết phân tích, đánh giá thực trạng hệ thống pháp luật quản lý nhà nước QLNN về ATTP trong CN lợn thịt, dựa trên kết quả khảo sát, các báo cáo và số liệu thống kê. Nghiên cứu cho thấy, mặc dù đã đạt được kết quả đáng ghi nhận, nhưng một số nội dung ban hành quy định pháp luật QLNN về ATTP trong CN lợn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

Qua bài báo, tác giả muốn chuyển tới người đọc một số ý kiến về “Định hướng bổ sung, hoàn thiện quy định pháp luật quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn thịt ở nước ta hiện nay”. Với kỳ vọng đóng góp thêm các giải pháp nhằm tăng cường QLNN về ATTP trong CN lợn thịt; để nguồn cung thịt lợn được bảo đảm ATTP từ khâu CN lợn thịt ở cơ sở chăn nuôi; bảo vệ lợi ích của đông đảo người tiêu dùng; tạo sự lành mạnh, tin cậy về ATTP của thị trường thịt lợn ở Việt Nam những năm tới; hướng tới phát triển nền sản xuất nông nghiệp và hệ thống thực phẩm bền vững.

Từ khóa: An toàn thực phẩm; chăn nuôi lợn; quản lý nhà nước; Việt Nam.

SUMMARY:

Food safety is receiving an increase in attention from society, in which food from pork industry is of particular concern. This is because in Vietnam, pork currently accounts for up to 70-72% of the total livestock meat production; it is widely used and is a favorite dish in the daily meals of the people.

Science has proven that in the pork industry, food safety risks are caused by multiple factors and impacts throughout the supply chain, from input materials supply, care, nurturing, transportation, to consumption of pork and pork products. In reality, violations of food safety regulations such as consuming diseased or dead pigs, pigs with antibiotic residues or growth-promoting substances, pigs of unknown origin, or injecting tranquilizers during transportation or consumption are increasingly being detected in both quantity and frequency. This is due to various subjective and objective reasons, which need to be studied by relevant authorities and further strengthened by state management measures on animal disease prevention and control in pig industry.

The Party and the State have been concerned about managing food safety and hygiene for various agricultural products, including pork industry. The efforts of livestock industry's animal disease control and prevention in the pork sector have achieved significant progress. The issuance of the legal system including the Law on Food Safety, the Law on Veterinary Medicine, the Law on Consumer Protection and other related laws and the management documents on food safety of the Government and departments have created a legal framework, mechanism and policies to enhance the work of food safety and hygiene management in Vietnam, which has made significant progress in recent times.

Regarding the management of food safety and hygiene in the current context and the situation where a part of pig meat transportation workers have not properly implemented food safety and hygiene measures as prescribed by the law, causing public outrage and negative impacting on the industry (producing goods that cannot be sold due to reduced consumer demand). The need to supplement and improve the legal system in order to enhance the management of food safety and hygiene is an urgent requirement of the current management practice for functional agencies.

The article analyzing and evaluating the current state of the legal system of state management for food safety and hygiene in the pork industry, based on survey results, reports, and statistical data. Research has shown that although significant results have been achieved, some of the regulations governing the management of animal feed and animal health in pig industry have yet to meet practical requirements.

The author aims to convey to the readers some opinions on '**Supplementary orientation and improvement of legal regulations for state management of food safety in pork production in our country today**' through this article. With the expectation of contributing additional solutions to enhance food safety management in the pig meat industry, ensuring the supply of safe and traceable pork products from the production stage; protecting the interests of consumers at large; creating a healthy and reliable food safety system for the pork market in Vietnam in the coming years; looking toward to the development of sustainable agricultural production and food systems.

Keyword: *Food safety; Pork industry; State management; Vietnam.*

1. Cơ sở lý thuyết

Theo tài liệu “Chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về ATTP” của Ban tuyên giáo Trung ương Đảng (2012) cho rằng “ATTP là một khía cạnh của chất lượng thực phẩm” và viện dẫn Tiêu chuẩn TCVN 5814-1994 IS/DIS 8042 nói về khái niệm: “Chất lượng là tập hợp các đặc tính của sản phẩm, tạo cho sản phẩm khả năng thỏa mãn những nhu cầu cụ thể hoặc tiềm ẩn của người tiêu dùng. Nội hàm của khái niệm chất lượng thực phẩm bao gồm các yếu tố: Tính kinh tế (hàm lượng thành phần, ghi nhãn, nguồn gốc xuất xứ, hạn sử dụng...); Tính khả dụng (giá trị dinh dưỡng, màu sắc, mùi vị...) và Tính an toàn (các mối nguy cơ vật lý, hóa học, sinh học gây mất an toàn). Vì vậy, ATTP là thuộc tính an toàn của chất lượng sản phẩm.

Theo FAO (2015), QLNN về ATTP trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm CN được thực hiện thông qua ban hành hệ thống các văn bản pháp luật quy định về: định mức, tiêu chuẩn sản phẩm an toàn và các quy tắc vận hành bộ máy QLNN về ATTP trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm CN... Các định mức, tiêu chuẩn, quy tắc về QLNN đối với ATTP, như: vị trí, địa điểm chuồng trại, thiết bị CN, con giống, thức ăn, nước uống cho vật nuôi, quản lý chất thải, quản lý dịch bệnh, quản lý sử dụng thuốc thú y, giết mổ..., nên được soạn thảo theo các chuẩn mực, thông lệ quốc tế để dàng trong lưu thông, xuất - nhập khẩu. Tuy nhiên, từng quốc gia cũng nên địa phương hóa các định mức, tiêu chuẩn và quy tắc QLNN về ATTP quốc tế cho phù hợp với điều kiện cụ thể của mình để tránh gây khó khăn trong thực hiện do điều kiện thực tiễn ở các nước rất khác.

QLNN về ATTP nói chung và QLNN về ATTP trong CN lợn thịt nói riêng bao gồm 04 chức năng chính: (1) Xây dựng và ban hành Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về ATTP, quy chuẩn, tiêu chuẩn; (2) Tổ chức bộ máy QLNN về ATTP; (3) Hoạt động giám sát, thanh kiểm tra, phân tích ATTP; (4) Hoạt động thông tin, truyền thông và giáo dục, đào tạo về ATTP (FAO và WHO, 2003). Nguyên tắc chung của QLNN về ATTP là tiếp cận theo chuỗi cung ứng “từ trang

trại đến bàn ăn” và huy động tất cả các chủ thể trong chuỗi tham gia đảm bảo ATTP, như: người sản xuất, người chế biến, người vận chuyển, người bán lẻ, người tiêu dùng.

Robert L. Buchanan (2011) đã cho rằng: “Chính sách đảm bảo ATTP là trọng tâm của chính sách phát triển ngành CN do các chính phủ đưa ra và thực hiện trong nhiều thập kỷ vừa qua ở các quốc gia trên thế giới”.

Như vậy, ban hành quy định pháp luật QLNN về ATTP trong CN lợn thịt là chức năng của Nhà nước thực hiện quản lý ATTP đối với các hoạt động: cung ứng lợn giống, thức ăn; chăm sóc, nuôi dưỡng lợn từ nhỏ đến xuất chuồng (lợn sống); vận chuyển lợn thịt tiêu thụ để mổ, xẻ và tiêu thụ thịt, sản phẩm thịt. Để quản lý ATTP toàn bộ quá trình này, Nhà nước thực hiện các quyền: Ban hành quy định pháp luật, tiêu chuẩn, giới hạn có liên quan đến ATTP ở các khâu trong chuỗi CN lợn thịt; áp dụng các biện pháp giám sát, kiểm tra các cơ sở CN trong thực hiện các quy định pháp luật về ATTP ở từng khâu trong suốt quá trình sản xuất, CN, vận chuyển, tiêu thụ; xử lý các trường hợp không thực hiện đúng các quy định của pháp luật đã ban hành “từ trang trại đến bàn ăn”. Vì vậy, việc ban hành và tổ chức thực hiện các quy định QLNN về ATTP trong CN lợn thịt là những nội dung, hoạt động của QLNN về ATTP trong CN nói chung.

Từ những luận cứ nêu trên, bản chất QLNN về ATTP trong CN lợn thịt là hoạt động QLNN về CN lợn thịt.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu phối hợp các phương pháp thường quy trong nghiên cứu khoa học xã hội như tổng hợp, thống kê, điều tra, khảo sát, phỏng vấn nhà quản lý, chủ cơ sở CN của 4 địa phương ở Hà Nội, Thái Bình, Quảng Nam và Đồng Nai để đi sâu phân tích thực trạng QLNN về ATTP trong CN lợn thịt thời gian qua, về nội dung: Ban hành văn bản quy định pháp lý QLNN về ATTP trong CN lợn thịt. Những câu hỏi được phỏng vấn các tác nhân về những quy định QLNN về ATTP ở các khâu: (i) cung ứng vật tư đầu vào (giống, thức ăn); (ii) quy định yêu cầu về chuồng

trại, cơ sở hạ tầng, kỹ thuật chăn nuôi (iii) quy định về chăm sóc, nuôi dưỡng; (iv) quy định về vận chuyển tiêu thụ lợn thịt.

Phương pháp phân tích thống kê: nguồn số liệu, thông tin thứ cấp thu thập từ các cơ quan QLNN về ATTP liên quan: Cục Quản lý chất lượng NLTS, Cục Chế biến thương mại NLS và nghề muối, Cục Thú y, Cục CN, Thanh tra Bộ NN và PTNT, Tổng cục Thống kê, Vụ Thị trường trong nước (Bộ Công Thương), Cục ATTP (Bộ Y tế); Các Sở/Chi cục cấp tỉnh.

Phương pháp suy diễn, quy nạp: từ tài liệu của các cơ quan, bộ, ngành, công trình khoa học về quản lý ATTP trong CN lợn đã được công bố. Nghiên cứu rút ra những mô thức chung, vận dụng để suy diễn, hệ thống lại các nội dung từ thực tiễn và lý luận, làm cơ sở cho việc phân tích, suy đoán, diễn giải, xây dựng các khuyến nghị giải pháp phù hợp.

Phương pháp phỏng vấn, điều tra, khảo sát: đối tượng là cán bộ, nhân viên các cơ quan ở Trung ương, tỉnh, huyện, xã thực hiện QLNN về ATTP trong CN nói chung và CN lợn nói riêng; chủ cơ sở/trang trại CN lợn thịt thuộc các tỉnh Thái Bình, Quảng Nam, Đồng Nai và TP.Hà Nội; chọn ngẫu nhiên trên danh sách do Cục, Chi cục cung cấp. Việc khảo sát được kết hợp bằng phiếu hỏi cứng (trực tiếp, qua đường công văn) và phiếu hỏi trực tuyến; có 420 phiếu khảo sát được phát ra, thu về 305 phiếu. Thông tin khảo sát được giữ bí mật và gửi cho người tham gia nếu có yêu cầu.

3. Tình hình chăn nuôi lợn thịt và những nguy cơ không bảo đảm ATTP trong các khâu chăn nuôi lợn thịt

Theo Cục Chăn nuôi (2021), giai đoạn 2016-2021, đàn lợn của nước ta có sự biến động lớn và có mức tăng bình quân đạt 0,2%/năm; đàn

lợn đạt cao nhất vào năm 2016 là 29,1 triệu con; năm 2017 giảm thấp còn 27,4 triệu con; năm 2021 tăng lên 28 triệu con; đàn nái cả nước giảm bình quân 3,5%/năm, hiện ổn định khoảng 3,2 triệu nái; riêng đàn nái cụ kỵ, ông bà tăng 2,9%/năm. Bên cạnh việc sử dụng các giống lợn bản địa¹ các giống lợn ngoại có khả năng sinh sản, tỷ lệ nạc cao, sinh trưởng tốt được nhập để nhân giống, lai giống hoặc nuôi thịt hiệu quả kinh tế cao². Theo Tổng cục Thống kê (năm 2021), cả nước có 20.843 cơ sở CN lợn từ 10 con trở lên, với 11,7 triệu con, chiếm 41,6% so tổng đàn; CN lợn thịt đang có sự chuyển dịch tích cực từ quy mô nhỏ, lẻ, hộ gia đình sang xu hướng tăng mạnh CN chuyên nghiệp và trang trại quy mô lớn³.

Trong CN lợn thịt, những nguy cơ không bảo đảm ATTP gần đây được các cơ quan phát hiện rất đáng lo ngại. Điển hình, trong nước tiêu lợn ở cơ sở giết mổ có chất Salbutamol, là một loại thuốc bị cấm sử dụng trong CN, vì rất nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng người sử dụng thịt. Chất này được trộn trong thức ăn, nước uống trong quá trình nuôi dưỡng. Những chất tạo nạc khác như Clenbuterol, Ractopamin, Cysteamin...mặc dù đã xếp trong danh mục cấm cùng với Salbutamol, nhưng vẫn được bán trá hình dưới dạng men vi sinh, thuốc tẩy giun, sản cho lợn (Báo Lao động, 2015). Chất Salbutamol được phát hiện dương tính trong mẫu thịt lợn lấy tại Hưng Yên (4/42 mẫu)⁴, Hà Nội (7/1.063 mẫu). Trường hợp khác, Thanh tra Bộ NN và PTNT (2018) đã phát hiện lợn thịt bị tiêm thuốc ngủ từ nơi xuất chuồng đến nơi giết mổ tại TP. Hồ Chí Minh. Các nguy cơ do lạm dụng thuốc thú y, kháng sinh, chất tăng trọng trong CN lợn thịt tại nhiều địa phương vẫn diễn ra. Kháng sinh sử dụng tại các trang trại CN lợn thịt được ghi nhận có 17 loại. Trong đó, có 6 loại sử dụng phổ biến là Norfloxacin (60%), Tylosine (60%), Gentamycine (55%), Colistine

¹ Í, Móng Cái, Mường Khương, Lang Hồng, Mán, Sóc, Phú Khánh...

² Yorkshire, Landrace, Duroc, Pietrain, Edell, Dalland, Cornwall, Berkshire...

³ 5 năm qua, CN lợn nông hộ giảm từ 5-7%/năm; năm 2019-2021 giảm 15-20%; sản xuất trong nông hộ nhỏ lẻ chiếm 35-40%; lợn sản xuất trong hộ chuyên nghiệp và trang trại chiếm 50-60%.

⁴ <https://nhachannuoi.vn/van-con-tinh-trang-su-dung-chat-tao-nac-salbutamo-trong-chan-nuoi>.

(45%), Enrofloxacin (40%), Streptomycin (35%). Hơn nữa, trong sử dụng thuốc thú y, việc lựa chọn, phối hợp kháng sinh, liều lượng, thời gian ngừng thuốc, chủ yếu dựa vào khuyến cáo của các công ty sản xuất thuốc, kinh nghiệm của người CN (Dương Thị Toan và Nguyễn Văn Lư, 2015). Ngay cả khi vật nuôi không bị mắc bệnh, người dân vẫn sử dụng kháng sinh để phòng bệnh, kích thích tăng trưởng. Đây là một thực tế rất đáng lo ngại đối với ngành CN Việt Nam (Cục CN, 2021). Nghiên cứu của Viện Sức khỏe và Phát triển bền vững, Đại học Y tế công cộng (2017) về kiến thức, thái độ và hành vi sử dụng kháng sinh, kiểm soát kháng sinh trong CN tại một số địa phương cho thấy, người CN rất thiếu thông tin, kiến thức sử dụng thuốc, kháng sinh. Khoảng 50% số hộ cho biết, sử dụng kháng sinh từ lời khuyên của cán bộ, bác sĩ thú y, người bán thuốc thú y; số còn lại (khoảng 50%) sử dụng thuốc, kháng sinh dựa trên kinh nghiệm, thói quen, không cần kê đơn của bác sĩ thú y⁵. Bên cạnh nguy cơ mất ATTP từ dư lượng thuốc thú y, hóa chất, các nguy cơ từ vi sinh trong CN cũng được đánh giá là cao. CN nông hộ với quy cách chuồng trại, nguồn nước, hệ thống xử lý chất thải chưa đạt tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt là nguồn gốc cho sự phát tán ký sinh trùng, vi khuẩn, vi rút gây bệnh. Rất nhiều trong số này là vi khuẩn kháng kháng sinh. Tình trạng người nhiễm bệnh từ lợn thịt vẫn thường gặp, đặc biệt là liên cầu khuẩn và các mầm bệnh về ký sinh trùng, truyền nhiễm (cúm lợn), các bệnh về tiêu hóa, đường máu và các bệnh khác.

4. Kết quả nghiên cứu, khảo sát thực trạng ban hành quy định pháp luật quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn thịt

4.1. Quy định trách nhiệm quản lý ATTP của các cơ quan nhà nước trong chăn nuôi lợn thịt

QLNN về ATTP trong CN, trong đó có CNLT được phân công cho các cơ quan thuộc Bộ NN và PTNT, như sau:

Cục Chăn nuôi QLNN về giống vật nuôi, nguyên liệu, hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật dùng trong TACN, chế phẩm xử lý, cải tạo môi trường CN, các điều kiện và quy trình CN⁶.

Cục Thú y quản lý dịch bệnh, thuốc thú y, hóa chất khử trùng trong CN; quản lý công đoạn giết mổ và chế biến thịt⁷; kiểm dịch động vật và kiểm tra chất lượng TACN, thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu trước thông quan đối với lô hàng vừa phải kiểm dịch động vật vừa phải kiểm tra nhà nước về chất lượng⁸.

Cục Quản lý chất lượng NLS và TS quản lý chất lượng, ATTP từ công đoạn sau giết mổ, chế biến, tiêu thụ nội địa & xuất khẩu.

4.2. Quy định quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với vật tư đầu vào

a) Quy định quản lý về giống lợn

Trong CN, con giống không những chiếm đến 20-25% giá thành sản xuất mà còn liên quan đến kiểm soát nguồn bệnh, dịch và chất lượng sản phẩm. Quản lý giống có ý nghĩa rất quan trọng trong CN, giúp nâng cao hiệu quả kinh tế của trang trại, chất lượng thịt, thị hiếu và mức độ ATTP. Các nội dung về quản lý giống vật nuôi được Luật Chăn nuôi và văn bản QPPL hướng dẫn Luật CN quy định:

- Nguồn gen giống vật nuôi được quy định tại Mục 1- Chương III - Luật Chăn nuôi; Chương II, Nghị định 13/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chăn nuôi.

- Sản xuất, mua bán giống vật nuôi và sản phẩm giống vật nuôi: Mục 2 – Chương III – Luật

⁵ <http://nhachannuoi.vn/chan-nuoi-van-ngap-khang-sinh/>

⁶ Theo quy định tại Luật CN 2018, Nghị định 13/2020/NĐ-CP Hướng dẫn chi tiết Luật CN; Quyết định 1398/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/4/2017.

⁷ Luật Thú y số 79/2015/QH13, ngày 19 tháng 06 năm 2015.

⁸ Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017.

Chăn nuôi; Yêu cầu đối với giống vật nuôi và sản phẩm giống vật nuôi lưu thông trên thị trường (Điều 18 – Luật CN) quy định: (1) Đã công bố tiêu chuẩn áp dụng; (2) Có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng; (3) Đáp ứng yêu cầu kiểm dịch.

- Yêu cầu đối với cơ sở sản xuất, mua bán con giống vật nuôi (Điều 22: Luật Chăn nuôi) quy định: (1) Có các điều kiện về cơ sở vật chất; (2) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và công bố tiêu chuẩn áp dụng; (3) Có nhân sự đủ trình độ chuyên môn, kỹ thuật; (4) Có hồ sơ giống với

các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật.

- Khảo nghiệm giống, kiểm định dòng, giống vật nuôi được quy định tại Mục 3: Chương II của Luật CN.

Kết quả khảo sát (tại Bảng 1) đánh giá về nội dung Ban hành văn bản pháp luật QLNN về ATTP ở khâu giống về 6 tiêu chí: Tiêu chí 1: Tính đầy đủ; Tiêu chí 2: Tính thống nhất; Tiêu chí 3: Tính phù hợp với chuẩn mực và cam kết quốc tế; Tiêu chí 4: Tính phù hợp với thực tiễn; Tiêu chí 5: Tính dễ hiểu; Tiêu chí 6: Tính kịp thời.

Bảng 1: Kết quả khảo sát đánh giá nội dung ban hành quy định quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với giống lợn thịt

Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5	6
Giá trị trung bình	4,2	3,7	4,6	4,8	4,3	4,1
Nhỏ nhất	1	1	1	2	1	2
Lớn nhất	5	4	5	5	5	5

Theo các chuyên gia, nhà quản lý và chủ cơ sở chăn nuôi thì: Tiêu chí 4 “Tính phù hợp với thực tiễn” có điểm trung bình cao nhất đạt 4,8, kế đến là Tiêu chí 3 “Tính phù hợp với chuẩn mực và cam kết quốc tế” được đánh giá với mức điểm trung bình là 4,6. Nghĩa là, những sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới luật pháp QLNN về ATTP ở nước ta trong giai đoạn vừa qua có nhiều đổi mới, tiệm cận với thông lệ quốc tế; đã cụ thể hoá nội dung hiệp định, công ước quốc tế Việt Nam đã tham gia, nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập ngày càng sâu, rộng của ngành chăn nuôi. Kết quả này, hàm ý rằng, các cơ quan QLNN về ATTP và cơ quan nghiên cứu về cơ chế, chính sách có phối hợp với các DN, cơ sở chăn nuôi để tìm hiểu các quy định ATTP sản phẩm CN của các quốc gia có tham gia các Hiệp định TMTD (FTAs), nhanh chóng vận dụng, đáp ứng được yêu cầu của các nước xuất khẩu và cạnh tranh với sản phẩm CN các nước tại thị trường trong nước.

Các Tiêu chí 1, Tiêu chí 5 và Tiêu chí 6 được đánh giá tương đồng nhau, ở mức điểm

Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát của NCS

khá, từ 4,1 - 4,3, cho thấy các văn bản hiện hành quy định về quản lý giống lợn dễ hiểu, đơn giản, rõ ràng. Tiêu chí 2 có mức điểm thấp nhất 3,7 điểm, là đánh giá khá phù hợp với thực tiễn hiện nay, bởi thời gian qua các văn bản ở lĩnh vực CN, đầu tư, đất đai... thường chông chéo và chưa thống nhất và vẫn còn tình trạng các văn bản quy phạm pháp luật chậm triển khai trong thực tiễn, ảnh hưởng rất lớn đến người CN lợn.

Đặc biệt, khi phỏng vấn nội dung những quy định về tiêu chuẩn giống trong CN, đa số chủ hộ CN không rõ. Vì đây là những văn bản quy định chuyên môn sâu, cán bộ quản lý nhà nước trong ngành cũng phải có kiến thức, chuyên môn mới am hiểu, cho nên không ngạc nhiên khi người CN còn lúng túng đối với những quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn về lợn giống. Điều này, hàm ý rằng cần chú trọng hơn không chỉ tới việc ban hành mà còn phải có những giải pháp tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn phù hợp với từng đối tượng. Ngoài ra, các cơ quan, bộ, ngành chú trọng hơn hoạt động cụ thể hoá quy chuẩn và quy

định của quốc tế và khu vực.

b) Quy định quản lý thức ăn chăn nuôi

TACN là vật tư đầu vào quan trọng trong CN, liên quan tới giá thành sản xuất, năng suất CN và ATTP. Chi phí TACN chiếm từ 65-72% trong giá thành sản xuất lợn thịt. ATTP trong CN liên quan đến việc kiểm soát chất lượng sản phẩm TACN lưu thông trên thị trường và tại cơ sở sản xuất TACN, đặc biệt là việc bảo quản nguyên liệu. Kiểm soát các chất cấm, kháng sinh, kim loại nặng, vi sinh vật gây bệnh là yêu cầu bắt buộc để bảo đảm ATTP cho TACN an toàn, từ đó đảm bảo về ATTP cho lợn nuôi và thực phẩm từ CN lợn.

- Điều 32 Luật Chăn nuôi quy định yêu cầu đối với TACN khi lưu thông: (1) Công bố tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật công bố áp dụng; (2) Có chất lượng phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; (3) Sản xuất tại cơ sở có giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất TACN do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp; (4) Công bố thông tin sản phẩm TACN trên cổng TTĐT của Bộ; (5) Nhãn hoặc tài liệu kèm theo. Chỉ được sản xuất, nhập khẩu sản phẩm có chứa thành phần được phép sử dụng và không chứa chất cấm sử dụng⁹. Sản phẩm TACN trước khi lưu thông phải được cơ sở sản xuất, nhập khẩu đăng ký vào danh mục trên cổng thông tin điện tử Bộ NN và PTNN. Doanh nghiệp sản xuất TACN trong nước nhập thông tin trực tuyến, được cấp mã số sản phẩm đăng ký và các thông tin liên quan đến sản phẩm, giúp tra cứu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Quản lý sản phẩm nhập khẩu: Kiểm soát bắt buộc nguồn nguyên liệu đầu vào được nhập khẩu cho sản xuất TACN. Việc kiểm soát

nguyên liệu TACN được áp dụng bởi Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 01-190:2020/BNNPTNT về chỉ tiêu an toàn trong TACN. Trong đó: (i) Nguyên liệu TACN phải được xác nhận chất lượng sản phẩm khi về cảng. Chỉ được nhập khẩu nguyên liệu thức ăn được sản xuất từ hoá chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật và nguyên liệu được phép sử dụng; không chứa chất cấm sử dụng (Thông tư 21/2019/TT-BNNPTNT). (ii) Đối với TACN thành phẩm nhập khẩu, doanh nghiệp phải đăng ký lưu hành trên hệ thống của Cục Chăn nuôi, sản phẩm sau khi nhập về cảng, các phòng chứng nhận chất lượng TACN được Bộ NN và PTNT chỉ định lấy mẫu phân tích trước khi được phép lưu hành. Các cơ quan chịu trách nhiệm: (1) Cục Thú y: Kiểm dịch và kiểm tra chất lượng TACN thuộc đối tượng phải kiểm dịch động vật. (2) Cục Bảo vệ thực vật: Kiểm dịch và kiểm tra chất lượng TACN thuộc đối tượng phải kiểm dịch thực vật. (3) Cục Chăn nuôi: Thực hiện kiểm tra chất lượng TACN không phải kiểm dịch.

- Quản lý điều kiện sản xuất TACN: Điều 38, Luật CN quy định về bố trí địa điểm, cơ sở vật chất và trang thiết bị, quy trình kiểm soát nguyên liệu đầu vào, quy trình sản xuất và quản lý rủi ro, nhân lực trong nhà máy, quy trình kiểm soát chất lượng đầu ra sản phẩm. Thực hiện cơ chế tiền kiểm đối với cơ sở sản xuất¹⁰ và Hậu kiểm đối với cơ sở mua bán, nhập khẩu¹¹. Việc cấp/cấp lại/thu hồi GCN cơ sở đủ điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở sản xuất TACN bổ sung do Bộ NN và PTNT thực hiện. UBND tỉnh: cấp/cấp lại/thu hồi GCN các nhà máy sản xuất TACN hỗn hợp hoàn chỉnh (trừ trường hợp đã phân cấp cho Bộ NN và PTNT). Trong đó, cơ sở phải đảm bảo các yêu cầu về: (i) Điều kiện cơ sở sản xuất,

⁹ Danh mục hoá chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, nguyên liệu sản xuất thức ăn được phép sử dụng được quy định tại Thông tư số 21/2019/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2019.

¹⁰ Phải có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất trước khi sản xuất.

¹¹ Phải đáp ứng điều kiện, không phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện, thực hiện kiểm tra trong quá trình hoạt động.

kinh doanh vật tư đầu vào¹². (ii) Điều kiện cơ sở mua bán, nhập khẩu vật tư đầu vào¹³.

- Kiểm soát chất lượng và ATTP đối với TACN, quy định tại Điều 41-46 Luật Chăn nuôi, quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, khảo nghiệm, sử dụng TACN tại Điều 48-51 Luật Chăn nuôi.

- Các quy định chi tiết của Luật Chăn nuôi về TACN được quy định tại Điều 9 đến Điều 20 của Nghị định 13/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chăn nuôi.

Kết quả khảo sát về nội dung ban hành các văn bản quản lý TACN cho lợn (*ban hành các văn bản quy định điều kiện sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thức ăn cho lợn và các biện pháp*

đảm bảo chất lượng thức ăn cho lợn thịt), được đánh giá trên 6 tiêu chí thể hiện ở Bảng 2 gồm: Tiêu chí 1: Tính đầy đủ; Tiêu chí 2: Tính thống nhất; Tiêu chí 3: Tính phù hợp với chuẩn mực và cam kết quốc tế; Tiêu chí 4: Tính Phù hợp với thực tiễn; Tiêu chí 5: Tính dễ hiểu; Tiêu chí 6: Tính kịp thời.

Trong đó, Tiêu chí 3 được đánh giá ở mức điểm khá cao đạt 4,5 điểm. Điều này cho thấy các văn bản được điều chỉnh phù hợp với chuẩn mực quốc tế, cụ thể tại Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13-7-2022 thay thế Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020, đã bổ sung mới khoản 6, Điều 18, Nghị định số 13 quy định về 9 trường hợp được miễn kiểm tra Nhà nước về chất lượng TACN khi nhập khẩu.

Bảng 2: Kết quả khảo sát đánh giá nội dung ban hành quy định quản lý nhà nước đối với thức ăn chăn nuôi lợn thịt

Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5	6
Giá trị trung bình	4,2	4,1	4,5	4,4	3,8	3,9
Nhỏ nhất	1	1	1	1	1	2
Lớn nhất	5	4	5	5	5	5

Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát của NCS

Đồng thời, Nghị định số 46/2022/NĐ-CP đã bổ sung mới Điều 18a ở Nghị định 13/2020/NĐ-CP quy định về kiểm tra Nhà nước về chất lượng TACN nhập khẩu sau thông quan. Những văn bản ban hành đã tiệm cận với chuẩn mực và cam kết quốc tế và cũng đáp ứng tiêu chí về Tính phù hợp với thực tiễn và được đánh giá ở mức khá (4,4 điểm). Điều này cũng hàm ý rằng điều kiện sản xuất thức ăn sử dụng cho CN lợn phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn và khẩu phần ăn của các loại lợn. Hai Tiêu

chí: “Tính đầy đủ” và Tiêu chí về “Tính thống nhất” có mức điểm cao, 4,2 và 4,1. Ngoài ra, các chuyên gia, nhà quản lý và người chăn nuôi cũng đánh giá Tiêu chí “Tính dễ hiểu” và Tiêu chí “Tính kịp thời” chỉ ở mức trung bình khá (3,8 và 3,9 điểm). Điều này hàm ý rằng các văn bản chưa thật sự dễ hiểu và kịp thời, còn ảnh hưởng đến người CN.

c) Quy định về khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi

Thức ăn và các thành phần TACN đóng vai trò là phương tiện vận chuyển và lây truyền mầm

¹² Địa điểm sản xuất nằm trong khu vực không bị ô nhiễm bởi chất thải nguy hại, hóa chất độc hại; Khu sản xuất có tường rào ngăn cách với bên ngoài; Nhà xưởng, trang thiết bị phù hợp với từng loại sản phẩm; Có điều kiện phân tích chất lượng trong quá trình sản xuất; Áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học; Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo chuyên ngành CN, thú y, sinh học, hóa học hoặc công nghệ thực phẩm...

¹³ Nơi bày bán, bảo quản cách biệt với thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hóa chất độc hại; Có thiết bị, dụng cụ để bảo quản thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường theo hướng dẫn của nhà sản xuất, nhà cung cấp...

bệnh, dịch. Nên công tác khảo kiểm nghiệm đánh giá chất lượng TACN trong đó có các chỉ tiêu đánh giá về ATTP có ý nghĩa quan trọng, là công cụ hữu hiệu, là căn cứ khoa học giúp cơ quan chức năng đưa ra các biện pháp quản lý TACN phù hợp, nhằm phòng ngừa những nguy cơ gây mất ATTP từ TACN. Những nguy cơ, rủi ro nếu không được phát hiện sẽ gây bệnh, dịch cho lợn sử dụng thức ăn. Ngoài ra, việc khảo nghiệm, kiểm nghiệm TACN sẽ phát hiện những chất độc hại, chất cấm hoá chất, kháng sinh có trong thức ăn tích lũy trong lợn, tồn dư trong sản phẩm

lợn thịt, là nguyên nhân gây ngộ độc cấp tính, trường diễn hoặc các bệnh, dịch hiểm nghèo cho người sử dụng thịt lợn.

Qua kết quả khảo sát từ chuyên gia, nhà quản lý và các chủ chăn nuôi có đánh giá cao Tiêu chí 3 “Tính phù hợp với chuẩn mực và cam kết quốc tế” và Tiêu chí 4 “Tính phù hợp với thực tiễn” ở mức điểm 4,5 và 4,4 điểm. Tiêu chí 5 “Tính dễ hiểu” và Tiêu chí 6 “Tính kịp thời” được đánh giá thấp nhất (3,8 và 3,9 điểm). Điều này hàm ý rằng ban hành các quy định kiểm, khảo nghiệm TACN chưa được kịp thời.

Bảng 3: Kết quả khảo sát đánh giá nội dung ban hành quy định kiểm nghiệm, khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi lợn thịt

Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5	6
Giá trị trung bình	4,2	4,1	4,5	4,4	3,8	3,9
Nhỏ nhất	1	1	1	1	1	2
Lớn nhất	5	4	5	5	5	5

Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát của NCS

4.3. Quy định quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng chống bệnh, dịch trong chăn nuôi lợn thịt

a) Quy định về chăm sóc và phòng chống dịch bệnh

Về đối xử nhân đạo với vật nuôi trong CN được quy định tại Điều 69 Luật Chăn nuôi, các yêu cầu: (1) Có chuồng trại, không gian chăn nuôi phù hợp với vật nuôi; (2) Cung cấp đủ thức ăn, nước uống bảo đảm vệ sinh; (3) Phòng bệnh và trị bệnh theo quy định của pháp luật về thú y; (4) Không đánh đập, hành hạ vật nuôi. Tại

Điều 21 Luật Thú y quy định về đối xử với động vật: Quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, vận chuyển phù hợp với từng loài động vật; Giảm thiểu đau đớn, sợ hãi, đối xử nhân đạo với động vật trong chăn nuôi, vận chuyển, phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học...Về phòng chống bệnh, dịch cho động vật, Luật Thú y quy định từ Điều 25 đến Điều 31. Quy định khá cụ thể, rõ ràng, có sự phân công trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, nghĩa vụ của cơ sở chăn nuôi đối với việc phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi, trong đó có chăn nuôi lợn.

Bảng 4: Kết quả khảo sát đánh giá nội dung ban hành quy định về chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng chống dịch bệnh trong chăn nuôi lợn thịt

Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5	6
Giá trị trung bình	4,1	4,3	4,6	4,3	4,0	3,9
Nhỏ nhất	1	1	1	1	1	2
Lớn nhất	5	4	5	5	5	5

Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát của NCS

Trong CN nói chung và CN lợn nói riêng, việc bảo đảm an toàn dịch bệnh cho đàn lợn là vấn đề rất quan trọng và được cả người CN và cơ quan chuyên ngành quan tâm hàng đầu. Đây là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe vật nuôi, ATTP và hiệu quả đầu tư. Thời gian qua, ngành CN đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: Bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên đàn lợn giết chết hàng triệu lợn, gây tổn thất kinh tế vô cùng lớn đối với người chăn nuôi; Dịch COVID-19 ảnh hưởng tới sản xuất và tiêu thụ sản phẩm CN; dịch bệnh trên gia súc, gia cầm khác còn diễn biến phức tạp; giá thức ăn, thuốc thú y tăng cao... Chính Phủ chỉ đạo việc tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các văn bản chỉ đạo, thông tư hướng dẫn trong phòng, chống dịch bệnh như Dịch tả lợn châu Phi. Trong đó, Tiêu chí “Tính phù hợp với chuẩn mực và cam kết quốc tế” được đánh giá với mức điểm khá cao (4,6 điểm). Đánh giá này phù hợp với thực tế vừa qua. Việt Nam luôn chủ động, phối hợp với các tổ chức quốc tế và các nước trong công tác phòng, chống dịch bệnh Dịch tả lợn châu Phi. Đồng thời, quyết liệt ngăn chặn, xử lý nghiêm các đối tượng vận chuyển trái phép lợn, sản phẩm của lợn từ nước ngoài vào Việt Nam. Kế đến, Tiêu chí “Tính thống nhất” và Tiêu chí “Tính phù hợp với thực tiễn” được đánh giá như nhau với mức điểm 4,3. Thực tế, nhiều văn bản chiến lược về ATTP đã được các bộ, ngành ban hành và được địa phương

triển khai đồng bộ trong chăn nuôi lợn đạt hiệu quả. Riêng Tiêu chí “Tính kịp thời” luôn được đánh giá là khó đáp ứng yêu cầu (3,9 điểm).

b) Quy định về quản lý chất cấm, hoá chất độc hại và thuốc thú y sử dụng trong chăn nuôi lợn

Chất cấm trong CN là toàn bộ các hóa chất, thuốc và kháng sinh, chất hóa học...dùng trong CN mà có tác động gián tiếp, gây nguy hiểm cho sức khỏe con người, được luật pháp nghiêm cấm dùng trong quá trình sản xuất, chăn nuôi, buôn bán và tiêu thụ lợn. Trong các loại vi phạm, chất cấm được sử dụng nhiều nhất hiện nay vẫn là các chất hormone kích thích sinh trưởng, tăng trọng và “chất tạo nạc”. Những chất cấm này, được khoa học chứng minh là độc chất, có có tác động xấu với sức khỏe con người, được xếp vào danh sách các chất cấm sử dụng trong CN trên toàn thế giới. Danh mục chất cấm trong chăn nuôi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Phụ lục số V, Thông tư Số: 21/2019/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2019.

Kết quả khảo sát đánh giá về nội dung ban hành Danh mục các chất cấm trong CN lợn thịt, được thể hiện tại Bảng 3 về các tiêu chí: Tiêu chí 1: Tính đầy đủ; Tiêu chí 2: Tính thống nhất; Tiêu chí 3: Tính phù hợp với chuẩn mực và cam kết quốc tế; Tiêu chí 4: Tính Phù hợp với thực tiễn; Tiêu chí 5: Tính dễ hiểu; Tiêu chí 6: Tính kịp thời.

Bảng 5: Kết quả khảo sát đánh giá nội dung ban hành quy định quản lý nhà nước về chất cấm sử dụng trong chăn nuôi lợn thịt

Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5	6
Giá trị trung bình	4,3	4,2	4,7	4,1	4	4,4
Nhỏ nhất	1	1	1	1	1	2
Lớn nhất	5	4	5	5	5	5

Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát của NCS

Theo kết quả khảo sát, Tiêu chí 3: “Tính phù hợp chuẩn mực và cam kết quốc tế” được đánh giá cao nhất với 4,7 điểm. Điều này cho thấy, Việt Nam đã hội nhập sâu rộng với quốc tế và đã tham gia nhiều Công ước, Hiệp định thương

mại quốc tế như Tổ chức Thương mại Thế giới WTO, Công ước đa dạng sinh học (CBD); các Hiệp định Thương mại Tự do thế hệ mới (FTAs), Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN (AFTA), Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình

Dương (CPTPP)...) Mặt khác, pháp luật về chăn nuôi Việt Nam được đánh giá đáp ứng hội nhập mạnh mẽ, phù hợp với thông lệ quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngành CN. Tiêu chí về “Tính dễ hiểu” được đánh giá thấp nhất với điểm bình quan (4 điểm), bởi các chất cấm vẫn là những từ ngữ và cách tác động còn khó hiểu cho cả người quản lý cũng như các hộ, các doanh nghiệp CN lợn. Tiêu chí về “Tính đầy đủ”; Tiêu chí về “Tính thống nhất” và Tiêu chí về “Tính phù hợp với thực tiễn” được đánh giá khá tốt với mức điểm trung bình lần lượt là 4,3; 4,2 và 4,1.

4.4. Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, chuồng trại chăn nuôi lợn trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

a) Quy định quản lý điều kiện cơ sở chăn nuôi

Các cơ sở CN phải đảm bảo các điều kiện liên quan đến vị trí trang trại, quy trình CN, đặc biệt là chất lượng nguồn nước và kiểm soát ô nhiễm kim loại nặng trong nguồn nước. Về điều kiện cơ sở CN, được quy định tại Chương IV, Luật CN và Nghị định 13-NĐ/CP. Quy định về điều kiện cơ sở CN trang trại, nông hộ (kê khai CN, vị trí trang trại, nguồn nước, bảo vệ môi trường, trang thiết bị, ghi chép, khoảng cách an toàn, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện CN với trang trại quy mô lớn) (Điều 54 -58: Luật CN; Điều 23-24 của Nghị định 13).

- Về quy mô CN, đơn vị vật nuôi và mật độ CN: theo quy mô từ trang trại, quy mô lớn trên 300 đơn vị vật nuôi (tương đương trên 1500 lợn thịt hoặc trên 700 lợn nái), trang trại quy mô vừa 30-300 đơn vị vật nuôi (tương đương trên 150

đến dưới 1500 lợn thịt hoặc 70 đến dưới 700 lợn nái), trang trại quy mô nhỏ: 10 đến dưới 30 đơn vị vật nuôi (tương đương 50 đến dưới 150 lợn thịt, hoặc 25 đến dưới 70 lợn nái), quy mô nông hộ: dưới 10 đơn vị vật nuôi (tương đương dưới 50 lợn thịt hoặc dưới 25 lợn nái) (Điều 52-53: Luật CN; Điều 21-22 của Nghị định 13).

- Quy định điều kiện về CN trang trại, nông hộ (kê khai CN, vị trí trang trại, nguồn nước, bảo vệ môi trường, trang thiết bị, ghi chép, khoảng cách an toàn, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện CN với trang trại quy mô lớn) (Điều 54 -58: Luật CN; Điều 23-24 của Nghị định 13).

Kết quả khảo sát về nội dung Ban văn bản quy định về điều kiện cơ sở CN lợn, được thể hiện tại Bảng 4. Các tiêu chí gồm: Tiêu chí 1: Tính đầy đủ; Tiêu chí 2: Tính thống nhất; Tiêu chí 3: Tính phù hợp với chuẩn mực và cam kết quốc tế; Tiêu chí 4: Tính Phù hợp với thực tiễn; Tiêu chí 5: Tính dễ hiểu; Tiêu chí 6: Tính kịp thời.

Trong CN lợn, chất lượng quy cách điều kiện cơ sở, thiết bị chăn nuôi thể hiện mức độ ứng dụng công nghệ hiện đại trong chăn nuôi. Vì phòng chống dịch bệnh cho lợn cần áp dụng đồng bộ các biện pháp nhằm ngăn ngừa sự tiếp xúc của vật nuôi với các mầm bệnh, do đó điều kiện, chất lượng hạ tầng chăn nuôi đóng vai trò quyết định, nhất là trong thị trường chăn nuôi có sự cạnh tranh gay gắt, dịch bệnh phức tạp hiện nay. Theo ý kiến đánh giá của các chuyên gia, nhà quản lý và chủ hộ thì Tiêu chí “ Tính phù hợp với chuẩn mực và cam kết quốc tế” và Tiêu chí “Tính phù hợp với thực tiễn” được đánh giá cao nhất ở mức 4,3 điểm.

Bảng 6: Kết quả khảo sát đánh giá nội dung ban hành quy định về điều kiện cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, chuồng trại chăn nuôi lợn thịt

Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5	6
Giá trị trung bình	4,1	4,2	4,3	4,3	4,2	4
Nhỏ nhất	1	1	1	1	1	2
Lớn nhất	5	4	5	5	5	5

Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát của NCS

Điều này hàm ý rằng các điều kiện về CN như vị trí xây dựng trang trại/chuồng trại phải phù hợp với các quy định đảm bảo về các chỉ tiêu, chỉ số khoa học ở mức độ thông thường của quốc tế và vị trí, sản lượng phù hợp với các quy hoạch của địa phương, hoặc được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép. Khoảng cách từ trang trại đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính. Tiêu chí “Tính đầy đủ”, Tiêu chí “Tính thống nhất” và Tiêu chí “Tính dễ hiểu” được đánh giá tương đối đồng nhất. Riêng Tiêu chí “Về tính kịp thời” được đánh giá thấp nhất (4 điểm); là mức điểm phù hợp với thực tế các văn bản hướng dẫn thường được triển khai chậm.

b) Quy định xử lý, quản lý chất thải, môi trường chăn nuôi lợn thịt

- Quy định về xử lý và quản lý chất thải CN trang trại, nông hộ (Điều 59-63: Luật CN;

Điều 30 Nghị định 13); Quy chuẩn Việt Nam 62 - MT:2016/BTNMT về nước thải CN được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BTNMT (QCVN: 62). Nội dung quy chuẩn này quy định giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm nước thải trong CN khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải¹⁴; trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trong hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chuẩn này. Bên cạnh những khó khăn về tình hình dịch bệnh thường xuyên hết sức phức tạp, nhất là bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, thì tình trạng CN lợn để chất thải chưa được xử lý ra môi trường còn khá phổ biến, nhất là đối với các hộ CN lợn nhỏ lẻ ở nông thôn. Thực tế ở một số nơi, xác lợn chết do dịch bệnh không được chôn lấp đúng cách, thậm chí vứt xuống dòng nước, bãi phế thải. Đây là mối nguy làm lây lan dịch bệnh ra diện rộng, đồng thời làm cho môi trường ngày càng bị ô nhiễm nặng, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của con người.

Bảng 7: Kết quả khảo sát, đánh giá nội dung ban hành quy định xử lý chất thải trong chăn nuôi lợn thịt

Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5	6
Giá trị trung bình	4,1	4,3	4,2	4,3	4,0	4,0
Nhỏ nhất	1	1	1	1	1	2
Lớn nhất	5	4	5	5	5	5

Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát của NCS

Điều quan trọng và được đánh giá mức cao nhất là 2 Tiêu chí "Tính thống nhất" và Tiêu chí "Tính phù hợp với thực tiễn" đều đạt 4,3 điểm. Kế đến là tiêu chí "Tính phù hợp với với chuẩn mực và cam kết quốc tế" đạt 4,2 điểm. Tiêu chí "Tính kịp thời" được đánh giá ở mức thấp nhất (4,0 điểm). Có hàm ý rằng các văn bản quy định về điều kiện về xử lý chất thải cần được ban hành kịp thời để người CN thực hiện đúng theo các quy định về xử lý chất thải.

c) Quy định về cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo ATTP

Luật ATTP; Luật Chăn nuôi 2018; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 22/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP; Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ NN và PTNT quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện ATTP thuộc phạm vi quản lý của Bộ. Cơ

¹⁴ Các chỉ tiêu pH, COD, BOD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng Coliform.

quan quản lý: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công, phân cấp cơ quan quản lý trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4.5. Quy định về vận chuyển tiêu thụ lợn thịt trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm chăn nuôi lợn thịt

Về đối xử nhân đạo trong vận chuyển và ở nơi tiêu thụ lợn thịt được áp dụng pháp luật chung (tại Điều 70, Luật Chăn nuôi), đã quy định: 1. Sử dụng phương tiện, trang thiết bị vận chuyển vật nuôi phù hợp, bảo đảm không gian thông thoáng, hạn chế chấn thương, sợ hãi cho vật nuôi; 2. Cung cấp đủ thức ăn, nước uống cho vật nuôi; 3. Không đánh đập, hành hạ vật nuôi. Tại nơi tiêu thụ (nơi giết mổ) được quy định: 1. Có nơi lưu giữ vật nuôi bảo đảm vệ sinh; cung cấp nước uống phù hợp với vật nuôi trong thời gian chờ giết mổ; 2. Hạn chế gây sợ hãi, đau đớn cho vật nuôi; không đánh đập, hành hạ vật nuôi; 3. Có biện pháp gây ngất vật nuôi trước khi giết mổ; không để vật nuôi chứng kiến đồng loại bị giết mổ. Quy định về yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn liên quan đến vận chuyển tiêu thụ lợn thịt, tại Luật Thú y (quy định từ Điều 37 đến Điều 52) và các văn bản hướng dẫn. Trong đó, quy định cụ thể về trình tự thủ tục; yêu cầu về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong và ngoài các cơ quan QLNN về ATTP đối với lợn được vận chuyển; quy định tiêu chuẩn, điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện vận chuyển lợn thịt; về kiểm dịch động vật, phương tiện sử dụng trong quá trình vận chuyển ở đầu đi và nơi đến; yêu cầu về điều kiện, tiêu chuẩn cơ sở tập kết, nuôi nhốt, đối xử, chăm sóc lợn thịt tại nơi tập kết, trước khi giết mổ.

5. Một số yếu tố ảnh hưởng đến việc thực thi quy định pháp luật quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn thịt

- Ở nước ta còn duy trì hình thức chăn nuôi lợn tại hộ gia đình, thương lái buôn bán lợn, giết mổ lợn nhỏ lẻ còn chiếm tỷ lệ cao; phần lớn việc vận chuyển tiêu thụ lợn thịt là tại các cơ sở giết mổ, được các tổ chức, cá nhân không đăng ký kinh doanh, không tham gia kinh doanh giết mổ, gây nhiều khó khăn cho QLNN về ATTP trong chăn nuôi lợn thịt.

- Nhận thức, thói quen của người tiêu dùng còn dễ dãi, dễ chấp nhận sản phẩm không đảm bảo vệ sinh thú y và ATTP với giá thành thấp hơn; sản phẩm chăn nuôi lợn thịt từ các chuỗi liên kết số lượng còn hạn chế, thiếu bền vững; Thị trường thực phẩm sạch, đảm bảo ATTP phát triển còn khó khăn, là điểm yếu trong thực thi quy định QLNN về ATTP theo chuỗi từ “tràng trại đến bàn ăn”.

- Sự vào cuộc của cơ quan, địa phương, cơ sở ở một số nơi chưa quyết liệt, thiếu chỉ đạo, kiểm tra, xử lý vi phạm trong quản lý cơ sở chăn nuôi, buôn bán, tiêu thụ lợn thịt không đảm bảo vệ sinh thú y, mất an toàn thực phẩm.

- Đầu tư cho QLNN về ATTP chưa tương xứng. Hệ thống cơ quan thú y tại các địa phương có nhiều xáo trộn, tinh giảm biên chế, thiếu nhân lực kiểm tra vệ sinh thú y, quản lý ATTP lợn thịt. Xuất hiện tình trạng không có cán bộ thú y thực hiện kiểm dịch vận chuyển và kiểm tra vệ sinh thú y ở cơ sở giết mổ; một số nơi xếp loại cơ sở giết mổ loại vừa xuống cơ sở nhỏ lẻ để giao cho UBND xã quản lý.

- Quy hoạch khu chăn nuôi lợn thịt tập trung theo Luật Chăn nuôi thực hiện còn rất hạn chế. Việc ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích chủ hộ chăn nuôi phát triển cơ sở hạ tầng, chuồng trại, đổi mới công nghệ, xử lý môi trường, mua con giống, TACN, phát triển chuỗi liên kết, thực hiện truy xuất nguồn gốc...nhằm đáp ứng quy định QLNN về ATTP trong chăn nuôi lợn còn hạn chế.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục, triển khai, hỗ trợ pháp luật cho lực lượng quản về chất lượng, ATTP nói chung, mặt hàng thịt lợn nói riêng ở một số địa phương, nhất là ở cấp cơ sở còn chậm, thiếu quyết liệt, kinh phí cấp chưa kịp thời.

- Quy định về kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật nội tỉnh được bãi bỏ gần đây, dẫn đến việc kiểm soát, truy xuất nguồn gốc động vật, sản phẩm động vật gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là ở nơi giáp ranh giữa các địa phương, chủ hàng buôn bán dễ hợp thức hóa nguồn gốc lợn thịt.

- Công tác tuyên truyền về mối nguy, hành vi và chế tài vi phạm, thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm định, kiểm nghiệm và xử lý vi phạm về ATTP trong sản xuất, tiêu thụ lợn thịt, sản phẩm chăn nuôi lợn gắn với trách nhiệm các chủ hộ, người tham gia, người tiêu dùng có nơi, có lúc chưa đáp ứng yêu cầu.

6. Định hướng bổ sung, hoàn thiện quy định pháp luật quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong chăn nuôi lợn thịt ở nước ta hiện nay

- Bổ sung, hoàn thiện quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn QLNN về ATTP trong chuỗi CN lợn thịt theo hướng đổi mới phương thức quản lý phù hợp với thông lệ quốc tế, dựa vào căn cứ khoa học và phân tích mối nguy về ATTP, chủ động giám sát ATTP ở từng công đoạn của các chuỗi giá trị sản phẩm CN; đẩy mạnh áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong quản lý và kiểm soát chất lượng, ATTP các sản phẩm CN trong nước phù hợp đáp ứng yêu cầu quy định quốc tế.

- Nghiên cứu, ban hành hệ thống pháp luật QLNN về ATTP đối với chăn nuôi lợn, phù hợp với đặc thù là ngành sản xuất chính, cung cấp thực phẩm cơ bản cho con người, ngành sử dụng, cung ứng nguyên liệu với nhiều ngành trong nền kinh tế.

- Nghiên cứu, triển khai các đề án nhằm củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý ATTP từ Trung ương tới địa phương đáp ứng yêu cầu tình hình mới. Từng bước xóa bỏ tình trạng phân tán, chồng chéo, mâu thuẫn về tổ chức bộ máy thực thi QLNN về ATTP trong chăn nuôi và sản phẩm CN đang cùng nhiều Bộ, ngành thực hiện; rà soát, hoàn thiện sự phân công, phân cấp, phối hợp giữa các cơ quan cùng cấp, giữa Trung ương và địa phương nhằm tăng cường năng lực tổ chức bộ máy quản lý ATTP theo chuỗi sản phẩm ngành CN và phù hợp với mô hình nước ta còn đa dạng về hình thức chăn nuôi. Củng cố hệ thống thú y tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả phù hợp với nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng chiến lược và tổ chức đào tạo cán bộ tham gia quản lý ATTP, đặc biệt là cán bộ địa phương về nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền

phổ biến pháp luật, giám sát, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, xử phạt vi phạm qui định ATTP đặc biệt là tăng cường trình độ nghiệp vụ cán bộ thú y cấp xã phường để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát nhiệm được dịch bệnh ngay tại thôn xã quản lý.

- Bổ sung quy định trách nhiệm, nghĩa vụ đối với tất cả các tổ chức, cá nhân có tham gia vào chuỗi CNLT trong việc đảm bảo ATTP, Chính phủ đóng vai trò là chủ thể định hướng, điều chỉnh và giám sát việc thực thi theo hướng: tăng cường sự phối hợp, kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm ATTP trong CN; tăng kiểm tra, thanh tra đột xuất việc sử dụng chất cấm tại cơ sở CN, cơ sở lưu thông thuốc thú y, hóa chất, kháng sinh sử dụng trong CN. Tăng mức xử phạt hành chính, truy tố hình sự đối với các hành vi vi phạm quy định về ATTP nhằm trừng trị, hạn chế, răn đe, giáo dục các đối tượng có hành vi vi phạm.

- Ban hành quy định, cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động kiểm nghiệm, tư vấn, chứng nhận chất lượng, ATTP trong chuỗi CN lợn thịt và áp dụng công nghệ thông tin, công nghệ xử lý các sự cố gây mất ATTP trong sản xuất, chăm sóc, nuôi dưỡng và tiêu thụ lợn thịt.

- Bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách thực hiện quy định của Luật Chăn nuôi về quy hoạch CN với định hướng chăn nuôi quy mô lớn, đầu tư hạ tầng hiện đại, ứng dụng công nghệ; có lộ trình từng bước chuyển đổi mô hình CN nông hộ sang CN trang trại.

- Bổ sung, hoàn thiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư phát triển hạ tầng CN theo hướng đảm bảo ATTP; hỗ trợ, đầu tư, ưu đãi cho phát triển CN, bảo hiểm rủi ro trong CN, phát triển chuỗi CN lợn thịt an toàn và liên kết sản xuất với tiêu thụ, phòng, trách các nguy cơ mất an toàn lây nhiễm vào vật nuôi.

- Nghiên cứu bổ sung chiến lược tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, đào tạo và thương mại về CN, thú y với các nước, vùng lãnh thổ có tiềm năng về khoa học công nghệ và thị trường với Việt Nam; đẩy mạnh thoả thuận công nhận sự phù hợp chất lượng giống, TACN, thuốc thú y, sản phẩm xử lý chất thải CN

nhằm đưa nhanh giống mới, vật tư CN, thú y có chất lượng tốt phục vụ sản xuất.

- Ban hành các chương trình, đề án nhằm tăng cường năng lực chủ động phòng chống các nguồn phát sinh bệnh, nguy cơ gây bệnh và truyền bệnh trong CN đặc biệt là các bệnh mới, bệnh nguy hiểm; dự báo chính xác, minh bạch về tình hình ATTP kết hợp nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và tính tự giác của các bên liên quan trong thực thi các biện pháp đảm bảo ATTP ở các khâu cung ứng đầu vào, sản xuất, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm CN; bổ sung các chương trình giám sát, giảm thiểu rủi ro phát sinh nguồn gây bệnh và mất ATTP do sử dụng các loại chất độc hại trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm CN.

Từ đó tạo nên tính hiệu lực, hiệu quả cao của QLNN về ATTP trong sản xuất, chăn nuôi, tiêu thụ lợn thịt trong những năm tới.

6. Kết luận

Nghiên cứu đã chỉ ra vai trò, cơ sở lý thuyết được các nghiên cứu chỉ ra trong nghiên cứu về quy định pháp luật trong QLNN về ATTP trong CN; nhận diện các nguy cơ mất ATTP ở các hoạt động cung ứng vật tư, chăm sóc, nuôi dưỡng, cơ sở hạ tầng, vận chuyển tiêu thụ lợn thịt. Nghiên cứu cho thấy, hệ thống văn bản quy định QLNN về ATTP trong chăn nuôi lợn thịt của Việt Nam được áp dụng chung đối với ngành chăn nuôi và nông nghiệp. Hệ thống văn bản khá đầy đủ

từ luật đến nghị định, thông tư hướng dẫn, quy chuẩn, tiêu chuẩn về: giống, TACN, hạ tầng, kỹ thuật chăn nuôi, chăm sóc, nuôi dưỡng, vận chuyển tiêu thụ lợn. Các quy định về phân công QLNN về ATTP đối với các cơ quan tham gia bài bản. Nghiên cứu cũng cho thấy, công tác ban hành các văn bản quy định QLNN về ATTP trong CN khá kịp thời, đầy đủ, phù hợp với thông lệ và cam kết quốc tế, phù hợp với thực tiễn và dễ hiểu. Tuy vậy vẫn còn những quy định chậm được ban hành, hoặc khó hiểu, khó thực hiện, chông chéo; hệ thống tiêu chuẩn phục vụ QLNN về ATTP trong CN lợn thịt cần được bổ sung để áp ứng các yêu cầu mới của công tác QLNN về ATTP theo các yêu cầu của các FTAs; quy định về điều kiện về xử lý chất thải cần được bổ sung. Nghiên cứu cũng chỉ ra một số yếu tố ảnh hưởng đến việc thực thi các quy định QLNN về ATTP trong chăn nuôi lợn thịt. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng việc ban hành quy định QLNN về ATTP và những yếu tố ảnh hưởng đến thực thi các quy định, nghiên cứu đã đề xuất một số định hướng bổ sung, hoàn thiện những quy định pháp luật QLNN về ATTP trong chăn nuôi nói chung, chăn nuôi lợn thịt nói riêng. Trong đó có đề xuất việc nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống quy định QLNN về ATTP trong chăn nuôi lợn vì những lý do đặc thù.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng (2012), “Chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về an toàn thực phẩm”, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, tr45.
2. Cục Chăn nuôi (2018), “Báo cáo công tác thanh tra chuyên ngành của Cục Chăn nuôi”, Hà Nội.
3. Cục Chăn nuôi (2019), “Báo cáo đánh giá 10 năm thực hiện chiến lược phát triển CN đến năm 2020”, Hà Nội.
4. Cục Chăn nuôi (2020), “Báo cáo công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng năm 2019”, Hà Nội.
5. Cục Chăn nuôi (2021), “Báo cáo Giải pháp phát triển CN lợn bền vững và tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh TACN”, Hà Nội.
6. Cục Chăn nuôi, Cục Thú y (2021), Báo cáo quản lý chất lượng, ATTP chuỗi cung ứng thịt lợn Việt Nam, Hà Nội.
7. Cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và

- thủy sản (2012), "Quản lý chất lượng, ATTP trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn thực trạng và giải pháp, Chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về ATTP", Nhà xuất bản dân trí, Hà Nội, tr. 64-93.
8. Cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản (2018), "Báo cáo số: 2695/QLCL-KH về công tác bảo đảm ATTP năm 2018, nhiệm vụ trọng tâm 2019", Hà Nội.
 9. Cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản (2019), "Báo cáo Số: 2356/QLCL-KH ngày 19 tháng 12 năm 2019 về Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP nông lâm thủy sản năm 2019, kế hoạch công tác năm 2020", Hà Nội.
 10. Cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản (2020), "Báo cáo công tác thanh tra chuyên ngành năm 2019"; Hà Nội.
 11. Chính phủ (2017), Báo cáo tình hình thực thi chính sách, pháp luật về quản lý ATTP giai đoạn 2011-2016, Hà Nội, tr. 95.
 12. Cục Thú y (2020), "Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra giám sát ATTP năm 2016-2019", Hà Nội.
 13. Cục Thú y (2020), "Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra giám sát ATTP năm 2016-2019", Hà Nội.
 14. Fahriona A.S và các cộng sự. (2013), "Yếu tố nguy cơ thực phẩm trong chuỗi giá trị thịt lợn tại Hà Nội: Cơ sở cho đánh giá nguy cơ", Tạp chí Y học dự phòng. XXIII, (140), tr. 18-25.
 15. FAO, WHO (2003). "Elements of a national food control system", retrieved from <https://www.fao.org/3/y8705e/y8705e04.htm#bm04>
 16. FAO (2015). Codex alimentarius commission, Procedural Manual, Twenty-fourth edition, retrieved from <https://www.fao.org/3/i5079e/i5079e.pdf>.
 17. Lê Thị Hoa (2020), "Báo cáo chuyên đề Đánh giá thực trạng và tổ chức hoạt động của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về CN hiện nay – những vấn đề đặt ra và giải pháp trong bối cảnh mới", Hà Nội.
 18. Ngọc Nga (2021) <https://baophapluat.vn/hon-530-nguoi-ngo-doc-3-nguoi-tu-vong-do-thuc-pham-thieu-an-toan-post389960.html> truy cập ngày 20 tháng 4 năm 2023
 19. Singh, A., & Verma, P. (2017). "Factors influencing Indian consumers' actual buying behaviour towards organic food products". *Journal of cleaner production*, 167, 473-483.
 20. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam - Khóa XIV (2018), "Báo cáo giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về ATTP giai đoạn 2011- 2016", Hà Nội.
 21. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Khóa XIV (2018), "Luật số 32/2018/QH14 Luật CN", Hà Nội.
 22. Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa 12 (2010), Luật ATTP 2010, Hà Nội.
 23. Dương Thị Toàn & Nguyễn Văn Lưu (2015), "Tình hình sử dụng kháng sinh trong CN lợn thịt, gà thịt ở một số trại CN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang". *Tạp chí khoa học và phát triển, học viên Nông nghiệp Việt Nam* 13(5): 717-722.
 24. Khánh Vy (2021) <https://thanhnien.vn/moi-nam-the-gioi-co-420000-nguoi-tu-vong-do-an-thuc-pham-bi-nhiem-khuan-1851057945.htm> truy cập ngày 20 tháng 4 năm 2023
 25. Viện Chính sách và Chiến lược phát triển NN&PTNT (2015), Báo cáo "Ngành hàng thịt Việt Nam năm 2014 và triển vọng 2015" Hà Nội.
 26. Nguyễn Thị Xuân (2018), "Nâng cao hiệu lực quản lý ATTP trên cơ sở pháp luật", *Tạp chí Tòa án Nhân dân điện tử*, truy cập ngày 22/6-2018, tại trang web <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/nang-cao-hieu-luc-quan-ly-an-toan-thuc-pham-tren-co-so-phap-luat>.

THÁCH THỨC CỦA TRUYỀN THÔNG TRONG XU THẾ CHUYỂN ĐỔI SỐ

ThS. NGUYỄN VĂN THỦY

Học viện Hành chính Quốc gia, Bộ Nội vụ

TÓM TẮT:

Trong lĩnh vực truyền thông, hoạt động chuyển đổi số đang diễn tiến mạnh mẽ và tác động trực tiếp, đa dạng mang theo nhiều thách thức. Bên cạnh những điều kiện thuận lợi giúp cho ngành truyền thông phát triển trong xu thế chuyển đổi số thì các vấn đề bảo đảm an ninh thông tin, thị trường, nhân lực, nhận thức, hệ lụy đến từ hoạt động “truyền thông bản”... đang là thách thức đối với cơ quan quản lý, ảnh hưởng đến đời sống xã hội mà trực tiếp là hành vi, thói quen và ứng xử của công chúng tiếp cận. Để đảm bảo điều kiện và thúc đẩy sự phát triển ngành truyền thông trong quá trình chuyển đổi số thì cần tập trung làm rõ những hạn chế và cấp bách tìm ra giải pháp. Trong bài viết này, tác giả đưa ra những thách thức của truyền thông hiện nay khi đứng trước xu thế chuyển đổi số mạnh mẽ bên cạnh đó cũng chỉ ra thực trạng và giải pháp bước đầu, tiên quyết góp phần nâng cao năng lực, chuẩn hóa của truyền thông trong xu thế chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay.

Từ khóa: Truyền thông, chuyển đổi số

ABSTRACT:

In the field of communication, digital transformation activities are progressing strongly and direct and diverse impacts bring many challenges. In addition to favorable conditions to help the media industry develop in the trend of digital transformation, issues of ensuring information security, market, human resources, awareness, consequences come from "busy communication" activities... is a C challenge for the regulator, affecting social life but directly the behavior, familiarity, and behavior of the approaching public. To ensure conditions and promote the development of the communication industry in the digital transformation process, it is necessary to focus on clarifying limitations and urgently finding solutions. In this article, the author outlines the challenges of communication today when facing the strong digital transformation trend, besides also pointing out the current situation and initial solutions, prerequisites to contribute to improving the capacity and standardization of communication in the current strong digital transformation trend.

Keywords: Communication, digital transformation

1. Đặt vấn đề

Truyền thông hiện nay đang đối mặt với nhiều thách thức và vấn đề phức tạp. Một trong những vấn đề quan trọng là sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và truyền thông, dẫn đến sự thay đổi nhanh chóng của các phương tiện truyền thông, thói quen tiêu dùng thông tin và các quy trình sản xuất, phân phối và tiếp cận

thông tin. Trong đó các vấn đề tiên quyết dẫn đến những thách thức đối với truyền thông trong thời đại số hóa như hiện nay.

Một vấn đề khác là sự phổ biến của tin tức giả, thông tin sai lệch và việc sử dụng thông tin sai mục đích. Các tổ chức và cá nhân không đáp ứng được với sự nhanh chóng và phức tạp của các phương tiện truyền thông, vì vậy họ có thể

trở thành mục tiêu của các chiến dịch thông tin sai lệch, hoặc bị lôi kéo vào các tranh cãi và thảm họa thông tin.

Ngoài ra, vấn đề của quyền riêng tư và bảo mật thông tin cũng là một vấn đề quan trọng. Sự lan truyền nhanh chóng của thông tin và việc thu thập và sử dụng thông tin cá nhân của người dùng trên internet và các phương tiện truyền thông khác đã gây ra nhiều tranh cãi và quan ngại về quyền riêng tư và bảo mật thông tin.

Cuối cùng, một vấn đề quan trọng khác là trách nhiệm của các tổ chức truyền thông và người dùng khi sử dụng thông tin. Mặc dù truyền thông có thể tạo ra nhiều lợi ích, nhưng cũng có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng nếu được sử dụng không đúng cách hoặc không có trách nhiệm. Do đó, việc xác định và giải quyết các vấn đề này sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển truyền thông bền vững và có ý nghĩa cho tương lai.

Vấn đề truyền thông trong bối cảnh chuyển đổi số đã đứng trước những thách thức khiến các nhà hoạch định chính sách, các tổ chức, doanh nghiệp... hoạt động trong lĩnh vực truyền thông đã gặp những khó khăn và đặc biệt đối tượng chịu tác động trực tiếp lại là công chúng, khách hàng khi phải tiếp cận những giá trị truyền thông chưa thỏa mãn, tiếp cận sai lệch hoặc đi ngược lại giá trị mà truyền thông mang lại.

2. Cơ sở lý luận về truyền thông trong xu thế chuyển đổi số

Truyền thông là quá trình truyền tải thông tin từ một người hoặc tổ chức đến người hoặc tổ chức khác thông qua các phương tiện truyền thông, như báo chí, truyền hình, đài phát thanh, mạng internet, quảng cáo và các kênh khác. Mục đích của truyền thông là để giao tiếp, truyền tải thông tin, kiến thức, ý kiến, giá trị và tạo ra sự tương tác giữa các bên. Truyền thông cũng là một công cụ quan trọng để xây dựng và quản lý hình ảnh, thương hiệu, uy tín và danh tiếng của các tổ chức và cá nhân. Ngoài ra, truyền thông cũng có vai trò quan trọng trong việc tạo ra thông tin và cung cấp thông tin cho các quyết định kinh doanh, chính trị, xã hội và văn hóa.

Truyền thông trong xu thế chuyển đổi số đang trở thành một lĩnh vực nghiên cứu quan trọng. Cơ sở lý luận của truyền thông trong xu thế chuyển đổi số được xây dựng dựa trên các khái niệm sau:

Các phương tiện truyền thông kỹ thuật số: Đây là các công nghệ và thiết bị được sử dụng để tạo, lưu trữ, truyền tải và sử dụng thông tin kỹ thuật số, bao gồm internet, di động, máy tính và các thiết bị thông minh khác. Các phương tiện truyền thông kỹ thuật số đã tạo ra sự thay đổi đáng kể trong cách mà các tổ chức và cá nhân tương tác, sản xuất và tiếp cận thông tin.

Nền tảng kỹ thuật số: Đây là các công nghệ, hệ thống và cơ sở hạ tầng được sử dụng để hỗ trợ truyền thông kỹ thuật số. Các nền tảng này cung cấp các dịch vụ và công nghệ để lưu trữ, quản lý, phân phối và tiếp cận thông tin kỹ thuật số.

Nội dung kỹ thuật số: Đây là thông tin, tài liệu và nội dung được tạo ra hoặc phân phối thông qua các phương tiện truyền thông kỹ thuật số. Nội dung kỹ thuật số có thể là hình ảnh, video, âm thanh, văn bản hoặc các loại thông tin khác.

Tiếp thị số: Đây là quá trình sử dụng các kênh truyền thông kỹ thuật số để quảng bá sản phẩm hoặc dịch vụ cho khách hàng tiềm năng. Tiếp thị số bao gồm nhiều kỹ thuật và công cụ, bao gồm quảng cáo trực tuyến, tạo nội dung và tiếp cận khách hàng thông qua mạng xã hội.

Truyền thông xã hội: Đây là cách mà mọi người tương tác và chia sẻ thông tin với nhau thông qua các nền tảng truyền thông xã hội như Facebook, Twitter và Instagram. Truyền thông xã hội đang trở thành một kênh quan trọng để tạo ra sự tương tác giữa các bên và chia sẻ thông tin.

Kinh doanh kỹ thuật số: Đây là cách mà các tổ chức sử dụng các phương tiện truyền thông kỹ thuật số và nền tảng để tạo ra giá trị kinh doanh...

3. Thách thức của truyền thông trong xu thế chuyển đổi số

3.1. Thực trạng truyền thông tại Việt Nam

Thực trạng truyền thông tại Việt Nam đang có nhiều đặc điểm nhất định trong đó phải kể đến

là sự đa dạng phương tiện truyền thông: Truyền thông tại Việt Nam có sự đa dạng về các phương tiện như báo chí, truyền hình, phát thanh, internet, mạng xã hội và các kênh truyền thông khác; Sự phát triển của truyền thông kỹ thuật số: Truyền thông kỹ thuật số đang phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam, với tỉ lệ người dân sử dụng internet và di động đang ngày càng tăng cao; Quảng cáo: Quảng cáo trên truyền thông tại Việt Nam đang trở nên phổ biến hơn. Tuy nhiên, một số vấn đề như quảng cáo gian lận và quảng cáo tăng đột biến đã được ghi nhận; Vấn đề bản quyền: Vấn đề về bản quyền tác giả cũng đang gặp phải nhiều thách thức tại Việt Nam. Bản quyền của các tác phẩm được phổ biến trên mạng xã hội và các trang web khác đang gặp nhiều vấn đề; Nhu cầu tăng cao về thông tin chất lượng: Nhu cầu của người dân Việt Nam về thông tin chất lượng đang tăng cao. Tuy nhiên, việc tìm kiếm và xác định thông tin chính xác trên mạng xã hội đang gặp nhiều khó khăn. Truyền thông tại Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế và thách thức cần được giải quyết để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin chất lượng của người dân.

Bên cạnh đó, truyền thông hiện nay tồn tại nhiều mặt tích cực nhưng cũng có những mặt tồn tại đáng lo ngại, đó là tình trạng lan truyền thông tin sai lệch: Việc lan truyền thông tin sai lệch hoặc tin tức giả mạo trên mạng xã hội đã gây ra nhiều vấn đề như tác động xấu đến quan hệ xã hội, tạo ra sự hoang mang và lo ngại trong cộng đồng. Nội dung truyền thông không chính thống: Nhiều kênh truyền thông đang chú trọng vào việc tạo ra nội dung có tính chất giải trí và bán hàng, thay vì truyền tải thông tin chính xác và đáng tin cậy. Nạn đọc chừa và hiện tượng tin tức bão hòa: Hiện nay, với sự phát triển của các kênh thông tin và mạng xã hội, nhiều người đã có xu hướng đọc chừa, chỉ quan tâm đến tiêu đề hoặc phần nổi bật, đánh giá và chia sẻ thông tin mà không kiểm chứng. Điều này đã tạo ra hiện tượng tin tức bão hòa, khiến người dân khó xác định được thông tin đúng và sai. Hiện tượng tràn lan thông tin quảng cáo: Sự phát triển của truyền thông cũng đã đưa đến việc tràn lan thông tin

quảng cáo, gây cảm giác khó chịu cho người sử dụng. Nhiều thông tin quảng cáo còn có tính chất lừa đảo, gian lận. Hiện tượng vi phạm bản quyền: Truyền thông cũng đang gặp phải những vấn đề về vi phạm bản quyền, khi nhiều tác phẩm được sao chép hoặc phát tán trái phép trên mạng xã hội và các trang web khác.

3.2. Thách thức và cơ hội

Trước bối cảnh thực trạng hiện nay của truyền thông, hoạt động chuyển đổi số hiện nay ở Việt Nam bên cạnh những thách thức là cơ hội, có nhiều thuận lợi, trước hết là quyết tâm chính trị và chủ trương thúc đẩy quá trình chuyển đổi số ở cấp chiến lược sẽ góp phần tạo hành lang pháp lý và thúc đẩy truyền thông phát triển đúng định hướng, mang lại lợi ích cho cộng đồng xã hội.

Tháng 9/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư. Ngày 3/6/2020, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” hướng đến mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực cạnh tranh toàn cầu. Đặc biệt, Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Phải đổi mới tư duy phát triển, thay đổi cách làm việc, cách sống, đẩy mạnh cải cách thể chế, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện quyết liệt chuyển đổi số, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số”. Bộ Thông tin và Truyền thông cũng đã xây dựng kế hoạch chuyển đổi số toàn ngành giai đoạn 2021 - 2025 gồm 5 danh mục dự án: Hạ tầng số, nền tảng số, phát triển dữ liệu, ứng dụng - dịch vụ và an toàn thông tin. Việc triển khai kế hoạch này sẽ hỗ trợ quá trình chuyển đổi số truyền thông - lĩnh vực quan trọng trong hoạt động thông tin và truyền thông nói chung. Ở Việt Nam, hạ tầng công nghệ thông tin viễn thông khá tốt, phủ sóng rộng, mật độ người dùng cao (hơn 70% người dân sử dụng Internet, thiết bị thông minh); dân số Việt Nam trẻ, sáng tạo, thích ứng nhanh, được đào tạo tương đối tốt, lao động chăm chỉ, có truyền thống hiếu học... Đó là những lợi thế cho quá trình chuyển

đổi số nói chung, trong lĩnh vực truyền thông nói riêng. Ngoài ra, do điều kiện lịch sử trong phát triển, quá trình hiện đại hóa, số hóa muộn hơn so với các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới, nền kinh tế Việt Nam chưa bị trói buộc vào các công nghệ cũ và có tiềm năng để ứng dụng các công nghệ mới. Đây chính là lợi thế của nước đi sau trong tiến trình hiện đại hóa.

Ngoài ra, Việt Nam phát triển ngành truyền thông theo xu thế chuyển đổi số thì chúng ta cũng bắt gặp không ít những thử thách, khó khăn nhất định. Truyền thông đang phải đối mặt với nhiều thách thức trong xu hướng chuyển đổi số hiện nay. Dưới đây là một số thách thức quan trọng mà truyền thông cần đối mặt và giải quyết đó là: **Đối thủ cạnh tranh:** Các kênh truyền thông truyền thống đã bị đối thủ cạnh tranh từ các kênh truyền thông kỹ thuật số như trang web, blog, mạng xã hội, v.v. Các kênh này cung cấp cho người dùng một phương tiện để truyền tải thông tin và tương tác với khách hàng một cách nhanh chóng và dễ dàng hơn. **Thay đổi cách thức tiếp cận người tiêu dùng:** Sự phát triển của truyền thông kỹ thuật số đã thay đổi cách thức tiếp cận và tiếp thị đối với người tiêu dùng. Người tiêu dùng hiện nay thường tìm kiếm thông tin trên mạng trước khi quyết định mua sản phẩm hoặc dịch vụ. Điều này có nghĩa là truyền thông cần phải sử dụng các kênh truyền thông kỹ thuật số để tiếp cận người tiêu dùng. **Lượng thông tin khổng lồ:** Với sự phát triển của các kênh truyền thông kỹ thuật số, lượng thông tin được phát tán mỗi ngày đang tăng lên đáng kể. Điều này có thể làm cho việc truyền tải thông điệp của các nhà quảng cáo và truyền thông trở nên khó khăn hơn. **Thiếu sự kiểm soát và sự chính xác:** Trong một số trường hợp, các kênh truyền thông kỹ thuật số có thể bị lợi dụng để truyền tải thông tin sai lệch hoặc không chính xác. Điều này có thể gây ra những thiệt hại lớn cho các tổ chức và doanh nghiệp. **Chi phí:** Sự phát triển của truyền thông kỹ thuật số có thể tạo ra một chi phí lớn đối với các tổ chức và doanh nghiệp. Các kênh truyền thông kỹ thuật số có thể đòi hỏi chi phí đầu tư ban đầu cao để phát triển và vận hành. **Sự phân mảnh của thị trường:** Với sự phát triển của các kênh truyền thông kỹ thuật

số, thị trường truyền thông đang dần phân mảnh

3.2.1. “Truyền thông bản” và vấn đề an ninh mạng

Có thể nói đây là một khái niệm không còn quá xa lạ trong quá trình phát triển ngành truyền thông nhưng khi các nền tảng mạng xã hội phong phú, công nghệ số, chuyển đổi số ngày càng phát triển mạnh mẽ đã tạo điều kiện cho “truyền thông bản” “lộng hành”. Người dùng chỉ cần dừng lại ở mỗi sản phẩm truyền thông từ 3 đến 5 giây, ngay lập tức sự quan tâm ấy sẽ được thuật toán sẽ tập hợp và tạo ra các nội dung khác đáp ứng nhu cầu, thói quen của người dùng.

Điều đó đáng lo ngại, gây ảnh hưởng đến đời sống xã hội và nhu cầu thông tin của người dân. Việc giải quyết những vấn đề này đòi hỏi sự phối hợp của các bên liên quan... Đặc biệt là sự ra đời của "Truyền thông bản" (hay còn gọi là tin giả, thông tin sai lệch, tin đồn) trên không gian mạng xã hội có thể gây ra nhiều hậu quả tiêu cực. Chẳng hạn gây nhầm lẫn và hoang mang cho người dân: Thông tin sai lệch, tin đồn có thể khiến người dân nhầm lẫn, lo lắng và hoang mang, đặc biệt là trong những trường hợp liên quan đến sức khỏe, an ninh quốc gia, hoặc các sự kiện lớn. Ảnh hưởng đến quyết định chính trị: "Truyền thông bản" có thể ảnh hưởng đến quyết định chính trị của người dân và dẫn đến sự phân cực, kích động trong cộng đồng. Gây thiệt hại cho doanh nghiệp và cá nhân: Tin giả và thông tin sai lệch có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng cho doanh nghiệp và cá nhân, như mất uy tín, mất khách hàng, mất việc làm, hoặc bị kiện tụng. Gây ảnh hưởng đến sức khỏe: "Truyền thông bản" có thể dẫn đến những hành động không đúng về sức khỏe, như sử dụng thuốc không đúng cách hoặc từ chối chủng ngừa. Đe dọa an ninh quốc gia: Các tổ chức khủng bố hoặc các nước thù địch có thể sử dụng "truyền thông bản" để tạo ra sự lo sợ, chia rẽ và kích động trong xã hội, gây đe dọa đến an ninh quốc gia. Vì vậy, việc kiểm soát "truyền thông bản" trên không gian mạng xã hội là rất quan trọng để bảo vệ đến sức khỏe, uy tín, an ninh và lợi ích của người dân, doanh nghiệp và quốc gia.

Phủ khắp các nền tảng truyền thông đó là việc đưa thông tin chưa hề được kiểm chứng, chứng thực hay điều tra rõ ràng của các cơ quan chức năng, mà cụ thể là của Cơ quan CSĐT chưa công bố đúng - sai, thì các loại thông tin như: nghệ sĩ ăn tiền từ thiện, người đẹp có con với đại gia, doanh nhân X. sắp bị bắt..., thậm chí chỉ là những đoạn video chữ bới, nhục mạ, diễn mẫu phim đồi trụy, loạn luân lại xuất hiện nhan nhản, câu chuyện đặt ra người xem, người tiếp cận có cả trẻ em. Nguy hiểm hơn đó chính là một số doanh nghiệp xấu đã lợi dụng sự phủ sóng rộng khắp này để làm truyền thông “bản” đến người xem, dẫn dắt họ tin và sử dụng những dịch vụ lừa đảo từ doanh nghiệp. Điều đáng nói ở đây chính là chưa có một đơn vị quản lý nào đứng ra để giải quyết, ngăn chặn những sự việc này, một cách ngẫu nhiên nó được lan truyền với sức mạnh của truyền thông đã tác động không nhỏ vào công chúng gây ra những vấn nạn, thông tin thiếu lành mạnh, vi phạm quy chế quảng cáo, cung cấp thông tin trên mạng internet và ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, văn hóa, đời sống xã hội.

3.2.2. Nhận thức vai trò của quá trình chuyển đổi số đối với truyền thông

Quá trình chuyển đổi số đóng vai trò quan trọng trong việc thay đổi cách thức hoạt động của ngành truyền thông, đồng thời mở ra nhiều cơ hội mới và đưa ra nhiều thách thức cho ngành này. Nhận thức về vai trò của quá trình chuyển đổi số đối với truyền thông một cách đúng đắn sẽ mang lại hiệu quả cao trong quá trình triển khai. Điều chú ý chính là cần tăng cường sự phổ biến thông tin: Công nghệ số giúp truyền thông trở nên phổ biến hơn, nhanh chóng hơn và dễ dàng tiếp cận hơn với mọi người. Nhờ đó, người dân có thể nắm bắt thông tin và tin tức mới nhất một cách nhanh chóng và thuận tiện hơn bao giờ hết. Tạo ra nhiều kênh truyền thông mới: Quá trình chuyển đổi số đã mở ra một loạt các kênh truyền thông mới như mạng xã hội, blog, trang web, ứng dụng di động, email, tin nhắn điện thoại, video trực tuyến, podcast, v.v. Nhờ đó, truyền thông có thể tiếp cận với đông đảo khán giả hơn và đáp ứng nhu cầu của từng đối tượng. Tăng cường tính tương tác và tham gia của khán giả: Công nghệ

số cho phép khán giả tham gia vào quá trình sản xuất, phát hành và chia sẻ thông tin, từ đó tăng cường tính tương tác và tham gia của khán giả trong ngành truyền thông. Nhờ đó, người dân có thể đóng góp ý kiến, bình luận, chia sẻ thông tin, góp phần vào việc xây dựng một cộng đồng thông tin và truyền thông phát triển hơn. Thách thức về độ tin cậy và chất lượng thông tin: Với sự phát triển của mạng xã hội, internet, thông tin trở nên đa dạng...

3.2.3. Chất lượng nguồn nhân lực

Trong quá trình chuyển đổi số của ngành truyền thông, chất lượng nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển. Hiện nay đang thiếu hụt nguồn nhân lực chuyên môn và kỹ thuật: Truyền thông trong chuyển đổi số đòi hỏi người làm việc có kiến thức chuyên sâu về các công nghệ số, kỹ năng sáng tạo, quản lý dữ liệu, phân tích, xử lý dữ liệu, marketing kỹ thuật số và phân tích các trang web và dữ liệu số. Tuy nhiên, hiện nay, nguồn nhân lực chuyên môn và kỹ thuật trong lĩnh vực này còn khá thiếu hụt, khiến cho việc tìm kiếm và thu hút nhân tài cho các công ty truyền thông khá khó khăn. Thừa hưởng kiến thức lý thuyết nhưng thiếu kinh nghiệm thực tế: Nhiều sinh viên tốt nghiệp các ngành truyền thông có kiến thức lý thuyết tốt, nhưng khi bước vào thực tế làm việc, họ gặp nhiều khó khăn vì thiếu kinh nghiệm và kỹ năng thực tế. Không đáp ứng được nhu cầu của thị trường: Thị trường đang thay đổi nhanh chóng, vì vậy những người làm trong lĩnh vực truyền thông cần có khả năng đáp ứng và thích nghi với những thay đổi đó. Tuy nhiên, nhiều nhân viên truyền thông hiện nay không thể đáp ứng được nhu cầu của thị trường, khiến cho họ dễ bị thất nghiệp hoặc không đủ năng lực để phát triển trong lĩnh vực này. Chất lượng nguồn nhân lực truyền thông trong chuyển đổi số hiện nay vẫn còn nhiều thách thức. Để cải thiện tình hình này, cần đầu tư vào đào tạo, tạo điều kiện thu hút và giữ chân nhân tài, và đưa ra các giải pháp tốt hơn để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, một con số rất ít trong khi đó chuyển đổi số ngành truyền thông cần được thúc đẩy và đi đúng hướng. Rào cản nhất định từ ngoại ngữ, người học và người làm còn chưa

trang bị vốn ngoại ngữ (tiếng Anh) và trình độ công nghệ thông tin... dẫn đến khó khăn trong quá trình tiếp cận công nghệ mới, theo xu thế của thế giới.

4. Kết luận

Trong xu thế chuyển đổi số, truyền thông đang đối mặt với nhiều thách thức, đòi hỏi sự thích nghi và sáng tạo của các chuyên gia và nhà quản lý truyền thông. Một trong những thách thức chính của truyền thông trong chuyển đổi số là sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ và thị trường. Các nhà quản lý và chuyên gia truyền thông cần phải có kiến thức sâu rộng về các công nghệ số mới, các xu hướng thị trường, cũng như khả năng đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Ngoài ra, truyền thông trong chuyển đổi số còn phải đối

mặt với các vấn đề liên quan đến an ninh thông tin, như việc bảo vệ dữ liệu và thông tin khách hàng, chống lại tin giả và thông tin sai lệch trên mạng xã hội. Điều này đòi hỏi những giải pháp tốt hơn để đảm bảo an toàn và đáng tin cậy cho các hoạt động truyền thông. Chất lượng nguồn nhân lực truyền thông cũng là một trong những thách thức quan trọng trong quá trình chuyển đổi số. Cần phải đầu tư vào đào tạo, tạo điều kiện thu hút và giữ chân nhân tài, và đưa ra các giải pháp tốt hơn để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực này. Truyền thông trong xu thế chuyển đổi số đang đối mặt với nhiều thách thức, tuy nhiên đây cũng là cơ hội để các chuyên gia và nhà quản lý truyền thông phát triển và tạo ra những giải pháp sáng tạo, giúp tăng cường hiệu quả và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. *Chuyển đổi số xu hướng tất yếu trong cuộc cách mạng 4.0, Sở LD-TB&XH*
2. *Ngành truyền thông trong làn sóng chuyển đổi số tại Việt Nam, Tạp chí Người làm báo điện tử*
3. <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/chuyen-doi-so-bao-chi-truyen-thong-hien-dai-su-tong-hoa-cua-cac-yeu-to-612136.html>
4. [https://dbi.gov.vn/\(X\(1\)S\(045wp3ahcci2k55ddxxacb1t\)\)/tai-lieu-cds?AspxAutoDetectCookieSupport=1](https://dbi.gov.vn/(X(1)S(045wp3ahcci2k55ddxxacb1t))/tai-lieu-cds?AspxAutoDetectCookieSupport=1)
5. <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/nganh-truyen-thong-trong-lan-song-chuyen-doi-so-tai-viet-nam-p25862.html>



PHƯƠNG PHÁP THỂ HIỆN CA KHÚC MANG ÂM HƯỞNG DÂN CA

Thạc sĩ, NSUT Nguyễn Hương Giang

Những làn điệu dân ca là sản phẩm tinh thần của tổ tiên từ thuở sơ khai, phản ánh phong tục tập quán, thói quen, cách cảm, cách nghĩ... của cha ông. Từ bao đời nay, dân ca là một phần đời sống tâm hồn gắn bó với mỗi người Việt ta. Để những làn điệu dân ca của dân tộc có sức sống lâu bền, có sức lan tỏa mạnh mẽ, lâu dài trong không gian văn hóa hiện đại thì việc đưa dân ca vào giảng dạy trong chương trình âm nhạc đang là việc làm đúng hướng và rất cần thiết.



NSUT Hương Giang, Giảng viên Thanh nhạc Trường đại học Văn hoá Nghệ thuật Quân đội

Với mong muốn nâng cao hơn nữa hiệu quả của việc dạy học hát dân ca ở nhà trường, nhất là ở các trường chuyên nghiệp, trong bài viết này, chúng tôi xin bàn về phương pháp thể hiện ca khúc mang âm hưởng dân ca.

Cảm thụ về màu sắc dân ca trong ca khúc

Khi thể hiện ca khúc, đôi khi chúng ta lo để ý quá nhiều vào cao độ, tiết tấu, lời hát mà quên đi phần cốt lõi quan trọng nhất của hát ca khúc mang âm hưởng dân ca đó là cảm thụ và xử lý ca khúc.

Đề cập vấn đề này trong cuốn phương pháp sư phạm Thanh nhạc, tác giả Nguyễn

Trung Kiên đã nêu: Mỗi thể loại tác phẩm Thanh nhạc có những đặc tính riêng biệt, đòi hỏi ở từng mức độ khác nhau về kỹ thuật cũng như nghệ thuật, mỗi loại mang lại lợi ích khác nhau trong chương trình học tập. Sử dụng các thể loại tác phẩm một cách hợp lý, tạo nên một hệ thống cho quy trình đào

tạo, người thầy luôn phải bám sát các nguyên tắc sư phạm để tránh những sai lầm đáng tiếc trong giảng dạy” [14; tr.31].

Để việc dạy hát ca khúc mang âm hưởng dân ca vừa đạt được về mặt học thuật (kỹ thuật, kỹ năng, kỹ xảo) của thanh nhạc, vừa phát huy được màu sắc cũng như nét đặc trưng trong các làn điệu dân ca Việt Nam, thì việc giúp sinh viên (SV) tìm hiểu và cảm thụ âm nhạc dân gian Việt Nam cần phải được giáo viên (GV) lưu ý, bởi những yếu tố được rút ra từ kho tàng văn hóa dân gian và âm nhạc cổ truyền của dân tộc chính là những yếu tố biểu hiện bản sắc văn hóa trong ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam, bao gồm: âm điệu của các bài dân ca nhạc cổ, yếu tố ngữ cung, lối biến đổi giai điệu giữa không và có tiết nhịp, các thủ pháp ca từ trong dân ca và các hình tượng ca từ được rút từ đời sống bình dị của người dân hoặc văn học cổ truyền của dân tộc. Đây cũng chính là những yếu tố góp phần quan trọng trong việc tạo nên sức sống và sức lôi cuốn của bản sắc văn hóa dân tộc trong ca khúc sáng tác mới mang âm hưởng dân ca Việt Nam.

Nhìn chung, để giải quyết vấn đề cho phương pháp dạy cảm thụ và xử lý màu sắc dân ca ca khúc mang âm hưởng dân ca, GV cần phải là người hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, tìm hiểu để nhận diện đúng ca khúc sử dụng làn điệu dân ca như sử dụng yếu tố ngữ cung trong âm nhạc dân tộc, sử dụng

lối chuyển đổi giai điệu giữa không và có tiết nhịp, sử dụng thủ pháp ca từ trong dân ca...

Nhận diện được màu sắc, âm hưởng dân ca trong ca khúc chính là cơ sở đầu tiên, quan trọng nhất để áp dụng các phương pháp thể hiện các ca khúc này.

Phương pháp thể hiện màu sắc của ca khúc mang âm hưởng dân ca

Mỗi thể loại ca khúc có một lối thể hiện khác nhau, đó là một thực tế, ca khúc mang âm hưởng dân ca cũng không ngoại lệ. Để thể hiện sắc thái của ca khúc mang âm hưởng dân ca thì trước hết người hát phải được trạng bị và hiểu biết về âm nhạc dân tộc Việt Nam nói chung và những làn điệu dân ca nói riêng, đó chính là lối hát sử dụng hư từ (từ không có nghĩa) trong hát dân ca, chúng thay cho tiếng nói của tâm tư, tình cảm cũng như tư tưởng của con người Việt. Vì vậy trong phần này chúng tôi xin đề xuất phương pháp cho thể hiện sắc thái đặc trưng phong cách hát dân gian và cách luyện tập cho một số nguyên âm, phụ âm chính trong Thanh nhạc được đề cập sau đây:

Việc sử dụng hư từ và ngữ điệu trong các làn điệu dân ca

GV có thể giảng giải, hướng dẫn giúp SV tìm hiểu và tự nghiên cứu rằng, Chúng ta có thể thấy trong các làn điệu dân ca Việt Nam có những hư từ (từ không có nghĩa) như: à, í, í, a, chăng, ư, hự, hội, ối a, ư, tang tình, uầy, oả... những hư

từ không có nghĩa đó lại rất cần thiết đối với những làn điệu dân ca, bằng ngữ điệu, những hư từ đã trở thành thực từ (từ có nghĩa) để biểu đạt sắc thái tình cảm. Chính từ cách biểu hiện nội dung ngữ nghĩa từ giọng điệu, ngữ điệu ấy, với suốt chiều dài lịch sử, từng bước, từng bước, loài người nâng cao dần lên, phát triển thêm, xây dựng thành những quy ước với một hệ thống những phương tiện diễn tả của loại hình dân ca như ngày nay.

Với việc áp dụng lối hát các hư từ cùng ngữ điệu vào ca khúc mang âm hưởng dân ca cần chú ý những điểm sau:

Việc phát ca từ phải theo ngữ điệu của từng phương ngữ khi hát các ca khúc mang âm hưởng dân ca với những giọng điệu, thanh điệu... cần phải làm nổi bật được sự khác nhau giữa các vùng, miền, các địa phương mà ta vẫn quen gọi là giọng bắc, giọng nghệ tĩnh, giọng huế, giọng khu năm (cũ), giọng nam bộ...

Lối hát kèm với các hư từ trong những ca khúc mang âm hưởng dân ca là yêu cầu tiên quyết, nhưng mỗi vùng miền lại có cách sử dụng hư từ rất khác nhau, do đó để làm nổi bật những sắc thái phong phú, đa dạng của mỗi vùng miền thì việc sử dụng hư từ đúng thì nó sẽ trở thành tiếng nói của tình cảm, là sự biểu hiện một dạng tình cảm của người nghệ sĩ trước hiện thực cuộc sống.

Đảm bảo sự liên hệ mật thiết giữa hư từ với lối hát, cách

luyện láy, ngân nga trên cơ sở phương ngữ và nhờ có hư từ mới hình thành lên màu sắc của mỗi làn điệu dân ca mỗi vùng miền như: giọng Nghệ Tĩnh là gắn liền với các làn điệu dân ca Ví, Giặm, hát Phường vải... giữa giọng Huế với các điệu hò mái Nhì, mái Đầy... hoặc giữa giọng nam bộ với các làn điệu ca Vọng cổ, Lý, Hồ...

Áp dụng kỹ thuật thanh nhạc cho một số nguyên âm, phụ âm

Đối với việc dạy hát phong cách dân gian nói chung và ca khúc mang âm hưởng dân ca nói riêng, GV cần chú ý tới luyện hát các nguyên âm cho hát phong cách dân gian theo tiêu chuẩn của kỹ thuật thanh nhạc, giúp SV có được một khẩu hình mở đẹp, đúng và khi hát âm thanh sẽ mềm mại và rõ, đồng thời nhằm giảm bớt sự phụ thuộc một cách máy móc, cứng, gò bó khi áp dụng kỹ thuật thanh nhạc vào việc thể hiện ca khúc mang âm hưởng dân ca.

Để đảm bảo cho việc dạy hát ca khúc mang âm hưởng dân ca thì chúng ta không thể không nhớ đến tiêu chí “tròn vành rõ chữ” mà trong dân gian cũng như nhiều thế hệ thầy giáo thanh nhạc, những lớp ca sĩ chuyên nghiệp đi trước đã luôn lấy đó làm thước đo chuẩn trong việc thể hiện ca khúc mang âm hưởng dân ca.

Một số nguyên âm sử dụng cho hát ca khúc mang âm hưởng dân ca

Nguyên cứu về vấn đề

này, chúng tôi đã tham khảo phương pháp sử dụng kỹ thuật thanh nhạc vào việc phát âm lời trong ca khúc từ các cuốn: Structure of singing của tác giả R. Miller; Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát của tác giả Trần Ngọc Lan và cuốn Phương pháp dạy Thanh nhạc của tác giả hồ Mộ La.

Bên cạnh đó, tiếp thu kinh nghiệm thực tiễn giảng dạy của những thế hệ GV đi trước đã cho thấy, do trong cấu trúc âm tiết tiếng Việt gồm 3 bộ phận chính: Thanh điệu, Phần đầu và Phần sau. Phần đầu của âm tiết được xác định là Âm đầu; phần sau của âm tiết gọi là Vần. Vì vậy, chúng tôi cần lưu ý GV, trước khi cho SV thực hiện câu hát trong bài, GV cũng cần giải thích và yêu cầu học sinh nắm rõ các yếu tố tạo thành âm tiết như: Âm đầu, âm đệm (bán nguyên âm), nguyên âm, âm cuối và thanh điệu. Trong đó nguyên âm giữ vai trò chính để “khuếch đại” âm thanh theo cách sau:

Nguyên âm mở khẩu hình ngang:

- Nguyên âm I/Y: Khẩu hình hẹp nhất, khi hát nguyên âm này hai mép hơi nhàn ra như khi cười, tạo điều kiện cho chiều ngang được mở rộng hơn, răng lộ ra đôi chút, thân lưỡi nâng lên phía trước gần vòm miệng, răng sát nhau mà không chạm nhau.

- Nguyên âm E: Khẩu hình mở như nguyên âm I nhưng rộng hơn. Khi hát mép

vẫn mở ngang ra hai bên, lưỡi hơi đưa ra phía trước, răng trên hơi lộ ra, hai hàm răng không chạm vào nhau.

- Nguyên âm Ê: Như khẩu hình nguyên âm E nhưng mép gọn lại hơn nguyên âm E, lưỡi nâng lên hơn một chút.

- Nguyên âm U: Trên cơ sở mở khẩu hình của âm Ê, nhưng khẩu hình mở rộng hơn Ê cảm hơi hạ xuống.

- Nguyên âm A: khẩu hình mở rộng, mép hơi nhàn ra, cảm hạ xuống tự nhiên, tạo thành hình dáng khẩu hình hơi bẹt. Hàm răng của phía trên có thể lộ ra đôi chút. Mặt lưỡi bằng, đầu lưỡi tiếp giáp nhẹ với răng dưới. Khi hát A nét mặt vui như cười (như tiếng A reo vui).

Nguyên âm khẩu hình mở dọc:

- Nguyên âm U: toàn bộ môi chúm lại, nhô ra như khi ta muốn huýt sáo. Khẩu hình nguyên âm này thu nhỏ nhất.

- Nguyên âm Ô: Môi nhô ra và hai mép chúm lại, khẩu hình phía ngoài mở rộng hơn U. Hạ lưỡi và nâng hàm ếch mềm.

- Nguyên âm O: Khẩu hình mở khá rộng tròn, phần giữa của môi hơi nhô ra trước. Lưỡi rút vào phía sau, mặt lưỡi cong lên gần che lấp lưỡi gà.

- Nguyên âm Ơ: Cũng giống như nguyên âm A, nhưng khẩu hình gọn hơn. Khi hát, hai mép thu gọn một chút, nhắc tép hàm trên nhưng cầm giữ nguyên.

Bên cạnh đó còn có các nguyên âm đôi như: OI, EO,

AO, UI, OA, AI... và nguyên âm ba OAI, YÊU, ƯƠI, UÔI. Khi luyện tập với các nguyên âm đôi và ba, vị trí âm thanh của nguyên âm phải vang, sáng và hướng ra phía trước. Cần lưu ý, với loại nguyên âm kép đôi và ba, mỗi phải đổi vị trí từ hai đến ba lần. Do đó, GV phải chú ý tới hoạt động của môi và hàm ếch khi SV hát các ca khúc với những loại nguyên âm kép trên, để tạo sự đồng nhất về mở khẩu hình và áp dụng vào lời hát trong ca khúc.

Một số phụ âm sử dụng cho hát ca khúc mang âm hưởng dân ca

Cũng như các nguyên âm, phụ âm cũng đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc phát âm (nhả chữ) trong hát ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam.

Các phụ âm chúng tôi cũng chia thành 2 loại đơn và kép.

Phụ âm đơn: S, X, V, P, N, C, T, L, R...

Phụ âm kép: KH, NG, NH, CH, TR, NGH, PH...

Do lối hát dân ca của Việt Nam có nhiều vần đóng mà hầu hết là rơi vào các phụ âm, cùng với việc vị trí của phụ âm đứng trước hay sau nguyên âm thì việc cảm nhận và vận dụng cách phát âm tiếng Việt đi liền với hơi thở khi dạy học cũng như biểu diễn các ca khúc mang âm hưởng dân ca là vấn đề mà GV cần nhắc SV luôn lưu ý. Khi hát việc phát âm (nhả chữ) cần chú ý đặt mềm, nhẹ các phụ âm đầu, khép âm cuối phù hợp với từng từ để đảm bảo các âm không bị biến dạng bởi ngôn ngữ Việt mà vẫn giữ được âm thanh, cao độ chuẩn mực nhưng hết sức tự nhiên.

Khai thác và đưa các ca khúc mang âm hưởng dân ca vào trong giảng dạy, ngoài việc

góp phần hoàn thiện hơn về kỹ thuật thanh nhạc còn làm phát triển về nét tinh hoa của âm nhạc dân tộc Việt Nam, cũng như lối tư duy, cách thức xử lý các ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam khác với ca khúc nước ngoài cho SV. Đây là một trong những việc làm cần thiết, mang tính thực tiễn cao trong công tác giảng dạy Thanh nhạc.

Hiệu quả dạy học chính là nằm ở việc vận dụng các phương pháp một cách linh hoạt, khéo léo khi dạy học ca khúc mang âm hưởng dân ca. Bên cạnh đó, việc áp dụng kỹ thuật thanh nhạc phương Tây sẽ góp phần cho xử lý ca khúc mang âm hưởng dân ca thêm phong phú vừa giữ được nét tinh hoa của dân ca vừa đạt yêu cầu về mặt học thuật của thanh nhạc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Phạm Lê Hòa (2013), *Phân tích tác phẩm âm nhạc*, Nxb Âm nhạc, HN;
- Đào Việt Hưng (1999), *Tìm hiểu điệu thức dân ca người Việt Bắc Trung Bộ*, Viện Âm nhạc - Nxb Âm nhạc, HN;
- Nguyễn Trung Kiên (2001), *Phương pháp sư phạm thanh nhạc*, Viện Âm nhạc, HN;
- Phan Minh (2012), *Bàn về chất liệu dân ca trong ca khúc*, *Tạp chí Hồn Việt*, (số 2, tr.17).

LAI TẠO BỘ GIỐNG CÀ CHUA ĂN TƯƠI, TRÁI NGỌT NHƯ NHO, TÁO

Minh Hậu

Trung tâm Nghiên cứu khoai tây, rau và hoa vừa lai tạo thành công bộ giống cà chua năng suất cao. Đặc biệt vị ngon, ngọt, có thể ăn tươi thay trái cây truyền thống. Trung tâm Nghiên cứu khoai tây, rau và hoa (gọi tắt Trung tâm rau hoa, đóng tại TP Đà Lạt, Lâm Đồng) thuộc Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Miền Nam vừa nghiên cứu, lai tạo và phát triển thành công các giống cà chua giá trị kinh tế cao. Theo đó, trên cơ sở nguồn nguyên vật liệu sẵn có tại Trung tâm và nguồn vật liệu nhập nội, đơn vị này đã nghiên cứu, lai tạo 2 nhóm giống cà chua phục vụ cho canh tác nông nghiệp công nghệ cao và phục vụ canh tác ngoài đồng. Tiến sĩ Nguyễn Thế Nhuận, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu khoai tây, rau và hoa cho biết, đến nay, Trung tâm đã lai tạo và chọn lọc được nhiều dòng cà chua có triển vọng. Trong đó bao gồm nhóm cà chua cherry, cà chua beef (vàng và mật ong). "Đặc biệt, nhóm cà chua cherry đạt hiệu quả cao và có chất lượng, giá trị kinh tế lớn. Phù hợp để nhân rộng, phát triển sản xuất", Tiến sĩ Nguyễn Thế Nhuận chia sẻ. Hiện nay, 2 giống cà chua cherry của Trung tâm rau hoa là NT10, cherry 06 đã khảo nghiệm thành công và đơn vị này đã công bố lưu hành. Các giống cà chua Trung tâm rau hoa lai tạo phục vụ phát triển trong môi trường nhà kính công nghệ cao. Cây được trồng trên giá thể với quy trình tưới nước nhỏ giọt, châm phân tự động kết hợp quy trình bảo vệ sâu, bệnh hại nghiêm ngặt, hiện đại. Tiến sĩ Nguyễn Thế Nhuận nói: "Khi lai tạo, Trung tâm xác định định hướng và tập trung chọn nguồn vật liệu có năng suất cao, kháng bệnh, phù hợp điều kiện canh tác ở Lâm Đồng và địa phương có điều kiện tương tự". Theo đánh giá, đối với giống cà chua cherry, người trồng xuống giống trong thời gian từ 70 - 75 ngày là có thể thu hoạch trái chín. Trong điều kiện chăm sóc tốt, việc thu hoạch có

thể duy trì liên tục lên đến 5 tháng. Các giống cà chua cherry do Trung tâm rau hoa nghiên cứu, lai tạo đạt năng suất 50 - 60 tấn/ha. Đặc biệt, trái chín có màu sắc đẹp, mẫu mã ưa nhìn, phù hợp thị hiếu. Trái chín có độ Brix trung bình trên 10% (độ ngọt), gần bằng hoặc tương đương độ ngọt trung bình của nho, táo. Theo Tiến sĩ Nguyễn Thế Nhuận, Giám đốc Trung tâm rau hoa, các giống cà chua cherry này đều phù hợp với thị hiếu của thị trường. Quả có độ ngọt cao, có thể phục vụ ăn tươi thay thế cho các loại trái cây truyền thống. Hiện nay, các sản phẩm cà chua cherry ăn tươi có giá trị kinh tế cao. Sản phẩm này trên thị trường có giá giao động từ 35.000 đồng đến 80.000 đồng/kg. "Một số giống của Trung tâm đã được người dân quan tâm, đưa vào sản xuất và đạt giá trị kinh tế cao", Tiến sĩ Nguyễn Thế Nhuận cho biết. Tiến sĩ Nguyễn Thế Nhuận, Giám đốc Trung tâm rau hoa cho hay: "Các giống cà chua cherry đơn vị lai tạo đều rất triển vọng trong phát triển kinh tế. Hiện nay, Trung tâm đang gắn kết với các hợp tác xã, doanh nghiệp xây dựng mô hình sản xuất, đồng thời chuyển giao giống cho người dân sản xuất. Đối với một số giống cà chua cherry đang trong quá trình khảo nghiệm, Trung tâm đang đánh giá cuối cùng để sắp tới công bố lưu hành, phát triển".



HÀ NỘI THÔNG QUA NHIỀU CHÍNH SÁCH ĐỘT PHÁ VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

MINH TRÍ

Chiều 4/7, tại Kỳ họp thứ 12, HĐND TP Hà Nội khoá XVI đã nhất trí thông qua Nghị quyết ban hành quy định về một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội.



Giám đốc Sở NN&PTNT Hà Nội Nguyễn Xuân Đại trình bày Tờ trình của UBND Thành phố

Trước đó, Giám đốc Sở NN&PTNT Hà Nội Nguyễn Xuân Đại đã trình bày Tờ trình của UBND TP về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội.

Theo Giám đốc Sở NN&PTNT Hà Nội Nguyễn Xuân Đại, thời gian qua, HĐND Thành phố đã ban hành một số Nghị quyết khuyến khích phát

triển nông nghiệp nông thôn. Việc triển khai các chính sách của Trung ương, Nghị quyết của HĐND Thành phố đã góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp nông thôn trên địa bàn Thành phố.

Tuy nhiên, một số nội dung của chính sách còn triển khai chậm, bên cạnh đó ngành nông nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức. Việc thu hút đầu tư của doanh nghiệp

vào nông nghiệp còn thấp, các liên kết giữa sản xuất với tiêu thụ sản phẩm còn ít.

Để đảm bảo thực hiện thắng lợi các mục tiêu Chương trình 04 của Thành ủy và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 và "Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2050" và hoàn thành mục tiêu chuyển đổi nông nghiệp từ "tư duy sản xuất" sang "tư duy kinh tế", hướng tới giá trị an toàn, bền vững việc ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội là rất cần thiết.

Mục tiêu ban hành chính sách nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương và Thành phố về khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn Thành phố, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu Đảng bộ Thành phố đã đề ra, đáp ứng điều kiện thực tiễn sản xuất nông nghiệp của Thành phố.

Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, hộ gia đình huy động nguồn lực để đầu tư phát triển sản xuất, từng bước xây dựng nền nông nghiệp Thủ đô phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa, bền vững, thân thiện môi trường. Góp phần hoàn thành các mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2025 và những năm tiếp theo...

Trong nội dung “Nghị quyết ban hành Quy định về một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội”, UBND Thành phố đề xuất nội dung các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thành phố Hà Nội:

(1) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản

lý chuỗi và phát triển thị trường;

(2) Chính sách khuyến khích sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản (Hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; Hỗ trợ nhập khẩu giống vật nuôi, thủy sản);

(3) Chính sách khuyến khích xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản giống, bảo quản nông sản;

(4) Chính sách hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung;

(5) Chính sách thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp (Hỗ trợ tín dụng; Hỗ trợ mua máy cày, thiết bị bay không người lái phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất lúa; Hỗ trợ kinh phí cây máy, phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái);

(6) Chính sách chuyên đổi cơ cấu giống cây trồng, vật

nuôi, thủy sản (Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu giống vật nuôi; Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, thủy sản tại các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung);

(7) Chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

(8) Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

(9) Chính sách hỗ trợ cấp mã số vùng trồng;

(10) Chính sách hỗ trợ máy móc, thiết bị để chuyển đổi số trong nông nghiệp;

(11) Chính sách bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp;

(12) Chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình điểm phát triển nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch, trải nghiệm.



Kỳ họp thứ 12, HĐND TP Hà Nội khoá XVI

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách trên địa bàn Thành phố khoảng 1.124 tỷ đồng/năm. Trong đó, ngân sách thành phố 315,3 tỷ đồng/năm (Thành phố thực hiện 134,8 tỷ đồng/năm; cấp bổ sung cho ngân sách cấp huyện 180,5 tỷ đồng/năm); Ngân sách cấp huyện 43,8 tỷ đồng/năm; Nguồn kinh phí đối ứng từ các tổ chức, cá nhân 764,9 tỷ đồng/năm.

Ngoài ra, hàng năm thành phố và các quận, huyện, thị xã có thể bố trí tăng thêm kinh phí hỗ trợ tùy vào khả năng cân đối ngân sách để thực hiện chính sách.

Tại Kỳ họp, HĐND Thành phố đã quyết nghị thông qua Nghị quyết ban hành quy định về một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội. Đồng thời, giao UBND Thành phố tổ chức thực hiện Quy định tại Nghị quyết này; chỉ đạo các cấp, các ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thông tin, tuyên truyền, thông báo công khai, rộng rãi nội dung chính sách hỗ trợ, xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về phát triển nông nghiệp trên địa bàn thành phố... Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, tham mưu HĐND Thành phố ban hành các cơ chế, chính sách liên

quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND Thành phố về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội. Các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về phát triển nông nghiệp đang thực hiện theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND thì được tiếp tục thực hiện đến khi kết thúc chương trình, kế hoạch, đề án, dự án.



XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI ĐẠT HIỆU QUẢ CAO TẠI HUYỆN CHÂU THÀNH (BẾN TRE)

PV

Châu Thành là một huyện thuần nông của tỉnh Bến Tre. Với thế mạnh của vùng đất giàu phù sa nên nơi đây đã trở thành vùng trồng ăn quả đặc sản, có giá trị kinh tế cao.

Phóng viên Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn VN đã phỏng vấn ông Phạm Văn Sang - chủ tịch UBND huyện về xây dựng NTM trong thời gian qua:



Ông Phạm Văn Sang - chủ tịch UBND huyện Châu Thành (Bến Tre)

PV: Thế mạnh của huyện mình so với các huyện khác ở Bến Tre trong khi thực hiện chuyển dịch cây trồng - vật nuôi gắn với xây dựng NTM?

Trả lời:

Đối với cây trồng: Thế mạnh của huyện Châu Thành so với các huyện khác ở tỉnh Bến Tre là vườn cây ăn trái đặc sản khoảng 8.000ha (gồm các cây như: bưởi da xanh, sầu riêng và chôm chôm); khoảng 5.000ha diện tích dưa xiêm xanh uống nước. Trong thời gian qua, trên địa bàn huyện thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp có những lợi thế như: chuyển dịch cơ cấu cây trồng đúng hướng, chuyển

trồng những cây phù hợp với điều kiện về đất đai, tập quán, kỹ thuật canh tác. Từ đó, hình thành nên vùng cây ăn trái tập trung (các xã cánh Tây trồng cây ăn trái đặc sản như: sầu riêng, chôm chôm và bưởi da xanh; các xã cánh Đông trồng dưa xiêm xanh uống nước và cây bưởi da xanh); từng bước hình thành vùng chuyên canh tập trung, sản xuất theo quy trình an toàn thực phẩm gắn với bảo vệ môi trường, xây dựng mã số vùng trồng và tham gia mô hình kinh tế tập thể gắn các công ty, doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm. Việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên địa bàn

huyện đã góp phần tăng giá trị trên một đơn vị diện tích, doanh thu kinh tế vườn khá cao, từ đó lợi nhuận trên 1ha (đối với cây sầu riêng ước khoảng 500 triệu; chôm chôm khoảng 200 triệu; bưởi da xanh khoảng 200 triệu; dưa xiêm uống nước khoảng 120 triệu) đã góp phần tăng thu nhập của người dân nông thôn tham gia mô hình kinh tế vườn.

Đối với vật nuôi: Huyện Châu Thành có khoảng: 500.000 con gia cầm; khoảng: 20.000 con heo, 3.800 con bò, 25.000 con dê. Huyện đã phát huy được các lợi thế mô hình chăn nuôi như: mô hình nuôi nông hộ; mô hình nuôi gia công gắn kết với công ty, doanh nghiệp. Các mô hình chăn nuôi thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường. Đối với mô hình chăn nuôi nông hộ theo gia trại, trang trại là một trong những mô hình phổ biến của huyện về nuôi gia cầm, nuôi heo, nuôi bò và nuôi dê đã góp tăng thu nhập đáng kể cho các hộ dân. Đặc biệt, trong thời gian qua được sự hỗ trợ của các chương trình dự án (dự án Ifad; AMD,...) hỗ trợ phát triển mô hình nuôi

dê, nuôi bò, gà góp phần tăng thu nhập cho hộ hộ nghèo, cận nghèo.

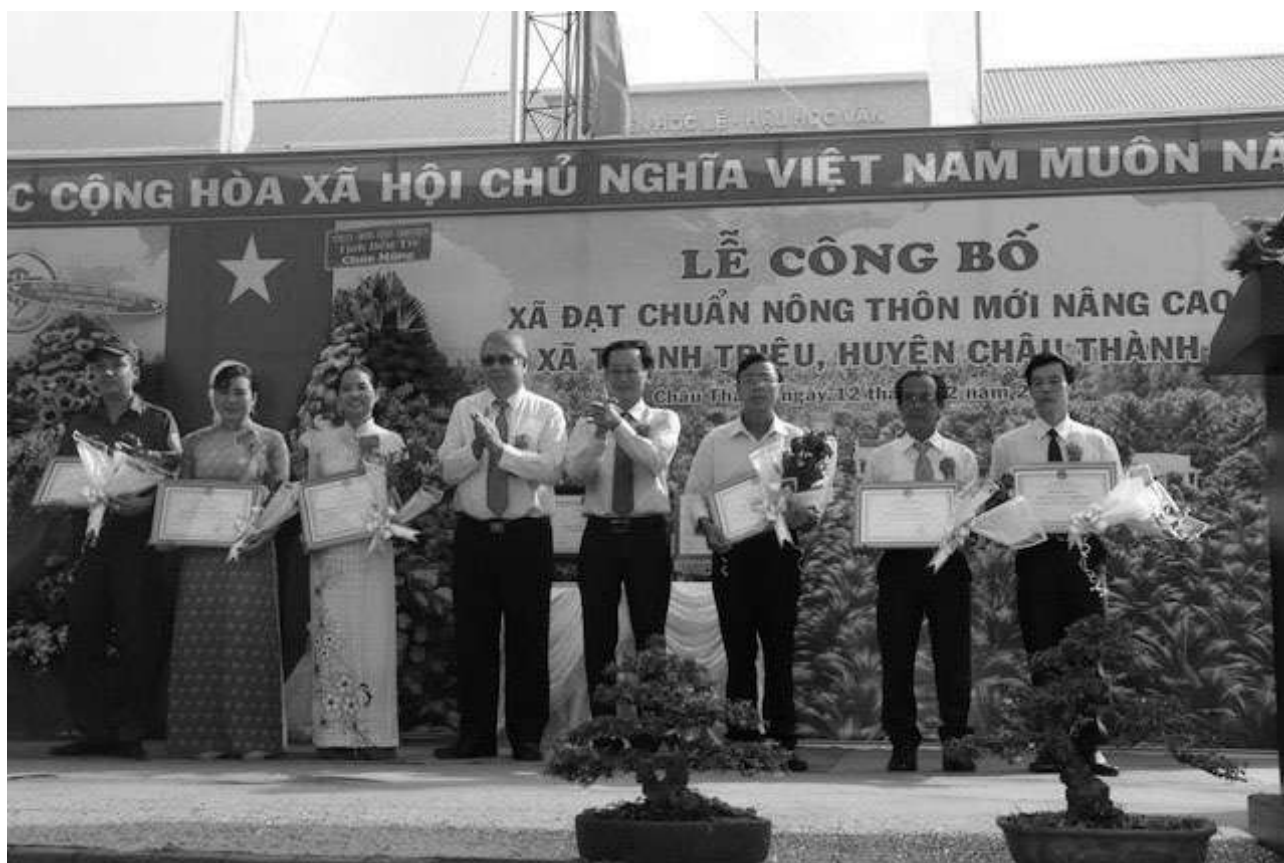
PV: Quá trình xây dựng NTM, huyện Châu Thành đã đạt được những kết quả gì? Những vấn đề đặt ra cần được sự quan tâm đúng mức để cuộc vận động xây dựng NTM trở thành động lực của mỗi gia

đình, mỗi ấp và mỗi xã?

Trả lời:

Xác định xây dựng nông thôn mới là chương trình lâu dài và xuyên suốt, chỉ có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc. Châu Thành tập trung quyết liệt trong xây dựng nông thôn mới. Đến nay, toàn huyện có 12 xã đạt chuẩn nông thôn

mới, 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, các xã còn lại đạt 14 tiêu chí trở lên. Số tiêu chí bình quân các xã đạt là 17,45 tiêu chí. Năm 2022, xây dựng 05 xã nông thôn mới và 02 xã nông thôn mới nâng cao; huyện đã hoàn thành hồ sơ đề nghị tỉnh thẩm định đánh giá công nhận.



Ngoài ra, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện từng bước hoàn thiện, các công trình xây dựng giao thông, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, trạm y tế,... được đầu tư tạo nên diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới; chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng, sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển công nghiệp, thương mại và dịch vụ; việc đổi mới và xây

dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn được huyện quan tâm thực hiện, các mô hình kinh tế hợp tác, hợp tác xã có phát triển; công tác xây dựng nông thôn mới gắn với việc củng cố, nâng chất xây dựng đời sống văn hóa, công tác bảo vệ môi trường và nâng cao năng lực ứng phó biến đổi khí hậu được quan tâm lãnh đạo và tổ chức thực hiện có hiệu

quả; quốc phòng và an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

PV: Phương hướng cần tập trung thực hiện trong thời gian tới là gì?

Trả lời:

- Cần tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của

cấp ủy Đảng, chính quyền; tăng cường công tác giám sát, tuyên truyền vận động của các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Đẩy mạnh phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã; xây dựng kế hoạch và thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện kế hoạch về hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao trong năm.

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ của Ban Chỉ đạo, cán bộ nông thôn mới các xã để nắm tiến độ thực hiện, các khó khăn, vướng mắc kịp thời chỉ đạo giải quyết.

- Hỗ trợ tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ hợp tác, hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, có thương hiệu hàng hóa và có uy tín trên thị trường, đáp ứng được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho thành viên.

- Tiếp tục tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức đầy đủ về vai trò, trách nhiệm của mỗi gia đình, của cộng đồng dân cư, tự giác tham gia góp công, góp của, chung sức xây dựng nông thôn mới.

- Chỉ đạo ngành công an thường xuyên kiểm tra, tuần tra, tuyên truyền về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội...

Pv : Xin cảm ơn ông.



PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA THANH NIÊN THAM GIA BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

TS. Thân Trung Dũng
Học viện Hậu cần - Bộ quốc phòng

Tóm tắt: Ngày nay, internet và mạng xã hội đã và đang tác động trực tiếp, xâm nhập sâu rộng vào mọi mặt của đời sống xã hội, tạo môi trường lan truyền hiệu ứng xã hội mau lẹ, rất khó quản lý, kiểm duyệt. Trong khi đó, thanh niên là đối tượng sử dụng nhiều nhất, chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất. Chính vì vậy, các thế lực thù địch đã luôn coi thanh niên là đối tượng chủ yếu để tuyên truyền, chống phá trên không gian mạng. Những thông tin tuyên truyền sai trái, những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch đã làm cho một bộ phận thanh niên phai nhạt lý công sản, mất phương hướng, mất niềm tin vào cuộc sống, vào con đường đi lên CNXH, vào sự lãnh đạo của Đảng. Điều này đặt ra vấn đề là cần nhận diện những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch từ đó đề xuất một số biện pháp phát huy vai trò trách nhiệm của thanh niên trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng.

Từ khóa: Vai trò của thanh niên; đấu tranh trên không gian mạng; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

1. Mở đầu

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn coi trọng vai trò của thanh niên, coi thanh niên là “*chủ nhân tương lai của đất nước*”, “*là rường cột của nước nhà*”. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã đặt nhiều kỳ vọng và luôn chăm lo đến việc giáo dục, rèn luyện cho đoàn viên, thanh niên. Trong Di chúc, Người đã dành một phần nói về thanh niên và căn dặn Đảng cần phải quan tâm đến việc giáo dục, bồi dưỡng thanh niên - thế hệ cách mạng cho đời sau. Người căn dặn: “*Đoàn viên thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng CNXH vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết*”⁽⁵⁾.

Ở Việt Nam, thanh niên trong độ tuổi từ

16 đến 30 tuổi là một lực lượng đông đảo, chiếm khoảng 30% dân số. Đây là lực lượng dân cư có nhiều tiềm năng về sức khỏe, trí tuệ và khả năng thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường trong nước và quốc tế. Thanh niên Việt Nam nhìn chung đều có tinh thần nhiệt tình cách mạng, hăng hái, tiên phong, ham học hỏi, có tinh thần đổi mới, sáng tạo. Tuy nhiên, do có những hạn chế nhất định về trình độ, kinh nghiệm sống nên thanh niên Việt Nam cũng dễ bị lôi kéo, kích động, thường dễ có tâm lý chán nản, bi quan trước những thất bại, vấp ngã đầu đời... Đây là những đặc điểm dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng.

Ngày nay, internet và mạng xã hội đã và đang tác động trực tiếp, xâm nhập sâu rộng vào mọi mặt của đời sống xã hội, tạo môi trường lan truyền hiệu ứng xã hội mau lẹ, rất khó quản lý, kiểm duyệt. Trong đó, thanh niên là đối tượng sử dụng nhiều nhất, chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất. Thanh niên cũng là lực lượng có vai trò đặc biệt

quan trọng trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Chính vì lẽ đó, trong thời gian qua, các thế lực thù địch đã luôn coi thanh niên là đối tượng chủ yếu để tuyên truyền, chống phá. Chúng triệt để lợi dụng các phương tiện truyền thông xã hội để tấn công vào thanh niên. Các thế lực thù địch hướng đến thanh niên chính là nhằm phá hoại tương lai của đất nước ta; phá hoại niềm tin, sự kỳ vọng của Đảng, của Bác và của nhân dân dành cho thế hệ tương lai của nước nhà. Đây là một âm mưu thâm độc mà các thế lực thù địch đã sử dụng, tấn công vào thanh niên các nước xã hội chủ nghĩa trước kia, nhằm “*phá hủy lực lượng cộng sản tiềm năng không thể coi thường ở các nước xã hội chủ nghĩa*”⁽⁶⁾. Điều này đặt ra vấn đề là cần nhận diện những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch từ đó đề xuất một số biện pháp phát huy vai trò, trách nhiệm của thanh niên trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng.

2.1. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nhận diện các âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch về chính trị, tư tưởng nhằm vào thanh niên

Để chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng, các thế lực thù địch đã dùng nhiều âm mưu, thủ đoạn hướng vào thanh niên. Trong đó, những âm mưu, thủ đoạn chủ yếu mà các thế lực thù địch thường sử dụng để xuyên tạc, chống phá là:

Thứ nhất, làm phai nhạt lý tưởng cao cả nhất của thanh niên Việt Nam - lý tưởng cộng sản bằng cách lấy sự sụp đổ của mô hình CNXH hiện thực ở Liên Xô và các nước Đông Âu làm cái cớ để xuyên tạc, phủ nhận con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Cho đến nay, các thế lực thù địch vẫn luôn rêu rao rằng, sự sụp đổ của CNXH hiện thực ở Liên Xô và các nước Đông Âu là một “*tất yếu lịch sử*” vì bắt nguồn từ “*sự lạc hậu, lỗi thời của bản thân chủ nghĩa Mác - Lê-nin*”; và bởi “*CNXH mà Mác nêu ra chỉ là một lý tưởng, một CNXH “không tưởng”, không bao giờ thực hiện được*”⁽¹⁾. Họ cũng cho rằng, CNXH khoa học mà các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã

xây dựng chỉ là một học thuyết “*viển vông*”, “*ảo tưởng*”... Những luận điệu đó được tung ra khắp nơi trên thế giới bằng nhiều hình thức, trên các diễn đàn khác nhau nhằm phủ nhận bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Xuất phát từ sự xảo biện đó, họ cho rằng hiện nay, Việt Nam cần “*tránh chỗ tối, tìm chỗ sáng*” để “*đi theo con đường tư bản chủ nghĩa*”(?!). Những luận điệu này được tung ra nhằm làm lung lạc tinh thần, lung lay ý chí của thanh niên; khiến cho thanh niên hoài nghi về con đường đi lên CNXH của Việt Nam; từ đó, làm phai nhạt lý tưởng cộng sản, mất mục tiêu phấn đấu.

Thứ hai, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm làm suy giảm niềm tin của thanh niên đối với Đảng. Các thế lực thù địch xuyên tạc rằng: “*Đảng Cộng sản Việt Nam có nhiều sai lầm trong quá khứ, dù quá khứ có làm được một số việc thì bây giờ chuyển sang thời kỳ mới, Đảng đã hết vai trò lịch sử, không còn đủ sức để lãnh đạo đất nước*”⁽¹⁾. Từ những hạn chế của công cuộc đổi mới, nhất là sự tụt hậu về kinh tế của Việt Nam so với các nước trong khu vực, các thế lực thù địch đã lên tiếng đổ lỗi cho Đảng ta lãnh đạo đất nước không hiệu quả nên cần phải “*trả lại cho nhân dân Việt Nam quyền tự quyết định vận mệnh của chính mình và của đất nước*”⁽¹⁾. Với danh nghĩa đứng về phía nhân dân, các thế lực thù địch đã khuyến khích nước ta cần phải đi theo mô hình “*xã hội dân chủ*”, thực hiện chính sách “*chính trị đa nguyên*”, “*đa đảng đối lập*”. Chúng còn xuyên tạc, phủ nhận những thành tựu của Việt Nam trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hòng làm cho thanh niên mất niềm tin vào Đảng, từ đó hoài nghi, dao động về lập trường tư tưởng, mất phương hướng.

Thứ ba, các thế lực thù địch xuyên tạc bản chất của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam làm cho một bộ phận không nhỏ thanh niên có nhận thức sai lệch. Ngoài ra, các thế lực thù địch còn ra sức thổi phồng những thành tựu của chủ nghĩa tư bản hiện đại, tuyên truyền, cổ xúy lối sống phương Tây với những biểu hiện thực dụng, coi trọng các giá trị vật chất, lối sống cá nhân, vị kỷ,... nhằm làm cho thanh niên dễ bị lôi kéo, mua chuộc, dễ bỏ quên những

giá trị truyền thống tốt đẹp, có biểu hiện “*sính ngoại*”, sẵn sàng vì lợi ích cá nhân mà đánh đổi lợi ích của tập thể, của dân tộc...

Thứ tư, chúng lập ra nhiều trang web mạo danh các đồng chí ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương Đảng, lãnh đạo các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương, một số nhân vật được xã hội chú ý hoặc nhân danh “*đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực*”, “*bảo vệ môi trường*”, “*bảo vệ chủ quyền biển, đảo*”, “*phản biện xã hội*”, “*hiến kế cho Đảng*”,... để bình luận, xuyên tạc, hạ thấp uy tín, làm mất niềm tin của quần chúng nhân dân với Đảng, Nhà nước. Các thế lực thù địch, phản động đưa lên mạng xã hội và internet những mặt trái của xã hội, khai thác những thông tin tiêu cực, không chính thống, sai trái để hướng lái, dẫn dắt dư luận theo chiều hướng tiêu cực, làm cho người đọc mơ hồ, mất cảnh giác nhằm mục đích tạo nên sự hoài nghi, phản kháng với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, từ đó, chuyển dần sang tư tưởng sai trái, thù địch, phản động.

Trước sự chống phá đó, không ít thanh niên đã có những biểu hiện phai nhạt lý tưởng, xa rời mục tiêu, “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*”. “*Một bộ phận thanh niên, trong đó có không ít sinh viên phai nhạt niềm tin, lý tưởng, mất phương hướng phấn đấu, không có chí lập thân, lập nghiệp; chạy theo lối sống thực dụng, sống thử, sống dựa dẫm, thiếu trách*

nhiệm, thờ ơ với gia đình và xã hội, sa vào nghiện ngập, hút sách, thiếu trung thực, gian lận trong thi cử, chạy điểm, chạy thầy, chạy trường, mua bằng cấp. Đây là những biểu hiện không thể coi thường”⁽²⁾. Thực trạng này không chỉ đe dọa trực tiếp đến cuộc sống, tương lai của thanh niên mà còn đe dọa trực tiếp đến tương lai của đất nước.

2.2. Một số biện pháp phát huy vai trò của thanh niên tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình trong nước, thế giới và cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ta hiện nay, cách ứng xử của thanh niên trên không gian mạng trước những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch là rất quan trọng, góp phần không nhỏ vào cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Do đó, để phát huy vai, trò trách nhiệm của thanh niên trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch cần thực hiện đồng bộ những biện pháp cơ bản như sau:

Một là, tích cực tuyên truyền cho thanh niên về nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng.

Cần tiếp tục đẩy mạnh

công tác tuyên truyền cho thanh niên về những nội dung Nghị quyết 35-NQ/TW thông qua những bài viết, bài nói chuyện, thông tin chuyên đề về Nghị quyết. Chủ thể tuyên truyền có thể là Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội; song quan trọng nhất phải là tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên - những tổ chức chính trị - xã hội liên quan trực tiếp đến thanh niên. Các hình thức tuyên truyền cần đổi mới, sáng tạo, linh hoạt gắn với đặc điểm thanh niên ở mỗi cơ quan, đơn vị, mỗi vùng, miền để thu hút sự quan tâm, chú ý của thanh niên; giúp cho thanh niên hiểu đúng, hiểu đủ tinh thần của nghị quyết và ý thức được trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Đặc biệt chú ý, quan tâm đến các hình thức, kỹ thuật, phương pháp đấu tranh trên không gian mạng.

Hai là, tăng cường giáo dục, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho thanh niên về việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng.

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là một nhiệm vụ hết sức khó khăn vì “*địch đứng trong bóng tối, ta đứng ngoài ánh sáng; địch có năm bảy kẻ thù với nhiều âm mưu, thủ đoạn, được sự hậu thuẫn của tài chính, khoa học - kỹ thuật còn ta vẫn chỉ là*

một nước đang phát triển”⁽³⁾. Do đó, để phát huy được vai trò, trách nhiệm của thanh niên, trước hết, cần tăng cường giáo dục cho thanh niên những kiến thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để thanh niên vững tin vào nền tảng tư tưởng của Đảng. Ngoài ra, cần đẩy mạnh công tác giáo dục, nâng cao nhận thức cho thanh niên về mạng xã hội, cách sử dụng mạng xã hội an toàn, thông minh. Đồng thời, động viên thanh niên cần tích cực tự học, tự trang bị các kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm sống để nhận diện thông tin xấu độc, hình thành khả năng phân tích trước các thông tin tràn lan trên mạng xã hội. Đặc biệt, định kỳ tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tham gia đấu tranh chống “*Diễn biến hoà bình*” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa trên không gian mạng cho thanh niên. Coi việc phòng, chống hiệu quả âm mưu, thủ đoạn “*diễn biến hoà bình*”, đấu tranh chống lại các quan điểm xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tạo ra “*hệ miễn dịch*”, “*sức đề kháng*” đối với mọi thông tin sai trái, xấu độc của các thế lực thù địch. Đây chính là thước đo kết quả xây dựng bản lĩnh chính trị của thanh niên.

Ba là, cần có cơ chế, chính sách trong việc huy động thanh niên tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không

gian mạng.

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là một nhiệm vụ rất khó khăn nhưng những điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ còn nhiều hạn chế “*chưa có cơ chế, chính sách hữu hiệu về vật chất, tinh thần thỏa đáng để thu hút đông đảo lực lượng tham gia đấu tranh*”⁽⁴⁾. Do đó, để phát huy được vai trò, trách nhiệm của thanh niên, cần có cơ chế, chính sách để huy động thanh niên như đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật để phục vụ cho việc rà quét, phát hiện, bóc gỡ, xử lý các thông tin xuyên tạc, sai trái; có cơ chế tài chính, cơ chế đảm bảo an toàn cho thanh niên khi thực hiện nhiệm vụ.

Bốn là, phát huy vai trò của tổ chức Đoàn các cấp trong việc định hướng tư tưởng, chính trị cho thanh niên, đa dạng hóa và đổi mới các hình thức tập hợp thanh niên xây dựng lực lượng nòng cốt đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng.

Hiện nay, phần lớn thanh niên đều sử dụng internet và mạng xã hội nên dễ dàng tiếp xúc với những thông tin trái chiều, có nội dung chống phá, xuyên tạc của các thế lực thù địch. Không phải ai cũng có khả năng kiên định hoặc nhận thức đúng bản chất của những thông tin đó nên không ít thanh niên dễ bị lôi kéo, kích động. Do đó, tổ chức Đoàn các cấp cần chủ động, kịp thời nắm bắt tình hình tư tưởng của thanh niên; từ đó có những biện pháp, cách thức

định hướng tư tưởng chính trị cho thanh niên giúp họ tránh được sự lôi kéo, mua chuộc, kịp thời tuyên truyền, giáo dục, uốn nắn những thanh niên có biểu hiện tư tưởng lệch lạc, có xu hướng “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*”.

Bên cạnh đó, tổ chức đoàn các cấp cần đa dạng hóa và đổi mới các hình thức tập hợp thanh niên tổ chức đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Cần coi trọng xây dựng lực lượng nòng cốt trong thanh niên để chủ động đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Tập trung vào đội ngũ cán bộ trẻ trong những cơ quan nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn; thanh niên hoạt động trên các lĩnh vực báo chí, xuất bản, văn hóa, nghệ thuật... Cần lựa chọn những thanh niên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ lý luận chính trị và khả năng diễn đạt các vấn đề cần đấu tranh,... làm lực lượng nòng cốt để viết chuyên đề, viết các bài đấu tranh có chất lượng phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng.

Năm là, phát huy vai trò “*nêu gương*” của cán bộ đoàn các cấp trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng.

Quán triệt chủ trương của Đảng về thực hiện chế độ “*nêu gương*” của người đứng đầu, để huy động được đông đảo thanh niên tham gia bảo vệ nền

tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cần phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ đoàn các cấp. Đó là những bí thư, phó bí thư, cán bộ đoàn chuyên trách ở các cơ sở đoàn. Các cán bộ đoàn cần tiên phong, đi đầu trong việc thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW; tích cực học tập lý luận chính trị để trang bị kiến thức, nâng cao “khả năng miễn dịch”, tăng cường “sức đề kháng” trước âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Ngoài ra, các cán bộ đoàn cần tích cực, xung kích trong việc tuyên truyền, lan tỏa các thông tin tốt theo phương châm “*lấy cái đẹp dẹp cái xấu*”; đồng thời, tích cực đấu tranh phản bác các thông tin có nội dung sai trái, xuyên tạc về nền tảng tư tưởng của Đảng. Sự tiên phong, xung kích của đội ngũ cán bộ đoàn các cấp sẽ góp phần lan tỏa, cổ vũ, khích lệ tinh thần trách nhiệm của thanh niên trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

Sáu là, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức trách nhiệm của thanh niên trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của

Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng.

Để hoạt động bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng có hiệu quả, mỗi thanh niên cần ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để phát triển tư duy lý luận của mình, khắc phục triệt để tình trạng “*lười*” học tập lý luận chính trị, hoặc học tập một cách đại khái, qua loa, đối phó... Việc trang bị cho mình những kiến thức lý luận chính trị là cách thức hữu hiệu để tăng cường khả năng “miễn dịch” trước sự lôi kéo, chống phá của các thế lực thù địch; góp phần tích cực vào việc bảo vệ nền tảng lý luận của Đảng. Ngoài ra, mỗi thanh niên cũng phải không ngừng bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh bằng thực tiễn sinh động, bằng những tri thức khoa học mới. Muốn bảo vệ một cách đúng nghĩa nhất phải thực sự sử dụng vũ khí tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phải phát huy sức mạnh thế giới quan và phương pháp

luận của nền tảng tư tưởng trong hoạt động thực tiễn; từ đó tăng cường khả năng “miễn dịch”, nâng cao “sức đề kháng” trước những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Bên cạnh đó, cần không ngừng học tập nâng cao nhận thức, kỹ năng nhận diện các quan điểm sai trái, thông tin xấu độc trên không gian mạng để việc đấu tranh đạt hiệu quả cao.

3. Kết luận

Cùng với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, trong cuộc đấu tranh trên mặt trận chính trị, tư tưởng, phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, thanh niên Việt Nam ngày càng chứng minh được vị trí, vai trò quan trọng của mình. Đây tuy là nhiệm vụ rất khó khăn, nhiều thử thách nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, với nhiệt huyết cách mạng, sự trẻ trung, nhạy bén, sáng tạo của tuổi trẻ, chúng ta tin tưởng nhiệm vụ này sẽ tiếp tục dành được những thắng lợi to lớn, tiếp nối truyền thống vẻ vang của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 48, 49, 51, 127.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh dành cho sinh viên Đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (tái bản có sửa chữa)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.264.

3. Cục Tuyên huấn, Tổng Cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam (2019), *Bảo vệ và phát triển tư tưởng của Đảng trong tình hình mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.21-22.
4. Cục Tuyên huấn, Tổng Cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam (2019), *Phòng, chống âm mưu, thủ đoạn tuyên truyền chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.131.
5. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 622.
6. Tống Thế Gia: “Vì sao Liên Xô sụp đổ”, Báo Thời nay, số 2, ngày 07-01-2010.



Định hướng chính sách chiến lược nâng cao tính bền vững của hệ thống lương thực thực phẩm quốc gia

Ts. Nguyễn Thị Lan Hương

*Chuyên gia Kinh tế cao cấp
Bộ phận Nghiên cứu chính sách, FAO*

Ts. Hoàng Thị Tuấn Oanh

Học viện Ngoại giao

Lời mở đầu

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng ta sẽ bàn về xu hướng phát triển của các bộ phận cấu thành của hệ thống lương thực thực phẩm bao gồm cả nông nghiệp, các nhân tố kích hoạt sự chuyển đổi tích cực của hệ thống, cũng như khuyến nghị định hướng chính sách dài hạn giải quyết câu hỏi:

“Làm thế nào để hệ thống lương thực thực phẩm quốc gia có thể đảm bảo đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, nhu cầu sử dụng nông sản phi lương thực một cách bền vững lâu dài đồng thời bảo vệ môi trường và các giá trị xã hội?”

Nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh lương thực và dinh dưỡng dài hạn ở Việt nam trong bối cảnh khủng hoảng chính trị và kinh tế trong bình thường mới

Trong những năm qua, tình hình an ninh lương thực quốc gia và dinh dưỡng của Việt nam đã đạt được thành tựu đáng kể. Số hộ đói nghèo đã giảm ở mức đáng ghi nhận. Tuy nhiên, mục tiêu về dinh dưỡng chỉ đạt ở mức rất khiêm tốn. Tình trạng dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng khá phổ biến. Theo thống kê năm 2020, tỷ lệ suy dinh dưỡng là 19,6%, tức là cứ 5 em thì có 1 em bị còi cọc, nhẹ cân hoặc béo phì. Trẻ béo phì đang gia tăng cả ở thành thị và nông thôn. Trong vòng 10 năm, 2010-2020, tỷ lệ béo phì tăng 2,2 lần. Chế độ ăn uống lành mạnh trở nên quá xa xỉ với điều kiện kinh tế của nhiều gia đình, đặc biệt là các hộ nghèo. Bất bình đẳng trong tiếp cận đến tư liệu sản xuất, nguồn lương thực, thực phẩm sạch trong hệ thống lương thực ngày càng phổ biến. Thị trường lương thực trong nước và xuất khẩu quốc tế đang tiềm ẩn bất ổn khó lường do kinh tế

toàn cầu ảm đạm với những biểu hiện giảm phát, tốc độ tăng trưởng kinh tế chững lại. Hệ thống lương thực thực phẩm tương lai có nguy cơ kém bền vững, nhạy cảm với các cú sốc kinh tế, ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên, biến đổi khí hậu và nguy cơ xung đột tranh chấp tài nguyên nước.

Đại dịch COVID-19 làm chững lại tất cả các tiến trình tích cực, làm suy giảm động lực chuyển đổi hệ thống kinh tế xã hội. Tất cả các chức năng cốt lõi của hệ thống lương thực thực phẩm như: sản xuất, chế biến, phân phối, tiêu dùng và sự tương tác của chúng đến hệ thống kinh tế xã hội và môi trường đều bị xuống cấp, dễ tổn thương. Theo dự báo của FAO, tình trạng tương lai có thể còn xấu đi khi chi tiêu công cho nông nghiệp đã giảm kể từ năm 2000. Năng suất lao động và thu nhập của nông hộ, người sản xuất nhỏ thấp hơn rất nhiều so với mức trung bình trang trại sản xuất, chế biến lớn. Khu vực miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long ghi nhận mức độ căng thẳng đe dọa cạn kiệt nguồn nước. Nữ giới vẫn

bị hạn chế về quyền tiếp cận, kiểm soát vốn xã hội (tài chính, lao động) và vốn tài nguyên cho sản xuất nông nghiệp (đất, nước, rừng, nguồn lợi thủy sản, v.v.). Tỷ lệ thực phẩm bị lãng phí và thất thoát cao, ước tính chiếm gần 2% GDP hàng năm. Trữ lượng cá biển và diện tích rừng, bền vững về mặt sinh học tiếp tục giảm. Bên cạnh đó, vai trò của các tổ chức, diễn đàn quốc tế, khu vực và hiệu lực quản lý hành chính đang ngày càng suy giảm, không hoàn thành trách nhiệm điều phối, giải quyết các vấn đề toàn cầu. Ngày càng phát sinh nhiều yếu tố rủi ro, không tính trước đồng thời xuất hiện, tương tác với nhau dẫn đến nguy cơ suy yếu toàn hệ thống.

Mục tiêu kép vừa phải đảm bảo an ninh lương thực, dinh dưỡng đồng thời vừa phải thực hiện cam kết giảm phát thải, tái tạo môi trường hiện đang gặp nhiều thách thức chưa từng có. Chính sách Tái cơ cấu nông nghiệp, thực hiện từ 2012 đến nay, đã và đang tạo đà tích cực nâng cao khả năng phục hồi của hệ thống lương thực thực phẩm. Tuy nhiên nông nghiệp, nông thôn, quản lý tài nguyên thiên nhiên cần có những đột phá mang tính hệ thống, chuyển đổi sâu sắc về chất thì mới đảm bảo cuộc sống ấm no cho toàn dân trong tương lai và cam kết mục tiêu “Không còn nạn đói” vào năm 2030.

Xu hướng phát triển đã trở thành các thách thức. Về bản chất, một số thách thức gây sức ép bắt buộc hệ thống lương thực thực phẩm phải có những chuyển đổi, số khác lại đóng vai trò như nhân tố kích hoạt, tạo ra môi trường năng động, thúc đẩy sự biến đổi nội tại của hệ thống. Sau đây, chúng ta sẽ rà soát xu hướng và thách thức của từng nhân tố cấu thành hệ thống.

Các nhân tố cấu thành Hệ thống lương thực thực phẩm: Xu hướng và Thách thức

Trong nghiên cứu dự báo dài hạn mới nhất, FAO đã xác định có 18 nhân tố tác động lên hệ thống lương thực thực phẩm và nông nghiệp, được phân chia thành các nhóm: kinh tế xã hội, môi trường, và nội tại. Sáu trong số 18 có tác động bao trùm lên toàn hệ thống trong khi 12 nhân tố khác chỉ có ảnh hưởng cụ thể đến từng trụ cột an ninh lương thực (mức độ có sẵn, khả

năng tiếp cận, việc sử dụng và tính bền vững). Xu hướng vận động hiện tại của các nhân tố sẽ tạo thành động lực hoặc rào cản tác động lên quá trình chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm và nông nghiệp trong tương lai.

Các nhân tố *tác động toàn hệ thống* bao gồm: (1) Tăng dân số và đô thị hóa; (2) Tăng trưởng kinh tế và chuyển đổi cơ cấu; (3) Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia; (4) Dữ liệu lớn, (5) Bất ổn địa chính trị và gia tăng xung đột; (6) Rủi ro và sự không chắc chắn. Các nhân tố *tác động đến khả năng tiếp cận lương thực và sinh kế* gồm: (7) Nghèo đói, (8) Bất bình đẳng; (9) Giá lương thực. Các nhân tố *tác động đến sự sẵn có (sản xuất, thương mại quốc tế) và mức độ tiếp cận* gồm: (10) Đổi mới và khoa học công nghệ; (11) Đầu tư công vào hệ thống lương thực thực phẩm, (12) Thâm dụng vốn và thông tin; (13) Mức độ tập trung thị trường; (14) Mô hình tiêu dùng và dinh dưỡng. Các nhân tố *tác động tính bền vững* là (14) Sự khan hiếm và suy thoái tài nguyên thiên nhiên, (16) Dịch bệnh và suy thoái hệ sinh thái, (17) Biến đổi khí hậu và (18) “Kinh tế bền vững”.

Ngoài các tác nhân truyền thống, đã được phân tích trong nhiều nghiên cứu dự báo, bài viết sẽ nhấn mạnh đến 10 động lực mới nổi. Xu hướng phát triển gần đây của chúng ta tạo nên nhiều nhân tố bất ngờ, cần được theo dõi và phân tích kỹ hơn trong tương lai, bao gồm:

1. Béo phì và xu hướng tiêu dùng ngày càng nhiều thực phẩm có nguồn gốc động vật đang tăng lên. Giảm thiểu mọi thể loại suy dinh dưỡng (thấp bé nhẹ cân, thiếu vi chất dinh dưỡng, thừa cân và béo phì) là một vấn đề thách thức lớn đối với an ninh lương thực và dinh dưỡng quốc gia trong những thập kỷ tới. Xu hướng tiêu thụ ngày càng nhiều thực phẩm có nguồn gốc động vật sẽ làm giảm hiệu quả của hệ thống lương thực thực phẩm, do hệ số về mặt môi trường khi chuyển đổi giữa chất đạm có nguồn gốc động vật sang năng lượng, tương đối thấp. Để đạt được cùng mức năng lượng, thực phẩm từ sản phẩm động vật sẽ phát thải ra lượng khí nhà kính cao hơn so với thức ăn có nguồn gốc thực vật. Tiêu thụ nhiều thịt trong cơ cấu bữa ăn, sẽ gây áp lực quá tải lên tài

nguyên thiên nhiên và hệ sinh thái. Thay đổi thói quen ăn uống sao cho đảm bảo dinh dưỡng và thân thiện môi trường có thể thực hiện được nếu người tiêu dùng được cung cấp đầy đủ thông tin.

2. *Bất ổn địa chính trị và gia tăng xung đột, bao gồm cả xung đột về tài nguyên và năng lượng, là một nhân tố chính dẫn đến mất an ninh lương thực.* Trong những năm gần đây, hợp tác và an ninh toàn cầu đang bị suy giảm. Thế giới ngày càng phân cực trên 3 trục chính: Mỹ-Tây Âu, Trung Quốc và Nga. Nhiều cuộc nội chiến của các nước bị quốc tế hóa, có sự tham gia của bên ngoài. Chủ nghĩa dân tộc gia tăng; các tổ chức khủng bố xuyên quốc gia; tấn công mạng, bất ổn kinh tế, xã hội thời “hậu chiến” kéo dài. Chiến tranh và xung đột làm gián đoạn thị trường thương mại quốc tế, đứt gãy chuỗi cung ứng, đẩy giá lương thực thực phẩm tăng cao, đồng thời làm gia tăng thất nghiệp, giảm sức mua và mức độ tiếp cận các dịch vụ cơ bản. Bất ổn tại các nước không chỉ gây nên tác động xấu với thị trường nhập khẩu mà còn làm chững lại sản xuất, phân phối ở thị trường xuất khẩu, đe dọa nông nghiệp rơi vào tình trạng sản xuất thừa, lãng phí chi phí xã hội, suy yếu tính bền vững hệ thống lương thực thực phẩm dài hạn.

3. *Gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia.* Sự phụ thuộc này thông qua dòng dịch chuyên hàng hóa thương mại, đầu tư tài chính và người di cư, hoặc từ sở hữu chung toàn cầu như khí quyển, đại dương, nguồn nước, đất đai, hoặc từ quan hệ chia sẻ chung văn hóa, dữ liệu, kiến thức, và trách nhiệm (như gìn giữ hòa bình). Thông thường, các nước xuất khẩu lương thực thực phẩm thường bị yếu thế hơn các nước xuất khẩu vốn và công nghệ. Chính sách và cơ chế hấp dẫn vốn đầu tư và công nghệ nước ngoài đang làm tăng sự phụ thuộc của Việt Nam vào các nước có thu nhập cao. Thông qua dòng vốn đầu tư, công nghệ cao, hợp đồng gia công sản xuất, các đối tác nước ngoài với bàn tay vô hình sẽ là người chủ thật sự, điều tiết nền sản xuất nông nghiệp theo hướng có lợi cho chủ đầu tư, hơn là lợi ích quốc gia và lợi ích người dân.

4. *Giá lương thực tiếp tục tăng trên tất cả các thị trường, từ cổng trang trại, bán buôn, đến*

bán lẻ cho người tiêu dùng. Suy thoái tài nguyên, khí hậu cực đoan, giảm số lượng côn trùng thụ phấn, sâu bệnh v.v... dẫn đến giảm sản lượng. Sản lượng giảm cùng với thiếu nhất quán của chính sách điều hành đang đẩy giá lương thực lên cao. Tại trang trại, giá thành sản phẩm bị bóp méo do tình trạng tính không đủ chi phí sản xuất, đặc biệt là chi phí tài nguyên và các cơ chế hỗ trợ thông qua khuyến nông, miễn thuế, phí. Trợ giá trực tiếp hay gián tiếp nhằm neo giữ lợi thế cạnh tranh trước mắt cho các sản phẩm chủ lực. Về lâu dài, điều này tạo ra tác động tiêu cực, lãng phí nguồn thu ngân sách làm trầm trọng sự thiếu hụt của đầu tư công cho các giải pháp phát triển bền vững lâu dài. Giá thành sản xuất không phản ánh giá trị xã hội trong sản phẩm, vô tình khuyến khích mô hình phát triển trồng trọt chăn nuôi không tính đến tiết kiệm tài nguyên, hoặc giảm phát thải khí nhà kính. Phát triển hệ thống lương thực thực phẩm bền vững yêu cầu phải tính đủ chi phí tài nguyên, có thể sẽ làm tăng giá lương thực, thực phẩm tiếp tục tăng trong các thập kỷ tới.

5. *Bùng nổ ứng dụng dữ liệu lớn (Big data).* Dữ liệu lớn là quá trình thu thập, lưu trữ, phân tích và trích xuất kiến thức từ dữ liệu có khối lượng lớn và phức tạp, thường bằng trí tuệ nhân tạo (AI) và các thuật toán, bao gồm cả học máy (machine learning). Dữ liệu lớn bắt đầu được áp dụng cho nông nghiệp chính xác, canh tác thông minh và canh tác dựa trên kỹ thuật số, truy suất nguồn gốc, quản lý chuỗi cung ứng, v.v... Phát triển và ứng dụng dữ liệu lớn gây nên tác động tiêu cực hay tích cực đến hộ sản xuất nhỏ và tính bền vững tổng thể hệ thống, sẽ tùy thuộc vào việc nhà nước và tổ chức đa quốc gia quản lý và chia sẻ nó như thế nào. Nếu quyền sở hữu dữ liệu lớn nằm trong tay các tổ chức nước ngoài như một tài sản riêng, thì nông hộ nhỏ sớm muộn cũng sẽ bị loại chuỗi cung ứng toàn cầu, cũng như thị trường trong nước.

6. *Thay đổi cơ cấu chủ thể trong đầu tư vào hệ thống lương thực thực phẩm.* Tỷ lệ đầu tư công cho nông nghiệp ngày càng suy giảm so với tỷ lệ đóng góp của nông nghiệp vào GDP cả nước. Doanh nghiệp tư nhân có xu hướng đầu tư

vào nông nghiệp ngày càng nhiều hơn. Do đó, cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước một cách chiến lược để thu hút đầu tư tư nhân ngày càng trở nên quan trọng. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào nông nghiệp thấp hơn so với các ngành khác và chủ yếu liên quan đến xuất khẩu. Tổng đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, phân khúc thượng nguồn trong chuỗi giá trị, từ vốn tự có của nông dân vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, bao gồm cả những khoản tín dụng vi mô trên thị trường tài chính không chính thức, qua hợp tác xã tín dụng và quỹ tiết kiệm thôn bản. Đầu tư trong nước vào các phân khúc hạ nguồn của chuỗi giá trị còn thấp và rất thấp, các nhà đầu tư trong nước không thu được nhiều giá trị gia tăng từ các sản phẩm nông nghiệp, hạn chế quá trình tái đầu tư lên nông nghiệp cũng như toàn nền kinh tế.

7. Lợi thế cạnh tranh trong sản xuất dựa trên mức độ thâm dụng vốn và thông tin. “Tăng cường vốn”, được đo bằng chỉ số tăng thêm vốn trên một đơn vị lao động. Công nghệ mới tạo nên mô hình chia sẻ giá trị gia tăng mới giữa người sở hữu vốn và người lao động, giữa đơn vị nước ngoài xuất khẩu vốn, công nghệ và đơn vị cung cấp nhân lực trong nước. Công nghệ càng cao thì người sở hữu vốn càng nhận được phần giá trị gia tăng lớn hơn. Với sự phát triển của công nghệ tự động và kỹ thuật số, dữ liệu trong nước cần được thu thập và lưu trữ, nhưng các nền tảng lưu trữ lại thường đặt ở nước ngoài. Quan ngại là những người chủ công nghệ nước ngoài sẽ kiểm soát công nghệ và sử dụng dữ liệu để kiểm soát các quy trình trong nước và/hoặc bán thông tin đã xử lý cho bên thứ ba cho các mục đích sử dụng khác. Nếu không có cơ chế kiểm soát thông tin và dữ liệu đúng cách, việc áp dụng công nghệ sẽ dẫn đến thay đổi mô hình sở hữu và kiểm soát sản xuất và tài nguyên trong nước, qua con đường về quyền sở hữu vốn và dữ liệu của nước ngoài.

8. Quá trình tập trung hóa thị trường lương thực thực phẩm, đầu vào và đầu ra của nông nghiệp ngày càng tăng. Các tập đoàn lớn đang thâm nhập vào tất cả các khâu trong hệ thống nông nghiệp và lương thực, từ cung cấp đầu vào sản xuất cho đến hệ thống bán lẻ. Chuỗi giá trị toàn cầu do các công ty đa quốc gia, xuyên quốc

gia điều hành, sẽ cấu trúc nên nền kinh tế lương thực thế giới. Tiêu chuẩn chất lượng thực phẩm thực chất, quy chuẩn sản xuất và chế biến, hay định hướng nhu cầu tiêu dùng thực chất do những công ty này dẫn dắt. Tập trung hóa dẫn đến tác động tiêu cực cả về tiêu dùng và sản xuất. Tiêu dùng, người dân gặp vấn đề về thiếu dinh dưỡng vi lượng khi ăn nhiều lượng từ một số ít chủng loại. Về sản xuất, trồng trọt chăn nuôi chủ yếu dựa vào hộ sản xuất nhỏ, manh mún, lệ thuộc vào chất lượng vật tư thiết bị đầu vào của các công ty độc quyền bán, và yêu cầu chất lượng đầu ra của các công ty độc quyền mua. Cạnh tranh sinh tồn giữa nông hộ nhỏ và các công ty lớn đầy quyền lực ngày càng khốc liệt, có thể dẫn đến làn sóng di cư ồ ạt từ nông thôn ra thành thị khi các nông hộ nhỏ bị mất kế sinh nhai. Xu hướng “tiêu dùng hàng bản địa” hình thành từ lệnh phong tỏa trong đại dịch COVID-19 mang đến một cơ hội hiếm có thúc đẩy phát triển hệ thống lương thực thực phẩm địa phương, lợi ngược dòng xu hướng tập trung hóa thị trường, giúp tăng cường tính đa dạng và bền vững.

9. Phát triển Kinh tế biển không bền vững và nguy cơ ô nhiễm môi trường nước ngày càng tăng. Nuôi trồng thủy sản, đã phát triển nhanh trong ba thập kỷ qua, ngày càng trở thành nguồn dinh dưỡng cung cấp đạm động vật cao cấp, bổ sung vi chất cho mục tiêu dinh dưỡng quốc gia, cũng như đẩy mạnh xuất khẩu, thu ngoại tệ cân bằng cán cân thương mại. Vấn đề đặt ra là cần ưu tiên phát triển thủy sản vì mục tiêu an ninh lương thực và dinh dưỡng toàn dân trong điều kiện khai thác và nuôi trồng bền vững, thay vì lựa chọn mục tiêu thương mại, cân bằng cán cân thanh toán. Hiện nay, rất thiếu quy định, khung pháp lý và hành vi theo nguyên tắc Kinh tế Xanh đối với môi trường biển, đặc biệt trong nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản. Mức độ gia tăng của rác biển, đặc biệt là nhựa, tác động tiêu cực đến sản lượng đánh bắt và chất lượng thủy hải sản, tỷ lệ bị ô nhiễm cao hơn. Nuôi trồng thủy sản sử dụng rộng rãi thuốc kháng sinh và gây ô nhiễm nước, tạo ra nguy hiểm tiềm ẩn cho sức khỏe con người và tác động tiêu cực đến hệ sinh thái. Áp dụng phương pháp tiếp cận “kinh tế xanh” vào thực

tế, bị hạn chế bởi cơ chế quản lý hành chính còn nhiều yếu kém, thiếu cơ chế khuyến khích cộng đồng ngư dân và người lao động nghề cá tham gia vào quá trình ra quyết định. Nếu tình trạng còn tiếp tục kéo dài, suy thoái hệ sinh thái biển, cạn kiệt nguồn lợi thủy sản, phá hủy môi trường nuôi trồng thủy sản là điều không thể tránh khỏi.

10. *Rủi ro và bất ổn không lường trước* đang ngày càng gia tăng. Hoạt động sống không thân thiện môi trường đã và đang gây ra rất nhiều rủi ro. Tích lũy và tác động cộng hưởng qua lại giữa các rủi ro liên kết với nhau đã trở thành nguồn gốc của sự bất ổn. Đến ngưỡng, chúng có thể tạo ra “hiệu ứng cánh bướm” dẫn đến bùng phát tác nhân tiêu cực khó đoán gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ thống lương thực thực phẩm, vốn đã dễ tổn thương, trong tương lai. Ví dụ, đại dịch bệnh là hệ lụy tất yếu của quá trình tích lũy tác động tiêu cực từ biến đổi khí hậu, mất đa dạng sinh học, ô nhiễm, xung đột, suy yếu an ninh lương thực và dinh dưỡng toàn cầu.

Viễn cảnh của hệ thống lương thực thực phẩm và nông nghiệp toàn cầu trong tương lai

Xu hướng và thách thức của từng tác nhân và sự tương tác chéo giữa chúng, sẽ cung cấp các tín hiệu dự báo viễn cảnh hệ thống lương thực thực phẩm và nông nghiệp tương lai. Theo xu hướng hiện tại, các giải pháp chính sách ưu tiên kết quả ngắn hạn, mang tính chắp vá, chỉ nhất thời chống đỡ sự sụp đổ hệ thống. Điều này sẽ chỉ dẫn đến sự suy thoái tính bền vững, sức dẻo dai chống chịu dài hạn của hệ thống, đẩy số người nghèo đói tăng lên trong tương lai. Lúc đó, nền nông nghiệp vẫn dựa trên phương thức canh tác, nuôi trồng lạc hậu, sử dụng quá tải tài nguyên thiên nhiên. Chế độ ăn vẫn không cân bằng dinh dưỡng, bị phụ thuộc vào nguồn động vật. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế vẫn được tiếp tục ưu tiên, những vấn đề xã hội và môi trường vẫn không được giải quyết, tình trạng đói nghèo sẽ vẫn tồn tại dai dẳng. “Hợp tác công-tư” (PPP), khá thịnh hành trong những năm đầu thế kỷ 21, có tiềm năng kích hoạt chuyển đổi nhưng do không được giám sát, cuối cùng dẫn đến hình thành xu hướng khối tư nhân trục lợi từ việc tạo ra một hình ảnh “thân thiện với môi trường” hoặc “có trách nhiệm

xã hội”. Thế chế vĩ mô với quan hệ giữa các chủ thể nhà nước – tư nhân – nhân dân bị bóp méo. Chính sách và chiến lược phát triển không hiệu quả, bị các nhóm lợi ích thao túng. Cán cân thanh toán quốc tế mất cân bằng, gia tăng phụ thuộc vào nguồn vốn và công nghệ nước ngoài, lợi ích quốc gia và toàn dân bị xâm hại. Mục tiêu “Không còn nạn đói” về cơ bản đã không đạt được vào năm 2030 mặc dù một số khía cạnh có thể hoàn thành.

Nếu các xã hội vẫn tiếp tục phân tầng, lợi ích nhóm vẫn đặt trên lợi ích quốc gia thì không có cách nào chống đỡ lại sự sụp đổ hệ thống lương thực, thực phẩm. Các nhóm tư bản trong nước và xuyên quốc gia, sẽ bảo vệ lợi ích của mình bằng nhiều cách, từ can thiệp chính sách đến bành trướng tập trung hóa thị trường. Kinh tế rơi vào khủng hoảng. Khủng hoảng liên tiếp sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng, nghèo đói trên diện rộng. Đói nghèo dẫn đến bất ổn, nội chiến và xung đột, di cư ồ ạt, khai thác hủy diệt tài nguyên thiên nhiên, mất đa dạng sinh học. Hệ lụy mất đa dạng sinh học và chức năng của hệ sinh thái sẽ dẫn đến sự xuất hiện của các đại dịch mới. Các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, an ninh chính trị, thương mại quốc tế ... hoàn toàn rơi vào lãng quên. Tất cả các cấu thành của hệ thống lương thực thực phẩm sẽ bị suy thoái nghiêm trọng. Hệ thống ngày càng nhạy cảm và suy yếu.

Thay đổi phương pháp tiếp cận trong xây dựng Mục tiêu chính sách: Chấp nhận phương thức đánh đổi, cân bằng các mục tiêu

Muốn xây dựng một hệ lương thực thực phẩm cần bắt đầu từ thay đổi tư duy trong xây dựng mục tiêu định hướng chính sách. Tiếp cận theo nhiệm kỳ với ưu tiên mục tiêu ngắn hạn không còn phù hợp, cần tầm nhìn dài hạn, thoát khỏi khuôn khổ nhiệm kỳ. Bài toán hóc búa chưa từng có trong lịch sử, “làm sao nuôi được toàn dân một cách bền vững lâu dài khi đồng thời phải bảo tồn tài nguyên thiên nhiên” cần giải pháp dài hạn, hướng đến viễn cảnh an ninh lương thực và dinh dưỡng quốc gia bền vững sau năm 2050 và 2100.

Giải pháp tối đa hóa tất cả các mục tiêu

không phải lúc nào cũng khả thi khi mà nguồn tài nguyên luôn hữu hạn. Điều này đòi hỏi các nhà quyết sách phải dừng cảm cân nhắc, lựa chọn mang tính đánh đổi khi phân bổ nguồn lực cho các mục tiêu hay theo đuổi mục tiêu bền vững hệ thống dài hạn. Mười câu hỏi thường gặp khi phải lựa chọn ưu tiên chính sách, bao gồm:

1) Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, hay Tập trung giải quyết vấn đề môi trường, an sinh xã hội?

2) Đảm bảo đạt sản lượng bền vững bằng tính đủ chi phí xã hội và chi phí môi trường cho sản phẩm nông nghiệp, hay Đảm bảo an ninh lương thực và dinh dưỡng qua tăng sức mua của người dân?

3) Tăng sản lượng nông sản, hay Giảm phát thải khí nhà kính?

4) Tiếp tục tăng đều sản lượng nông sản, hay Giảm tối thiểu sự mở rộng đất nông nghiệp?

5) Tăng việc làm, hay Tăng lương?

6) Đầu tư hiện đại hóa nông nghiệp hay tăng việc làm?

7) Tăng sự sẵn có của lương thực thực phẩm, hay Tăng tỷ trọng năng lượng sạch từ Sinh khối?

8) Đầu tư vào an sinh xã hội, hay Đầu tư cơ sở hạ tầng?

9) Đảm bảo mục tiêu an ninh lương thực, hay Theo đuổi mục tiêu an toàn thực phẩm?

10) Tăng tiêu dùng và phúc lợi trước mắt, hay Tăng đầu tư để cho tương lai tốt hơn?

Việc lựa chọn đánh đổi giữa các mục tiêu chỉ mang tính thời điểm khi xây dựng chính sách. Vì các mục tiêu này luôn có tác động tích cực đến nhau, nên nếu ưu tiên các mục tiêu dài hạn thì các mục tiêu ngắn hạn cũng sẽ đạt được. Sự lựa chọn này không chỉ hạn hẹp trong các quyết sách đầu tư, mà cần dựa trên phân tích sâu tác động chính sách và dự báo chính sách để có thể chọn biên độ tối đa sao cho dung hòa giữa các mục tiêu.

Khuyến nghị Định hướng chính sách hướng đến Hệ thống lương thực thực phẩm bền vững

Các khuyến nghị chính sách chiến lược dưới đây, nhằm đạt được hệ thống bền vững sau năm 2050 và 2100, chứ không chỉ hướng đến Mục tiêu Chiến lược 2030. Các giải pháp chính sách nhằm gây tác động tích cực lên các “nhân tố kích hoạt” của hệ thống với giả thiết rằng nếu các nhân tố được tác động đúng hướng, thì cả hệ thống sẽ tự vận động theo. Từng yếu tố kích hoạt có tác động kép lên hệ thống. Một mặt tác động trực tiếp đến quá trình chuyển đổi, mặt khác tác động qua lại lẫn nhau, tạo môi trường thúc đẩy hay kìm hãm nhau.

Lựa chọn giải pháp chiến lược kích hoạt hệ thống nhất định phải đặt lợi ích quốc gia, lợi ích toàn dân trong mối quan hệ hợp tác toàn cầu làm tiền đề. Cũng cần vượt qua rào cản về lợi ích nhóm, ý đồ cá nhân, và phải chấp nhận đánh đổi mục tiêu ngắn hạn lấy sự bền vững, khả năng phục hồi dài hạn. Nhóm yếu tố cần ưu tiên kích hoạt bao gồm: Nâng cao nhận thức của người tiêu dùng; Phát triển thể chế và nâng cao hiệu quả công tác quản trị; Nâng cao thu nhập và bình đẳng xã hội; Tăng cường áp dụng công nghệ và phương pháp đổi mới.

Nâng cao nhận thức của người tiêu dùng phải được coi là xuất phát điểm của mọi tác động chính sách. Lựa chọn tiêu dùng với những yêu cầu cụ thể về chất lượng, độ an toàn, giá trị môi trường và xã hội kết tinh lên sản phẩm hàng hóa, dịch vụ sẽ tạo áp lực lên các nhà sản xuất. “Cầu kéo” sẽ làm thay đổi toàn bộ hệ thống lương thực thực phẩm. Một số khuyến nghị định hướng chiến lược chính sách nhằm nâng cao nhận thức của người tiêu dùng, bao gồm:

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho người dân về giảm thất thoát, chống lãng phí lương thực thực phẩm. Giảm lãng phí sẽ tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính từ sản xuất, vận chuyển, lưu trữ và phân phối sản phẩm nông nghiệp, và giảm nhu cầu mở rộng đất nông nghiệp.

- Nâng cao nhận thức về giá trị văn hóa, môi trường, xã hội trong sản phẩm nông nghiệp mà họ tiêu thụ hàng ngày, bằng cách xây dựng kênh liên kết trực tiếp giữa người sản xuất và

người tiêu dùng, giáo dục cộng đồng thông các chương trình an sinh xã hội.

- Giáo dục ý thức tiêu dùng xanh qua chương trình học, các quy định và hướng dẫn về chế độ ăn uống, các chiến dịch truyền thông, thúc đẩy hành vi, khuyến khích áp dụng thực đơn lành mạnh sử dụng lương thực thực phẩm có nguồn gốc từ sản xuất bền vững.

- Lấy thanh thiếu niên làm trung tâm, nâng cao vai trò và sự tham gia vào quá trình hoạch định chính sách, quy hoạch, kế hoạch liên quan đến biến đổi khí hậu và cam kết chính trị. Đầu tư vào thanh thiếu niên là đầu tư vào tương lai. Sự tham gia của thanh niên trong lĩnh vực thực phẩm và nông nghiệp là chìa khóa để chuyển đổi các tập quán nông nghiệp, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản lạc hậu, thâm dụng tài nguyên sang các phương thức sản xuất, chế biến thân thiện môi trường.

- Xây dựng hành lang pháp lý và thể chế cần thiết cho phép các tổ chức xã hội, ngành nghề, doanh nghiệp tư nhân, người tiêu dùng và chính quyền cấp cơ sở tham gia vào quá trình vận động chính sách, hoạt động giáo dục nâng khung pháp lý, đưa ra những lựa chọn mô hình sản xuất, tiêu dùng bền vững.

- Phát huy tính đa mục tiêu của phương tiện truyền thông. Thông qua đó xây dựng quan điểm và hành vi tiêu dùng xanh. Bên cạnh đó, cũng cần có biện pháp hành chính ngăn chặn, xử phạt 'tin giả', gây nhiễu và làm lệch lạc hành vi tiêu dùng.

Phát triển thể chế và nâng cao hiệu quả công tác quản trị nhà nước

Thể chế và quản trị đóng vai trò tiên quyết, hình thành môi trường cho các cấu phần cơ bản của hệ thống lương thực thực phẩm vận hành. Tính bền vững của an ninh lương thực và dinh dưỡng quốc gia không thể giải quyết chỉ bằng nỗ lực của riêng chính phủ, mà cần có sự hợp tác xuyên biên giới, với các nước và tất cả các tầng lớp xã hội khác. Những lĩnh vực cần nâng cao thể chế và khung chính sách bao gồm:

- Xây dựng chính sách và khung pháp lý

đảm bảo quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng lâu dài đất nông nghiệp, mặt nước, nguồn lợi thủy sản, nguồn nước nhằm khuyến khích đầu tư dài hạn vào tái tạo và khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên trong sản xuất nông nghiệp.

- Chính sách và cơ chế thúc đẩy ứng dụng dữ liệu lớn và công nghệ số trên toàn chuỗi giá trị nông sản nhằm nâng cao quy chuẩn giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm và tính minh bạch trong chuỗi cung ứng. Tạo dựng các cộng đồng công nghệ và đổi mới, nâng cao quản trị toàn hệ thống lương thực thực phẩm.

- Xây dựng khung pháp lý quản lý dữ liệu lớn sao cho hài hòa hợp lý lợi ích quốc gia, nhà đầu tư và người nông hộ nhỏ trong thu thập, lưu trữ, sở hữu, bảo mật, sử dụng và truy cập.

- Xây dựng các quy định, quy phạm pháp luật về quản lý nguồn gen (genome), hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ chỉnh sửa hệ gen (gen editing), nhằm ngăn chặn việc sử dụng công nghệ cho mục các mục đích đi ngược lại giá trị đạo đức và giải quyết quyền lợi kinh tế chính đáng liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ và lợi ích xã hội.

- Tạo dựng môi trường pháp lý thuận lợi để loại bỏ dần các mô hình, công nghệ sản xuất lạc hậu thâm dụng tài nguyên và nguồn lực xã hội sang các mô hình bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Phát huy dân chủ cơ sở, xây dựng hệ thống quản trị lấy người dân bản địa và các nhóm dễ bị tổn thương khác làm trung tâm.

- Cần tăng cường thể chế và quản trị tốt hơn để giải quyết các vấn đề liên quan đến thị trường lao động, điều kiện việc làm và di cư từ nông thôn ra thành thị.

- Xử phạt các hành vi phá rừng, khai thác hủy diệt nguồn lợi thủy sản, sử dụng nước ngầm quá mức, gây suy thoái chất lượng đất v.v... không chỉ trong phạm vi quốc gia, mà ở mức khu vực và toàn cầu.

- Tham gia tích cực các công ước quốc tế và khu vực nhằm kiểm soát sự lũng đoạn của các công ty xuyên quốc gia, tránh độc quyền mua và

bán, bóp méo giá cả thị trường, phân chia lợi ích bất bình đẳng giữa các bên khác nhau trong chuỗi giá trị, giảm thiểu bất bình đẳng trong tiếp cận thực phẩm giàu dinh dưỡng.

- Tích cực tham gia xây dựng và thực hiện các cam kết quốc tế và khu vực về giải quyết các vấn đề liên quan đến an ninh quốc gia, an ninh năng lượng, an ninh lương thực xuyên biên giới.

- Cần xây dựng hệ thống cảnh báo sớm xung đột và quản trị quản trị rủi ro để ngăn ngừa, quản lý và kiểm chế xung đột.

Chính sách và văn bản dưới luật cần được thể chế hóa theo bối cảnh cụ thể của từng vùng và từng thời điểm. Đảm bảo chương trình và hành động đạt hiệu quả dựa trên sự hiểu biết tốt về quản trị hệ thống lương thực thực phẩm ở cả cấp quốc gia và cấp địa phương.

Nâng cao thu nhập và Bình đẳng xã hội

Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu toàn nền kinh tế vừa là kết quả, vừa là động lực của quá trình chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm. Phát triển kinh tế, tăng thu nhập trên đầu người về cơ bản sẽ giúp cải thiện an ninh lương thực và dinh dưỡng, tuy nhiên nó cần có chính sách phân phối và tái phân phối xã hội hợp lý. Xu hướng phát triển kinh tế xã hội hiện nay đang làm tăng sự bất bình đẳng. Một nhóm nhỏ tầng lớp trung lưu làm giàu nhanh chóng trong khi tình trạng đói nghèo, thu nhập bấp bênh của người sản xuất nhỏ trên thị trường không chính thức, ở vùng sâu vùng xa vẫn còn tồn tại dai dẳng. Một số khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao thu nhập và bình đẳng xã hội trong hệ thống lương thực thực phẩm, như sau:

- Xây dựng chuỗi giá trị toàn diện và thị trường khu vực có tính đến điều kiện đặc thù, nhằm tạo cơ hội việc làm nông nghiệp và phi nông nghiệp khuyến khích sự tham gia của nông hộ, người sản xuất nhỏ. Khai thác các giá trị vô hình trong chuỗi hành hóa nông sản làm tăng “lợi nhuận xanh” như du lịch và quản lý tài nguyên thiên nhiên.

- Phát triển các đô thị nhỏ, thị trấn, thị tứ kết nối giữa nông thôn và thành phố, tạo vùng

đệm phát triển công nghiệp chế biến, chợ đầu mối bán buôn hàng nông sản, nâng cao giá trị gia tăng. Nếu tập trung đầu tư tốt hạ tầng và dịch vụ cơ bản ở đô thị nhỏ, người dân có sinh kế tốt hơn, thì sẽ giảm sức ép quá trình di cư ồ ạt nông thôn lên thành phố, góp phần giảm tình trạng đói nghèo ở đô thị.

- Thực hiện tiếp cận đa ngành để giảm nghèo đa chiều. Phát triển kinh tế nông hộ nhỏ và các hoạt động kinh tế của phụ nữ thông qua chính sách, chương trình bảo trợ xã hội, mua sắm công, đầu tư hạ tầng nông thôn.

- Chính thức hóa thị trường lao động nông thôn, việc làm xanh và tài chính xanh. Đảm bảo người nghèo có quyền sử dụng đất nông lâm nghiệp và nguồn nước, có quyền tiếp cận các nguồn đầu vào nông nghiệp có chất lượng, dịch vụ khuyến nông, dữ liệu lớn và tiến bộ khoa học công nghệ.

- Chính sách tài khóa hợp lý, mở rộng hệ thống thuế, áp dụng phương pháp lũy tiến cho phép mở rộng không gian tài khoa, đảm bảo nguồn thu ngân sách đủ để đầu tư cho các giải pháp hướng đến tăng cường tính bền vững và khả năng phục hồi hệ thống lương thực thực phẩm.

- Định hướng lại chi tiêu công, tăng nguồn thu tài chính, theo dõi và ngăn chặn các dòng tài chính bất hợp pháp.

Phát triển khoa học công nghệ và sáng kiến đổi mới

Khoa học công nghệ là chìa khóa kỹ thuật của chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm. Với vai trò nhân tố kích hoạt, mục tiêu chính sách là làm sao khai thác công nghệ mới để phục vụ lợi ích toàn dân thay vì lợi ích của một nhóm. Sau đây là một số lựa chọn chiến lược và chính sách có thể thúc đẩy áp dụng khoa học, công nghệ:

- Chính phủ chủ động hợp tác với các nhà đầu tư tư nhân và các quốc gia khác để xây dựng công nghệ nguồn mở cho toàn dân sử dụng miễn phí như: phần mềm nguồn mở, dữ liệu mở, các mô hình trí tuệ nhân tạo (AI) mở và các tiêu chuẩn mở, và hệ một hệ sinh thái kỹ thuật số liên kết nông dân với người tiêu dùng. Điều quan

trọng là Chính phủ đặt ra được các quy định quản lý công ty công nghệ lớn có lượng dữ liệu lớn một cách hợp lý để khuyến khích họ sử dụng nền tảng dữ liệu vì lợi ích công, đảm bảo quyền lợi và áp dụng Dữ liệu lớn một cách toàn diện cho tất cả các tác nhân trong hệ thống lương thực thực phẩm.

- Ưu tiên đầu tư công nghệ tự động hóa và trí tuệ nhân tạo (AI). Ở cấp quốc gia, AI giúp Chính phủ giả quyết bài toán dự báo tác động chính sách, cung cấp cơ sở khoa học cho quá trình lựa chọn “đánh đổi” giữa các mục tiêu trong từng thời kỳ. Ở cấp độ trang trại, AI và tự động hóa giúp phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tiếp cận thị trường.

- Hỗ trợ nội địa hóa công nghệ và sáng kiến đổi mới thích ứng với điều kiện cụ thể của quốc gia và địa phương thông qua phát triển nguồn nhân lực. Chính phủ tiếp tục khuyến khích lồng ghép tri thức bản địa với giải pháp công nghệ mới ngoại nhập.

Tóm lại, nếu các bộ phận cấu thành nên hệ thống lương thực thực phẩm tiếp tục theo xu hướng hiện nay, thì tính bền vững và khả năng

phục hồi của hệ thống sẽ bị đe dọa nghiêm trọng và khủng hoảng lương thực có thể sẽ gia tăng trong tương lai. Xu hướng gia tăng dân số và đô thị hóa, bất ổn kinh tế vĩ mô, nghèo đói và bất bình đẳng, căng thẳng và xung đột địa chính trị, cạnh tranh gay gắt hơn đối với tài nguyên thiên nhiên và biến đổi khí hậu đang tàn phá các hệ thống kinh tế xã hội, hủy hoại môi trường. Chúng ta cần thay đổi tư duy. Không thể tiếp tục hài lòng với các giải pháp tình thế, ngắn hạn và chỉ tập trung bó hẹp trong khâu sản xuất, chế biến. Nâng cao thể chế và hiệu quả quản trị, nhận thức của người tiêu dùng, bình đẳng phân phối thu nhập, áp dụng công nghệ và phương pháp đổi mới là những yếu tố kích hoạt ưu tiên, tạo nên động lực quan trọng của hệ thống lương thực thực phẩm. Chiến lược và chính sách phù hợp là công cụ kích hoạt, lan truyền tác động tích cực đến hệ thống lương thực thực phẩm, kinh tế xã hội và môi trường. Việc kích hoạt những yếu tố này đòi hỏi xử lý các sự đánh đổi giữa mục tiêu, và cam kết mạnh mẽ hơn từ người dân và Chính phủ. Chính phủ cần có kế hoạch lộ trình chính sách cụ thể định hướng và điều phối các bộ phận cấu thành của Hệ thống lương thực thực phẩm hoạt động đồng bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. FAO 2022. *The Future of Food and Agriculture: Drivers and Triggers for Transformation*, Rome.
2. Bộ Y tế 2021. *Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030*, Hà Nội.
3. FAO 2018. *The Future of Food and Agriculture: Alternative Pathways towards 2050*, Rome.
4. Pizzetti Marta, Gatti Lucia (2019), *Socialwashing vs. Greenwashing: Explaining variation in investment intention as reactions to corporate irresponsibility. Proceedings of the European Marketing Academy, 48th, (9347)*
5. Lyon, Thomas P.; Montgomery, A. Wren (2015-03-23). "The Means and End of Greenwash". *Organization & Environment*. 28 (2): 223–249.

NSND AN PHÚC

Cả đời cống hiến cho nghệ thuật với những lý tưởng cao đẹp!

VƯƠNG TUẤN

NSND An Phúc sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Quỳnh Lưu - Nghệ An, nơi có truyền thống dân ca. Ngay từ khi còn nhỏ, ông đã được nuôi dưỡng và tưới tẩm tâm hồn bởi gia đình ba đời theo nghệ thuật. Năng khiếu trời phú cùng điều kiện gia đình đã nhen nhóm trong ông ước mơ cháy bỏng với nghệ thuật chân chính.

Quen biết qua nhiều đồng hương xứ Nghệ tại Hà Nội và trở nên gần gũi với Nhạc sĩ An Thuyên từ gần 20 năm trước, nhưng phải vào những ngày tháng tự năm nay, tôi mới có dịp lần đầu về thăm quê hương của cố Nhạc sĩ tại Quỳnh Lưu - Nghệ An cùng NSUT Hương Giang, cô cháu gái yêu quý mà ông vẫn thường tự hào giới thiệu với chúng tôi lúc sinh thời.

Đặt chân đến xã Quỳnh Thắng, tôi bị cuốn hút bởi cảnh sắc sơn thủy hữu tình tuyệt đẹp. Những con đường làng rộng mở thênh thang, những vạt rừng xanh chạy quanh ôm trọn hồ Vực Máu. Những mạch nước của lòng hồ len lỏi qua các đồi keo, đồi dứa như những mạch máu, vô tình tạo nên những ốc đảo xanh thắm thơ mộng trữ tình. Phải chăng những mạch nguồn nước mát nơi đây, cùng những điệu ví giặm và câu ca xứ Nghệ đã nuôi dưỡng nên những tâm hồn yêu nghệ thuật và hết



NSND An Phúc

lòng vì nghệ thuật như Nhạc sĩ An Thuyên, NSND An Phúc, NSUT Hương Giang, Nhạc sĩ An Hiếu (con ruột Nhạc sĩ An Thuyên) và nhiều thế hệ của dòng họ Nguyễn An nơi đây. Cuộc trò chuyện thân mật với NSND An Phúc trong chuyến thăm Quỳnh Lưu lần này, đã để lại trong tôi nhiều xúc cảm sâu sắc về những hy sinh, sự cống hiến và cả những thành quả của ông trên con đường giữ lửa truyền thống yêu nghệ thuật của gia đình và quê hương xứ Nghệ.

Bén duyên với nghệ thuật từ sớm

Trưởng thành từ cái nôi nghệ thuật, gia đình đã ảnh hưởng nhiều nhất tới lựa chọn của NSND An Phúc. Sự dìu dắt của ông bà nội, bố mẹ và

đặc biệt chú ruột là nhạc sĩ An Thuyên - người đã chấp cánh ước mơ, hướng cho ông đi theo con đường nghệ thuật. Tám người em ruột của ông đều có năng khiếu nghệ thuật. Trong đó, người em gái út của ông là Thượng tá, NSUT Hương Giang - Giảng viên thanh nhạc Trường đại học Văn hoá Nghệ thuật Quân đội được biết đến là giọng ca vàng xứ Nghệ, người lan tỏa nhiều ca khúc cách mạng, trữ tình mang âm hưởng dân ca các vùng miền trong và ngoài quân đội.

Tiếp nối con đường nghệ thuật của các thế hệ cha anh, cả bốn người con của ông đều theo học và trưởng thành từ các trường nghệ thuật: Con gái cả của ông là Thuỳ Linh, hiện là

Giáo viên dạy âm nhạc tại Nghệ An; chị Kiều Lê, cựu sinh viên Trường nghệ thuật Phú Thọ; Diễn viên múa Hiền Lương, hiện công tác tại Đoàn nghệ thuật quân khu 4; Ca sĩ Hải Yến, cựu sinh viên Trường đại học Văn hoá nghệ thuật Quân đội. Ông thường nói vui rằng mỗi lần cả nhà gặp nhau là cứ y như là mở hội âm nhạc. Chỉ có vợ ông - một cô giáo trường làng là làm khán giả ngồi thưởng thức với khuôn mặt rạng ngời hạnh phúc. Cùng với việc tiếp xúc bộ phim nhựa về Trần Quốc Toàn của đoàn chèo Nam Định đã thu hút ông tới với ước mơ nghệ thuật. Ngay từ khi còn nhỏ, NSND An Phúc tích cực tham gia các hoạt động văn nghệ của xóm làng và thiếu niên. Con đường nghệ thuật của ông ngày càng phát triển khi ông được vào Đoàn chèo Dân ca Nghệ An.

NSND An Phúc là một trong những thế hệ đời đầu của Nhà hát dân ca (hiện là Trung tâm Bảo tồn và phát huy di sản dân ca xứ Nghệ). Trong những giai đoạn đầu theo nghề, dù có nhiều khó khăn song người người nghệ sĩ không hề bỏ cuộc. Tại thời điểm đó, do đời sống không được đảm bảo nên nhiều người không chịu được mà xin nghỉ. Dù vậy, dưới sự ủng hộ của hậu phương, NSND An Phúc vẫn quyết tâm bám nghề tới cùng.





NSND An Phúc trong hình tượng Bác Hồ và một số vai diễn nổi tiếng

Để công chúng tiếp nhận những vở diễn, cũng như là những giai điệu dân ca, ông gặp không ít khó khăn. Xuất thân là nghệ sĩ hát chèo nên khi mới sang dân ca, NSND An Phúc gặp không ít trở ngại, thậm chí là cảm thấy lạc lõng. Vì vậy, ông không ngừng tự rèn luyện bản thân. Cố gắng như vậy hơn một năm, ông thành thục nghề và được giao vai chính.

Trên chặng đường dài làm nghệ thuật, NSND An Phúc luôn tâm niệm và khắc khi câu nói của Bác Hồ: “Người nghệ sĩ là chiến sĩ”. Bởi vậy, ông luôn cống hiến hết mình cho nghệ thuật. Từng vai diễn của NSND An Phúc là cả sự trăn trở, đam mê.

Những dấu ấn trên con đường nghệ thuật

Chia sẻ cảm nhận về NSND An Phúc, nhạc sĩ Thanh Lưu bày tỏ: “An Phúc là một

kép chính có rất nhiều nét nổi trội và hình thể đặc biệt. Cách hát chèo của An Phúc rất khác, không phải ai cũng làm được ngân hột như vậy. Đến khi hát chèo sát nhập với dân ca, những gì tinh túy của dân ca ví, giặm, An Phúc đều hát được cả”.

Với nhạc sĩ Đình Đắc:

“Nói đến NSND An Phúc, ngoài năng khiếu thì còn là người rất đam mê học hỏi, lăn lộn. Sau này thì nổi tiếng nhất vẫn là vai Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cứ mỗi chặng đường đi thì anh em thì sướng có, khổ có. Nhưng mà An Phúc khi nào cũng rất vui, khi nào cũng yêu nghề”.



NSND An Phúc và phu nhân

Hơn 40 năm đứng trên sân khấu, NSND An Phúc để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng công chúng bởi sự đỉnh đặc, điềm tĩnh. Các vai diễn về Hoàng tử Đức vua, những vị danh nhân lớn trong các tác phẩm "Hoàng tử Si than"; "Hoàng hậu Ba Tư"; "Chuyện tình ông vua trẻ"; "Lý Nhân Tông kế nghiệp"... đã đem lại nhiều giá trị trong sự nghiệp nghệ thuật Việt Nam. Tới năm 2016, ông được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân như là sự ghi nhận dành cho những cống hiến và nỗ lực của người nghệ sĩ gạo cội.

NSND An Phúc gây ấn tượng công chúng với phong thái điềm tĩnh và gương mặt phúc hậu, đặc biệt là trong các vai diễn về Bác Hồ. NSND An Phúc cho biết: “Thực ra, khi tôi nói mình đóng vai Bác Hồ, ai cũng rất ngạc nhiên. Lúc đó tôi béo lắm, tôi trên 70 cân mà Bác Hồ lại gầy. Cứ chiều là tôi không được ăn, tôi nhịn mãi cho đến khi tan kịch thì mới ăn cho bụng nó nhỏ bớt. Tôi nén người lại đấy thì để tạo ra cái hình ảnh Bác Hồ cho nó trọn vẹn”.

Thời điểm đầu, ông gặp nhiều khó khăn khi thể hiện những đặc điểm của nhân vật như tiếng nói, cử chỉ hành động và con người. NSND An Phúc chia sẻ, ông thường nhìn các đàn anh diễn vai Bác Hồ, sau đó rút kinh nghiệm và hòa mình vào nhân vật.

Không những để lại ấn tượng với vai diễn Bác Hồ mà NSND An Phúc còn rất thành công với vai diễn quyền quý như



NSND An Phúc bên gia đình hạnh phúc

là đức vua hay là hoàng tử. Với lợi thế là hóa trang giống nhân vật, ông dễ dàng đem tới thiện cảm và sự hào hứng với người xem bởi năng khiếu thư sinh.

Kể về những vai diễn đáng nhớ trong cuộc đời làm nghệ thuật, ông nhớ nhất những vai gắn với khán giả. Những nhân vật như Anh Bính, Hoàng tử Si than,.. tới các danh nhân Nghệ An là những vai diễn như vậy. Những vai diễn ấy đồng hành cùng khán giả, để lại trong họ những giá trị tinh thần không thể thay thế.

Có thể khẳng định, để chiếm được cảm tình của khán giả không phải chuyện dễ dàng nhưng NSND An Phúc lại là người làm được như thế.

Đứng ở vị trí nhân vật, nhập cái hồn của họ vào và thể hiện ngoài thực tiễn, cách người nghệ sĩ thể hiện tốt nhân vật đã chiếm trọn cảm tình của những khán giả khó tính. Để đạt được những thành công như vậy, NSND An Phúc phải đánh đổi rất nhiều. Từ việc hy sinh thời gian cho gia đình, cho tới hy sinh nghề nghiệp. Tuy

nhiên, điều đó không cần được ngọn lửa nghề cháy trong lòng người nghệ sĩ.

Giá trị truyền thống tiếp nối

Kể cả khi về nghỉ hưu, NSND An Phúc vẫn đau đầu khi nghĩ về nghệ thuật. Ông tiếp tục

đi diễn khi có nơi mời đóng Bác Hồ về thăm quê hoặc kỷ niệm về tỉnh ấy. Hiện ông đang cùng các đồng nghiệp nỗ lực bảo tồn và phát huy những giá trị của dân ca ví giặm trong đời sống nghệ thuật âm nhạc đương đại.

Ngoài ra, ông còn làm cố

vấn cho câu lạc bộ và tham gia Hội người cao tuổi. Vào hội, ông xây dựng một đội văn nghệ dành cho các thành viên yêu nghệ thuật. Đây cũng là cách để những con người ấy giải phóng những ngày mệt nhọc, sống tươi trẻ với những đam mê.

rằng dù con đường nghệ thuật của mình vất vả thật đấy, khó khăn thật đấy nhưng là một cái kết có hậu. Bởi sau khi tấm màn nhung hạ xuống, ông có một gia đình hạnh phúc: các con thành đạt, ông có người vợ tảo tần một lòng vì chồng, tôn trọng nghề nghiệp của chồng, trân trọng những vai diễn của chồng và ông được khán giả ghi nhớ...!

Chia sẻ với người viết này về người anh trai cả trong gia đình, NSUT Hương Giang cho biết, cùng với chú ruột An Thuyên, NSND An Phúc - người anh trai cả của mình là một trong những người có ảnh hưởng đến bước đường hoạt động nghệ thuật của mình và anh chị em, con cháu trong gia đình.

"Cuộc đời, sự nghiệp và những cống hiến không mệt mỏi của chú An Thuyên và anh An Phúc cho nghệ thuật đã tiếp thêm cho chúng tôi niềm tin để ngày vững bước trên con đường hoạt động nghệ thuật dù lắm chông gai. Chính những cống hiến của họ đã làm rạng danh tổ nghiệp, thôi thúc chúng tôi phải không ngừng nỗ lực sáng tạo, ngày càng có nhiều đóng góp tích cực cho cộng đồng...", NSUT Hương Giang chia sẻ.



Trong quãng thời gian hoạt động dài như thế, NSND An Phúc cho rằng thời gian là thứ ông cảm thấy nuối tiếc vô cùng. "Thời gian làm cho tôi già đi, làm cho tôi hết thời gian phục vụ nhanh quá, mặc dù năng lực mình đang còn dồi dào lắm. Ngày xưa mang gói lên sân khấu, ngày nay cấp cấp lại về quê. Tre già măng mọc là chuyện tất yếu", người nghệ sĩ gạo cội chia sẻ. Ông cũng nhấn mạnh, thế hệ trẻ cần cố gắng cống hiến cho nghệ thuật, cho đời để về sau không hối hận vì thời gian không chờ đợi một ai và suy cho cùng đời người ta

hơn nhau ở việc đã để lại cho đời những giá trị thiết thực.

Hơn 40 năm hoạt động trên sân khấu bằng tất cả tình yêu, sự lao động nghiêm túc và sáng tạo, NSND An Phúc đã có những thành quả nhất định. Với những cống hiến không nhỏ đối với nghệ thuật truyền thống, ông đã để lại những dấu ấn còn mãi với thời gian trong lòng của công chúng.

Có được thành quả trên con đường nghệ thuật như hôm nay, mặc dù đã về hưu, với NSND An Phúc thì đây là niềm hạnh phúc, hãnh diện. Ông nói



Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên Giáo Trung ương Nguyễn Trọng Nghĩa;
Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà; Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng;
Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam Lê Quốc Minh
thăm gian trưng bày Tạp chí PHANO tại Hội Báo toàn Quốc 2023

KỶ NIỆM
76 NĂM

NGÀY THƯƠNG BINH LIỆT SĨ
(27/7/1947 - 27/7/2023)



TỔ QUỐC

ĐỜI ĐỜI

GHI NHỚ

CÔNG ƠN

CÁC

ANH HÙNG

LIỆT SĨ

